

Nguyễn Thành

Bác Hồ với Châu Phi



NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NGUYỄN THÀNH

BÁC HỒ với châu Phi

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Lời Nhà xuất bản

Châu Phi là một trong những chiếc nôi của loài người, là vùng đất rộng lớn với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng và nguồn nhân công dồi dào. Do đó, ngay từ rất sớm thực dân phương Tây đã xâm lược châu Phi.

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh rời Việt Nam đi tìm đường cứu nước. Trong hành trình đi khắp thế giới để tìm hiểu về đời sống nhân dân các nước nói chung và nhân dân các nước thuộc địa nói riêng, Nguyễn Ái Quốc đã có thời gian làm việc trên một chiếc tàu đi vòng quanh châu Phi và qua đó Người đã có thêm nhiều hiểu biết về chủ nghĩa thực dân cũng như đời sống cơ cực, lầm than của người dân châu Phi.

Cầm phân trước tội ác của đế quốc thực dân, Nguyễn Ái Quốc đã cùng với Đảng Cộng sản Pháp, các chiến sĩ chống chủ nghĩa thực dân tổ chức ra Hội Liên hiệp thuộc địa, xuất bản tờ báo Le Paria - diễn đàn của nhân dân các nước thuộc địa. Với trách nhiệm là một trong những sáng lập viên tờ báo, là chủ nhiệm kiêm chủ bút, Nguyễn Ái Quốc đã tổ chức chỉ đạo biên tập, duyệt bài và trình bày

các trang báo. Bằng ngòi bút chính luận sắc sảo, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều bài đăng trên báo *Le Paria*, *L' Humanité*... đề cập đến nhiều vấn đề ở các nước châu Phi.

Sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, với cương vị là Chủ tịch nước, mặc dù rất bận rộn với công việc lãnh đạo đất nước nhưng Người luôn quan tâm đến tình hình châu Phi và có nhiều hoạt động góp phần quan trọng vào việc củng cố, tăng cường tình hữu nghị, nâng cao uy tín của Việt Nam với các nước châu Phi.

Tác giả Nguyễn Thành - nguyên Phó Giám đốc Bảo tàng Cách mạng Việt Nam đã tiếp cận với những tư liệu lịch sử quý giá về quá trình hoạt động cách mạng của Hồ Chủ tịch và từ lòng say mê, sự công phu tìm hiểu, nghiên cứu về Hồ Chí Minh, ông đã đúc kết những tài liệu quý về Hồ Chí Minh đối với châu Phi, tập hợp thành cuốn sách **"Bác Hồ với châu Phi"**. Có thể nói, đây là cuốn sách đầu tiên ở Việt Nam viết về mối liên hệ của Bác Hồ với châu Phi. Hy vọng đây sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích cho những bạn đọc yêu kính Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như các nhà nghiên cứu về Hồ Chí Minh.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách và mong nhận được những ý kiến phê bình, đóng góp của bạn đọc

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Lời tác giả

Châu Phi là một khu vực có diện tích rộng lớn hơn châu Âu và châu Úc, chỉ đứng sau châu Á và châu Mỹ. Ở đây có nhiều tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá và phong phú, có đường giao thông thuận lợi đi khắp thế giới, sớm lọt vào vòng ngắm của thực dân phong kiến. Từ cuối thế kỷ XV, một số thương nhân Bồ Đào Nha đã tìm đến đặt thương điểm, vơ vét của cải. Đầu thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản phương Tây tranh nhau nhảy vào châu Phi, thống trị, cướp bóc và buôn bán người da đen. Trong điều kiện kinh tế chậm phát triển, các bộ lạc và bộ tộc châu Phi thời kỳ này đã anh dũng chống chủ nghĩa thực dân nhưng không dành được độc lập. Chế độ thống trị của nước ngoài ngày càng tàn nhẫn hơn, vơ vét của cải ngày càng nặng nề hơn. Những cuộc đàn áp đẫm máu, tình trạng bệnh tật tràn lan, nạn buôn bán người da đen đã làm cho dân số các nước châu Phi sụt giảm nhanh chóng.

Trên hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành đã ghé qua các hải cảng ở châu Phi, được trực tiếp nhìn thấy cuộc sống khốn khổ của người dân nô lệ thuộc địa trong cảnh phân biệt màu da, từ đó đem lòng trác ẩn, cảm thấy số phận người châu Phi cũng như người Đông Dương. Từ đây, anh bắt đầu hiểu sự đau khổ của người dân thuộc địa ở khắp nơi có thể là điều kiện cho sự liên minh chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân.

Trong quá trình khảo nghiệm cuộc sống, chuyển biến nhận thức từ người yêu nước thuần túy trở thành người chiến sĩ quốc tế, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đi tới kết luận: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản. Từng bước thấm nhuần tư tưởng của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, quán triệt sâu sắc khẩu hiệu chiến đấu cách mạng của Quốc tế Cộng sản: “Vô sản các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!”, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa, kết bạn thân thiết với những người yêu nước các thuộc địa sống trên đất Pháp, trong đó có những đại biểu ưu tú của người Phi

Hội Liên hiệp thuộc địa xuất bản báo Le Paria, đăng những bài chống chủ nghĩa thực dân, bảo vệ quyền sống và đấu tranh của người dân châu Phi, cổ vũ những cuộc nổi dậy của các thuộc địa trên khắp thế giới.

Trên các diễn đàn, cuộc họp, các báo chí của Đảng Cộng sản Pháp, Quốc tế Cộng sản và các tổ chức quốc tế, Nguyễn Ái Quốc kịch liệt lên án bọn thực dân thống trị châu Phi, phê bình những người cộng sản còn thờ ơ với các thuộc địa, yêu cầu Quốc tế quan tâm tổ chức nhân dân châu Phi đấu tranh cho giải phóng dân tộc và xã hội.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam có tác động sâu sắc đến các thuộc địa, nhất là các thuộc địa của Pháp ở châu Phi. Châu Phi đã phối hợp và trực tiếp ủng hộ nhân dân Việt Nam kháng chiến: công nhân bãi công, không khuôn vác cho Pháp vận chuyển vũ khí, khí tài...

sang chiến trường Đông Dương; Đảng Cộng sản Maroc cử đại biểu của mình sang giúp Việt Nam, làm công tác vận động lính Phi trong quân đội Pháp phản chiến, chạy sang hàng ngũ kháng chiến Việt Nam; những người tù binh và hàng binh người Phi được các chiến sĩ Việt Nam tuyên truyền đã mau giác ngộ, lên tiếng ủng hộ kháng chiến Việt Nam, tỏ lòng biết ơn chính sách nhân đạo và biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh qua các lời phát biểu, các bức thư gửi Chủ tịch nhân kỷ niệm ngày sinh của Người và các ngày kỷ niệm lớn của Việt Nam.

Khi được hồi hương, những người châu Phi này là những chiến sĩ nhiệt tình nhất trong đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc mình.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi đã tác động mạnh mẽ đến cao trào đấu tranh cho độc lập dân tộc của châu Phi vào cuối những năm 50, đầu những năm 60 của thế kỷ XX.

Sau khi miền Bắc nước ta giải phóng, quan hệ giữa nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với các nước châu Phi độc lập, giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân châu Phi ngày càng mở rộng, gắn bó khăng khít, nhiệt tình ủng hộ lẫn nhau trong củng cố độc lập dân tộc và xây dựng xã hội tiến bộ.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ vô cùng gian khổ và anh dũng của Việt Nam đã nhận được sự cổ vũ đầy nhiệt tình và ủng hộ tích cực của nhân dân châu Phi. Các cuộc biểu tình diễu hành của hàng ngàn, hàng vạn người Phi đã giương cao chân dung Hồ Chí Minh, hô vang "Hồ! Hồ! Hồ! Hồ Chí Minh!" với một tình cảm đặc biệt, quý mến, kính trọng thân thiết. Khi

Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, các nhà lãnh đạo quốc gia và nhân dân châu Phi tỏ lòng vô cùng thương tiếc, chia buồn với Nhà nước và nhân dân ta. Nhiều đường phố, trường học ở châu Phi đã mang tên Hồ Chí Minh.

Tiếp bước Mác, Ăngghen, Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đã chủ trương và khích lệ nhân dân ta đến với nhân dân châu Phi, bắc cầu cho tình hữu nghị, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trên các chặng đường đấu tranh cho độc lập, tự do và tiến bộ xã hội, cho hòa bình thế giới.

Tên tuổi và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng các bạn châu Phi. Nhân dân ta cần biết về quá khứ lịch sử mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng quan hệ với châu Phi để tiếp tục củng cố và phát triển không ngừng tình cảm và sự giúp đỡ lẫn nhau giữa Việt Nam và châu Phi anh em.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Nguyễn Thành

CHƯƠNG 1

Giới thiệu về châu Phi và công cuộc đấu tranh giải phóng châu Phi

I. Đất nước, con người và lịch sử châu Phi

1. Đất nước

Châu Phi có diện tích là 30,3 triệu km², trong đó lục địa là 29,2 triệu km², các đảo là 1,1 triệu km²; đảo lớn nhất là Mađagátxca 500.000 km². Phía tây châu Phi là Đại Tây Dương, biển lớn thứ hai trên thế giới - sau Thái Bình Dương. Phía đông châu Phi là Ấn Độ Dương. Phía đông bắc là biển Đỏ. Phía bắc là Địa Trung Hải. Đường dài của bờ biển bao quanh châu Phi là trên 30.000 km.

Eo đất Xuyê đính châu Á với châu Phi, ở giữa một bên là biển Đỏ, một bên là Địa Trung Hải. Dưới sự tổ chức và chỉ đạo của nhà ngoại giao Pháp Phécđinăng đờ Lép-xép (1805-1894), người ta đã đào kênh xuyên thông hai biển, hoàn thành năm 1869, làm cho con

đường từ châu Âu qua châu Úc bằng đường biển thuận tiện, tiết kiệm rất nhiều thời gian và chi phí.

Địa hình châu Phi ở độ cao trung bình 750m so với mặt biển. Đường chạy chéo từ đông bắc sang tây nam, kể từ Bắgalia ở Ăngôla sang Mátxaoa ở Êtiôpia chia địa hình châu Phi làm hai phần rõ rệt. Phần đất thấp ở phía tây bắc chiếm 2/3 lục địa bao gồm các nước Angiêri, Maroc, Tuynidi, Libi, Aicập, Môritani, Nigiê, Sát, Xuđăng, Ghinê, Xênegan, Cộng hòa Trung Phi, Thượng Vônta, Bờ biển Ngà, Nigiêria, Camơrun, Cônggô B, Cônggô K. Sa mạc Xahara rộng nhất thế giới, diện tích 7 triệu km² trải rộng trên một loạt nước kể trên. Có những cánh đồng hẹp nằm ven Địa Trung Hải hay những con sông chảy ra Đại Tây Dương. Có những dãy núi cao trên 4.000m và núi lửa ở Camơrun cao 4.070m.

Phần đất cao thuộc về phía đông nam châu Phi, có độ cao trung bình trên 2.500m so với mặt biển. Ở đây có những núi lửa đã ngừng phun hay đang bốc cháy. Từ chân những cao nguyên và những dãy núi thoải thoải dần ra bờ Ấn Độ Dương là những dải đồng bằng mênh mông thuộc các nước Kênia, Môđambích.

Trong lòng đất châu Phi chứa nhiều khoáng sản quý, có trữ lượng lớn như uranium, kim cương, vàng, crôm, mangan, bôxít, dầu lửa...

Hầu hết đất đai châu Phi nằm trong vành đai khí hậu nhiệt đới. Phía cực bắc ở vĩ độ $37^{\circ}20'$ bắc, phía cực nam giáp vĩ độ $34^{\circ}52'$ nam. Đường xích đạo chạy qua các nước Gabông, Cônggô, Daia, Uganda, Kênia, Xômalì. Phía đông châu Phi giáp kinh độ 50° . Phía tây châu Phi giáp kinh độ 20° .

Ở vào một địa thế khá phức tạp như thế nên nhiệt độ chênh lệch nhau rất nhiều. Vùng đồng bằng ven biển, nhiệt độ chịu ảnh hưởng khí hậu đại dương nên tương đối thấp. Các vùng sa mạc thì khô, nóng.

Lượng mưa ở đây phân bố không đều. Vùng xích đạo mưa nhiều, trung bình một năm 1000mm. Vùng sa mạc Xahara mưa rất ít, trung bình một năm 100mm. Một số nơi cả năm không có trận mưa nào.

Sông ngòi phân bố rất không đều. Những sông lớn, lưu lượng nhiều tập trung ở vùng xích đạo hay bắt nguồn từ vùng xích đạo và gần xích đạo. Những con sông lớn quanh năm đầy nước là những đường giao thông hết sức quan trọng nối liền từ trung tâm lục địa ra biển qua Xênegan, Gambia, Nigê, Cônggô... Đặc biệt là sông Nin dài nhất thế giới 6671km, từ Ai Cập ra Địa Trung Hải, bồi đắp miền đồng bằng phì nhiêu dài hàng ngàn km ở phía hạ lưu. Sông ngòi ở Đông Phi rất ngắn vì các cao nguyên và núi nằm gần Ấn Độ Dương, lại có nhiều ghềnh thác. Đây là những điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển thủy

điện, nguồn than đá trắng hết sức dồi dào, vô tận chưa được khai thác bao nhiêu có thể chiếm đến 20% trữ lượng thủy điện thế giới. Có những dòng sông có khả năng cung cấp 137 triệu kw như sông Dambedor, 300 triệu kw như sông Cônggô...

Động vật ở châu Phi rất phong phú về số lượng và chủng loại. Một số loài quý hiếm trên thế giới ngày nay người ta chỉ còn thấy ở châu Phi, tuy vậy không những không được bảo vệ mà còn bị tàn sát ghê gớm qua nhiều thế kỷ, nhất là những năm dưới sự thống trị của chủ nghĩa thực dân. Có những tên thực dân tổ chức bắn giết thú quý để lấy da, lông, xương, sừng, ngà voi... đem bán, có giá trị cao trên thị trường quốc tế.

Thực vật châu Phi còn giữ được nhiều sắc thái tự nhiên, nhiều loại quý hiếm. Đáng tiếc là nhiều rừng cây bị tàn phá để xây dựng thành phố, đường sá, bãi chăn nuôi, đất trồng trọt rất vô ý thức. Nạn lửa rừng hàng năm làm cạn các nguồn nước, thu hẹp môi sinh, sa mạc hóa mở rộng trên địa bàn nhiều nước đến mức báo động nghiêm trọng, đe dọa cuộc sống của hàng trăm triệu con người.

2. Con người

Ở giữa thế kỷ XVII, dân số châu Phi chiếm 1/5 dân số thế giới. Sự xâm lược thuộc địa và buôn bán

nô lệ của bọn thực dân từ châu Phi qua châu Mỹ, làm cho một thời dân số châu Phi giảm sút nhanh chóng. Đáng chú ý là sau Chiến tranh thế giới thứ hai, dân số châu Phi lại phát triển nhanh. Thành phần tộc người ở châu Phi có nhiều chủng loại nhất so với tất cả các lục địa khác. Họ khác nhau về màu da, ngôn ngữ, lịch sử văn hóa, trình độ phát triển. Có những cộng đồng người đã hình thành dân tộc, trong khi đó có nơi còn là chế độ phong kiến, chiếm hữu nô lệ và thấp hơn nữa.

Dựa vào sự phân loại các hệ ngữ và đặc điểm lịch sử, có thể chia dân châu Phi thành ba vùng văn hóa cơ bản sau:

a. Vùng thứ nhất, gồm các nước miền bắc và đông bắc, có quá trình hình thành dân tộc sớm nhất, thuộc ngữ hệ Xêmitê Khamít.

Phần lớn dân cư ở đây là người Arập. Một số bộ tộc nhỏ trong quá trình giao tiếp lâu dài trong lịch sử đã Arập hóa, nhất là cộng đồng người Bécbe. Người Arập di cư đến các vùng đất phì nhiêu ven bờ biển Địa Trung Hải ngày càng đông, đã đồng hóa thổ dân cả về ngôn ngữ, văn hóa. Vùng này gồm các dân tộc Bắc Phi: Maroc, Angiêri, Tuynidi, Libi, Ai Cập và các nước Đông Bắc Phi: Êtiôpia, Xômalì.

b. Vùng thứ hai, gồm các nước ở Tây Phi, Đông Phi và Xuđăng ở trung tâm.

Vùng này có thành phần chủng tộc phức tạp nhất châu Phi, đa số là người da đen. Họ giống nhau về màu da, nhưng khác nhau về ngôn ngữ, trình độ phát triển xã hội, đặc trưng văn hóa. Những cộng đồng người giống nhau về ngôn ngữ, văn hóa nhưng ở trải rộng trên nhiều nước, làm cho mỗi nước lại bao gồm nhiều tộc người khác nhau.

c. Vùng thứ ba là châu Phi xích đạo và Nam Phi, chiếm 30% dân số thế giới.

Ngoài những thổ dân vốn sinh sống từ lâu đời, còn có người từ các lục địa khác đến châu Phi, nhất là trong thời kỳ chủ nghĩa thực dân châu Âu mở rộng xâm lược.

Tôn giáo ở đây cực kỳ phức tạp. Gần một nửa số dân vẫn duy trì các tôn giáo sơ khai truyền thống. Về sau, đạo Hồi được truyền bá rộng rãi, có tín đồ chiếm 40% dân số châu Phi, 90% dân vùng Bắc Phi và trở thành quốc giáo. Đạo Kitô được truyền bá cách đây mấy thế kỷ, phát triển chậm, vì đạo Hồi đã chiếm lĩnh địa bàn từ trước, nên tập trung chủ yếu ở mấy nước Êtiôpia, Mađagátxca, Cộng hòa Nam Phi.

3. Lịch sử

Châu Phi là một trong những chiếc nôi của loài người, đã có người vượt ra đời cách đây 1.750 triệu năm. Khoảng từ 7 đến 8 thiên niên kỷ trước, cư dân sống dọc theo lưu vực sông Nin thuộc lãnh thổ Ai Cập và Xuđăng ngày nay, đã sử dụng đồng thau làm công cụ lao động.

Trên dưới 4000 năm tr.CN, nhà nước chiếm hữu nô lệ được thành lập ở vùng hạ lưu sông Nin. Khoảng 3000 năm tr.CN, Nhà nước cổ đại Ai Cập đã xuất hiện. Trong thời kỳ cổ đại, nền kinh tế nông nghiệp và thủ công nghiệp phát triển đến trình độ khá cao. Cư dân đã xây dựng hệ thống đê điều để bảo vệ mùa màng, đào kênh tưới tiêu nước và tận dụng phù sa của dòng sông làm màu mỡ cho đất trồng trọt. Những nhà trí thức cổ đại để lại những công trình nổi tiếng như Kim tự tháp. Cho đến ngày nay, những bộ óc bác học và phương tiện kỹ thuật hiện đại nhất vẫn chưa khám phá hết những bí hiểm của tri thức cổ đại về nhiều môn khoa học tự nhiên.

Quan hệ ngoại thương rất tiến bộ, việc lợi dụng sông nước và biển cả để mở rộng giao lưu giữa các nước ngoài với châu Phi sớm phát triển. Từ đó nó tác động trở lại, thúc đẩy cho nền kinh tế và văn hóa các

nước châu Phi phát triển, hấp thu văn minh của bên ngoài.

Sau thời kỳ trung đại, ở Bắc Phi thường xảy ra chiến tranh thôn tính lẫn nhau. Đầu thế kỷ thứ XVII, toàn bộ Bắc Phi bị người Arập chiếm. Sự kiện lịch sử đó dẫn đến những thay đổi lớn không những về kinh tế và chính trị, mà cả về văn hóa, thành phần cư dân của khu vực này.

Ở Đông Phi, nhà nước phong kiến ra đời vào thế kỷ XIII.

Từ thế kỷ VIII, Vương quốc Gana nhờ khai thác vàng và buôn bán vàng mà cường thịnh. Đến thế kỷ XIII, Vương quốc Mali thay thế Vương quốc Gana trở thành vương quốc hùng mạnh nhất trong lịch sử trung cổ châu Phi. Ở đây có nền nông nghiệp phát triển mạnh, nhiều mỏ vàng được khai thác. Nhà nước Mali đã thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước Arập, Maroc và Bồ Đào Nha. Từ giữa thế kỷ XIV, Vương quốc Mali bắt đầu suy tàn và xuất hiện các vương quốc mới.

Ở Trung Phi cũng xuất hiện một loạt các vương quốc khác.

Nói tóm lại, các nhà nước cổ đại và trung đại đã phát triển khá sớm ở nhiều nước châu Phi, nhưng không trải đều trên khắp lục địa.

II. Chủ nghĩa thực dân xâm lược châu Phi và đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân

1. Chủ nghĩa thực dân xâm lược châu Phi

Từ thế kỷ XV, giai cấp tư sản ra đời và phát triển ở châu Âu, tìm đường kiếm của cải ở nước ngoài để tích lũy vốn, mở rộng kinh doanh, Mác và Ăngghen gọi đó là “thời kỳ tích lũy nguyên thủy của chủ nghĩa tư bản”. Con đường Ấn Độ đi qua Trung Đông bị Thổ Nhĩ Kỳ khống chế, nên các tàu buôn phương Tây phải tìm cách vòng qua châu Phi. Những cuộc thám hiểm châu Phi đã thăm dò khả năng khai thác và đặt trạm buôn trung chuyển trên đường từ Âu sang Á được các đoàn tàu buôn xúc tiến thực hiện.

Bồ Đào Nha là nước châu Âu đầu tiên có những đoàn thuyền đến chiếm thuộc địa ở châu Phi. Năm 1415, bọn cướp biển Bồ Đào Nha nhảy vào đất Cônggô. Cuối thế kỷ XV, sau cuộc thám hiểm của Vátxcô đơ Gama, những năm 1497-1499, Tây Ban Nha chiếm vùng bờ biển Bắc Phi, nhưng sau đó lại để vùng này lọt vào tay đế quốc Ôttôman. Bồ Đào Nha không có lực lượng chiếm đất mà chỉ có khả năng giữ những thương điểm trên bờ biển. Cuối thế kỷ thứ XVI, lợi dụng sự suy yếu của Bồ Đào Nha do việc Bồ Đào Nha sáp nhập tạm thời vào Tây Ban

Nha, các nước tư bản Hà Lan, Anh, Pháp tìm đường đến các vùng châu Phi. Do điều kiện phát triển của chủ nghĩa tư bản châu Âu lúc đó và những điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên, cũng như sự chống đối của dân bản địa nên chủ nghĩa thực dân chưa thực hiện mạnh chính sách bành trướng. Cho tới năm 1870, chủ nghĩa tư bản đã vượt qua đỉnh cao phồn thịnh để bước vào ngưỡng cửa của chủ nghĩa đế quốc, toàn bộ lãnh thổ châu Phi mới bị chủ nghĩa thực dân phương Tây chiếm 10,5% diện tích, tập trung chủ yếu ở các vùng ven biển có điều kiện thuận lợi cho thuyền tàu xâm nhập ở Bắc Phi và Nam Phi. Bồ Đào Nha chiếm một số vùng nhỏ ở Tây Nam và Đông Nam châu Phi.

Bước vào những thập kỷ cuối của thế kỷ thứ XIX, với sự phát triển không đều giữa các nước tư bản, khủng hoảng kinh tế và cạnh tranh giành giật thị trường, đòi hỏi nguyên liệu và nhân công rẻ mạt đồng thời xuất khẩu tư bản, thúc đẩy chủ nghĩa tư bản mở rộng xâm lược.

Trong 5 thế kỷ, từ năm 1870 trở về trước, lãnh thổ châu Phi bị chiếm đoạt 1/10. Chỉ 1/4 cuối thế kỷ thứ XIX, hơn 90% lãnh thổ châu Phi bị thực dân thôn tính. Đế quốc thực dân chia xé châu Phi trong đó:

Các nước	Diện tích đất chiếm đoạt (triệu km ²)	Số dân bị đô hộ (triệu người)
Anh	7,7	3,7
Pháp	6,7	17
Bỉ	2,3	15
Đức	2,5	10
Bồ Đào Nha	2,0	5
Tây Ban Nha	0,4	27

Sự chiếm đoạt đất đai châu Phi trên đây gây ra những mâu thuẫn mới. Trước hết, do thế lực của chủ nghĩa tư bản ở chính quốc phát triển không đều nhau. Tốc độ kinh tế của Anh phát triển chậm lại, dần dần mất địa vị bá chủ thế giới. Chủ nghĩa tư bản Đức ra đời sau, nhưng phát triển với tốc độ cao hơn tất cả, đặt ra việc chia lại thị trường thế giới.

Sự phân bố trên địa bàn châu Phi về diện tích và dân số với của cải chứa trong lòng đất, trên mặt đất và sức lao động có khả năng khai thác không tương ứng với sự lớn mạnh của quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa châu Âu.

Mỗi nước đế quốc có một chính sách thuộc địa riêng. Khi áp dụng vào mỗi nước thuộc địa, nhà cầm

quyền thực dân lại có những phương pháp tiến hành và chính sách cụ thể riêng. Mặc dù vậy, tất cả đều được che đậy bằng chiêu bài *khai hóa*, nhằm vào một mục đích thống nhất: áp bức, bóc lột đất nước và con người ở các nước bị thống trị. Bộ máy cai trị thuộc địa của các nước đế quốc ở châu Phi có ba hình thức khác nhau: thuộc địa, bảo vệ và ủy trị, với hai phương pháp chủ yếu: cai trị trực tiếp và cai trị gián tiếp.

Phương pháp cai trị gián tiếp được thiết lập ở các thuộc địa của đế quốc Anh từ cuối thế kỷ thứ XIX. Cơ sở lý luận của phương pháp cai trị này là do toàn quyền Anh ở Nigieria Phrêdrích Lưđogarơ đề xướng. Họ chủ trương bảo lưu nhân tạo những thiết chế chính trị xã hội cổ truyền ở các vùng do Anh cai trị, như duy trì chính quyền cũ, giao chính quyền vào tay các thủ lĩnh bộ lạc với chính sách cha truyền con nối, trở thành chính quyền cơ sở tay sai mới của chủ nghĩa thực dân, thừa hành mọi công việc từ trên giao xuống như thu thuế, bắt nộp nông sản, bắt phu, bắt lính... Những người này được bớt lại một phần tiền hay sản phẩm nộp cho nhà nước để chi dùng. Họ thực sự là một đẳng cấp và giai cấp bóc lột ở nông thôn. Sau cuộc cải cách năm 1930, chính quyền thuộc địa chủ trương thực hiện chế độ trả lương tùy theo chức trách khác nhau.

Qua phương pháp cai trị gián tiếp, đế quốc Anh lợi dụng được những thủ lĩnh bộ lạc để tự cai trị, gạt mũi nhọn mâu thuẫn từ chính quyền đế quốc sang mâu thuẫn nội bộ dân địa phương. Mặt khác, nó giảm được những chi tiêu trong ngân sách nhà nước, gạt gánh nặng sang cho nhân dân địa phương.

Thực dân Pháp khác thực dân Anh, sử dụng phổ biến hình thức cai trị trực tiếp. Chúng xóa bỏ thiết chế hành chính vốn có của các nước bị xâm lược, thay thế vào đó một bộ máy cai trị thuộc địa do những tên thực dân Pháp trực tiếp chỉ huy và quyết định tối cao. Những nhân viên hành chính người bản xứ được tổ chức và tuyển dụng theo quy chế đã ban hành. Những tên lãnh chúa phong kiến hay thủ lĩnh bộ lạc tham gia công việc trong bộ máy hành chính đã công khai trở thành viên chức tay sai ăn lương và thừa hành mọi chủ trương của bọn thực dân.

Thực dân Pháp chia các khu vực hành chính châu Phi thành từng khối. Mỗi khối có một viên toàn quyền đứng đầu. Mỗi nước trong khu vực có một thống đốc đứng đầu. Sau đây là các khu vực có toàn quyền:

- *Tây Phi thuộc Pháp* (AOF) có: Xênegan, Môritani, Xuđăng, Nigiê, Ghinê, Bờ biển Ngà, Đahômây (nay là Bênanh)

- Các nước Phi xích đạo thuộc Pháp (AEF) có: Gabông, Cônggô B, Ubăngghi, Sát.

- Madátxca và các đảo Cômô.

Các nước ủy trị, coi như tỉnh của Pháp: Camơrun, Tôgô; các đất hải ngoại có thống đốc đứng đầu: Angiêri, Tuynidi, Maroc, Bờ biển Pháp của Xômalì.

Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ thứ XIX, với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và việc khám phá những vùng đất mới hoang dã, rộng bao la ở châu Mỹ, đòi hỏi một nguồn nhân lực lớn và rẻ mạt. Tham vọng đó thúc đẩy các nhà thực dân phương Tây nẩy ra “sáng kiến” bắt dân nô lệ da đen từ châu Phi sang bán ở châu Mỹ. Thực dân Bồ Đào Nha là thủ phạm đầu tiên buôn bán nô lệ da đen. Quá trình buôn bán man rợ đó, một mặt vấp phải sức chống đối của các nạn nhân từ khi rời quê hương, trên đường đi và đến những nơi lao động trên đất Mỹ; mặt khác, bị dư luận tiến bộ và nhân đạo ở ngay các nước tư bản Âu, Mỹ lên án trên báo chí, ở nghị trường, qua nhiều cuộc hội thảo và viết sách tố cáo.

Bị sức phản kháng từ nhiều phía, một cuộc hội nghị quốc tế được triệu tập, có 17 nước tham gia, họp ở Bruyksen năm 1890 đã ra nghị quyết cấm buôn bán nô lệ da đen. Nghị quyết có ảnh hưởng tích cực và giá trị lịch sử nhất định, nhưng không phải bòn buôn bán

nỗ lực đa dạng tuân thủ nghiêm chỉnh ngay. Chúng làm kín đảo, quy mô nhỏ, trong một thời gian nữa rồi mới thật sự chấm dứt.

Từ khi chủ nghĩa đế quốc xuất hiện, xu hướng xuất khẩu tư bản tăng lên nhanh chóng. Trong gần một nửa thế kỷ, cho đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, tổng số tư bản nước ngoài đầu tư lên tới 854 triệu bảng Anh, trong đó 70% tập trung ở Cộng hòa liên bang Nam Phi và Ai Cập, làm cho nền kinh tế ở hai nước này phát triển tương đối cao hơn ở các nước khác.

Bọn thực dân phương Tây cướp đoạt trắng trợn đất đai châu Phi làm đồn điền. Những đất chưa được khai phá; đất của cư dân nổi dậy chống chính quyền thực dân bị tàn sát hoặc bị dồn vào khu vực tập trung; đất của những người không chịu nổi đóng góp phải tha phương cầu thực, đều có lệnh chuyển thành sở hữu của bọn tư bản thuộc địa trong nông nghiệp. Ở Kênia, khoảng 400 địa chủ Anh nắm 80% toàn bộ ruộng đất canh tác. Những đồn điền của bọn thực dân châu Âu lại thu hút một số lao động là người bản xứ bị tước đoạt ruộng đất, biến họ trở thành những công nhân nông nghiệp với tiền lương rẻ mạt, trồng trọt những loại nông sản có lợi nhất cho xuất khẩu và có khả năng thu lợi nhuận cao. Phương thức canh tác này làm cho nhu cầu đời sống và tập quán

của dân bản địa bị phá hoại, đảo lộn, đất đai bị bóc kiệt màu mỡ, không những gây ra các đột biến trong kinh tế trước mắt, mà còn để lại hậu quả lâu dài, hoàn toàn phụ thuộc vào kinh tế chính quốc và đòi hỏi của thị trường bên ngoài. Những sản phẩm nông nghiệp cần cho đời sống hằng ngày của nhân dân phải nhập từ nước ngoài, qua tay bọn con buôn thực dân độc quyền, tùy tiện quyết định giá cả để bóp chẹt người tiêu dùng.

Ở châu Phi có những điều kiện thiên nhiên thuận lợi cho việc phát triển nhiều ngành công nghiệp quan trọng, có giá trị kinh tế rất cao. Bọn thực dân hướng công nghiệp hoàn toàn phụ thuộc vào chính quốc về trình độ, thiết bị, chuyên gia và công nhân kỹ thuật lành nghề, về mục tiêu sản xuất... Biểu hiện rõ rệt nhất là sự phát triển không cân đối giữa hai ngành khai mỏ và chế biến kim loại. Chúng tập trung khai thác nguyên liệu để đáp ứng nhu cầu của sản xuất công nghiệp ở chính quốc và xuất khẩu sang nước khác lấy lãi.

Công ty Bristish Mining của Anh, đến năm 1890 đã kiểm soát 85% sản lượng kim cương toàn thế giới, tập trung chủ yếu ở châu Phi.

Vai trò cung cấp nguyên liệu cho thế giới tư bản của châu Phi ngày càng tăng, nhất là từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918), do nhu cầu

khôi phục và phát triển công nghiệp mới của các tập đoàn tư bản lũng đoạn cạnh tranh nhau và sự phát triển của khoa học kỹ thuật phát hiện được những nguồn khoáng sản mới.

Sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây vào châu Phi làm đảo lộn quan hệ kinh tế, xã hội vốn có. Những biến đổi đột ngột, sâu sắc do tác động từ bên ngoài, không phải do sự vận động từ bên trong, như sự ra đời của giai cấp vô sản công nghiệp trước khi có giai cấp tư sản là người bản xứ,... Trình độ văn hóa rất thấp, nạn mù chữ còn phổ biến, là một trở ngại lớn cho nhân dân tiếp xúc với sách báo tiến bộ và tư tưởng cách mạng của thời đại. Chủ nghĩa thực dân ra sức lợi dụng sự khác biệt về màu da, ngôn ngữ, tôn giáo để đào sâu thành kiến vốn có, chia rẽ giai cấp công nhân và nhân dân các nước, đồng thời đàn áp man rợ những hoạt động chống đối mang tính chất dân tộc hay giai cấp.

Nông dân châu Phi chiếm tuyệt đại đa số trong cộng đồng dân cư bản địa, bị áp bức bóc lột hết sức nặng nề trong bối cảnh đan xen và mâu thuẫn của các quan hệ giai cấp, tôn giáo, dân tộc; kết hợp các quan hệ thống trị thực dân với thủ lĩnh bộ lạc, bộ tộc của xã hội tiền phong kiến và phong kiến.

Tầng lớp trí thức ở các thuộc địa châu Phi được đào tạo ở các nước đi thống trị họ là chủ yếu, số

lượng ít và bị phân hóa mạnh. Một bộ phận trí thức bị chủ nghĩa thực dân lợi dụng, mua chuộc, làm tay sai cho chúng. Nhưng phần đông trong số họ có tinh thần dân tộc, đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và ý thức bảo vệ chủng tộc da đen chống bọn thực dân da trắng. Những người trí thức chân chính châu Phi sát cánh với giai cấp công nhân và các nhà trí thức tiến bộ Âu - Mỹ đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chống áp bức dân tộc và khinh thị chủng tộc. Được rèn luyện từ những cuộc đấu tranh giai cấp, vì chủ nghĩa nhân đạo và tiến bộ xã hội ở các nước tư bản, những người trí thức châu Phi hoặc trở về nước, hoặc đứng trên địa bàn của các nước Âu - Mỹ phát huy ảnh hưởng của đôi ngũ và tổ chức của mình, tuyên truyền vận động nhân dân các dân tộc châu Phi đứng lên đấu tranh đòi giải phóng, đoàn kết giai cấp công nhân các nước châu Phi với giai cấp công nhân các nước Âu - Mỹ trong một mặt trận chung, một phong trào chung chống kẻ thù chung của giai cấp công nhân thế giới.

2. Những cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập quốc gia và giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc

Ngay khi bọn thực dân đặt chân lên mảnh đất yên tĩnh lâu đời của dân bản địa, cướp bóc, chiếm đất xây

dựng pháo đài phòng ngự, đặt thương điểm, là bị đánh trả quyết liệt bằng mọi thứ vũ khí vốn có trong tay người dân ở đây. Lịch sử còn ghi lại những trang sử anh hùng của nhân dân các nước châu Phi chống chủ nghĩa thực dân phương Tây. Điển hình nhất là cuộc kháng chiến của Nhà nước Nôgôla (ở miền Tây nước Ănggôla hiện nay) chống thực dân Bồ Đào Nha đầu thế kỷ thứ XVI, dưới sự lãnh đạo của Nữ hoàng Dinga Mombundu Nôgôla. Cuộc chiến đấu kiên cường, dẻo dai, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, buộc kẻ thù phải rút quân khỏi nội địa, chỉ còn cố bám được những điểm ở ven bờ biển. Hằng chục năm sau, thực dân Bồ Đào Nha mới trở lại được nội địa, nhưng vẫn vấp phải sự kháng cự, cho đến đầu thế kỷ thứ XX, tức là phải đổ máu qua gần 4 thế kỷ mới thực sự bình định được đất nước nhỏ bé này.

Thực dân Pháp đem quân đánh Angiêri. Dưới sự lãnh đạo của Ap en Kade, các tầng lớp nhân dân đoàn kết chung quanh ông đấu tranh vũ trang suốt 15 năm - từ 1832 đến năm 1847 - gây cho địch nhiều thiệt hại. Cuối cùng, cuộc kháng chiến bị thất bại. Tinh thần yêu nước âm ỉ chảy qua một phần tư thế kỷ, ngày 183-1871 lại bùng lên cuộc khởi nghĩa ở Kabillia, và lan ra các vùng khác rất nhanh. Thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa hy sinh trong một cuộc chiến đấu,

không có người đủ uy tín, tài năng thay thế, nên kẻ thù lại một lần nữa chìm cuộc đấu tranh trong biển máu.

Tháng 1-1879, tại vùng núi Ivăngđivăng, lực lượng vũ trang của các bộ lạc người Đuludơ dưới sự lãnh đạo tài giỏi của Kétso vayô đã đánh tan một đạo quân Anh gồm 13.000 người, diệt 1.200 tên.

Ở Đông Phi và Tây Phi, từ thế kỷ thứ XIX, các đơn vị vũ trang yêu nước đã được trang bị bằng vũ khí sản xuất từ nền công nghiệp tiên tiến châu Âu do các nhà buôn Arập bán. Ở vùng thượng Nigiêria, người Matinca chiến đấu dẻo dai 16 năm liền.

Từ năm 1820, Xuđăng bị quân đội Ai Cập chiếm. Đến năm 1880, Nhà nước Ai Cập bị suy yếu và trở thành thuộc địa của Anh, thực dân Anh nghiêm nhiên trở thành kẻ thống trị cả Ai Cập và Xuđăng. Tháng 8-1881, Mukhamét Akhomét tự xưng là đấng cứu thế, kêu gọi nhân dân khởi nghĩa đập tan ách thống trị của “bọn vô đạo”, giải phóng Xuđăng và Ai Cập. Cuộc chiến đấu phát triển tốt, vùng giải phóng mở rộng, quân đội khởi nghĩa được bổ sung, lớn mạnh nhanh chóng. Thực dân Anh mở những cuộc phản công lớn vào vùng giải phóng, nhằm tiêu diệt quân đội yêu nước. Đến năm 1899, thực dân Anh giành được thắng lợi, đè bẹp các lực lượng yêu nước.

Đầu năm 1915, nhân dân Xuđăng khởi nghĩa , bùng nổ từ những người Bambara ở Bêlêđugu. Tháng 10,11-1915, phong trào đấu tranh nổi lên ở vùng Vôn-ta Đêđugu, Bôbô Diulátxô, Gurunxi. Năm 1916, nhiều vùng ở Sát (Đa Xila) và Đácphua thuộc Xuđăng, Trung Nigiê, Cônggô, biên giới Bờ biển Ngà, Camơrun, Gabông, Ubăngghi,... nổi dậy.

Nhìn chung, phong trào giải phóng ở các nước châu Phi phát triển liên tục, nhưng rất không đều. Có nơi khá mạnh và tập trung, nhưng nhiều nơi nổi lên rời rạc. Các cuộc đấu tranh thiếu sự liên kết lực lượng yêu nước các nước cùng chiến đấu. Các phong trào thường mang màu sắc tôn giáo, chủng tộc, có tính chất tự phát vì lòng căm phẫn kẻ thù áp bức, bóc lột. Những người đứng đầu thường là thủ lĩnh bộ lạc hoặc tôn giáo.

Thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại và việc thành lập Quốc tế Cộng sản, tập hợp những người vô sản các nước và các dân tộc bị áp bức dưới ngọn cờ chiến đấu cách mạng phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, vang động đến châu Phi chậm hơn các nước châu Á.

Ở Angiê, Côngxtăngtin, Ôrăng, Maroc, Tuynidi đã có các đảng bộ của Đảng Xã hội Pháp từ trước năm 1920. Khi cuộc đấu tranh trong nội bộ Đảng Xã hội

Pháp gay gắt do tác động thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười và Quốc tế Cộng sản ra đời, thì các đảng bộ này cũng đấu tranh và phân hóa. Trong các đảng bộ ở đây, đảng viên phần đông là người Pháp, chỉ có một ít trí thức bản xứ, chưa có công nhân.

Ở một vài thuộc địa của Anh, Đức, tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã được tuyên truyền, nhưng chưa có ảnh hưởng rộng lớn. Khuynh hướng cải lương còn khá đậm nét. Năm 1918, Hội Công nghiệp xã hội chủ nghĩa và Đảng Xã hội ra đời ở Nam Phi. Tháng 3 - 1919, Liên hiệp những người thợ cơ khí và Liên minh những người lái tàu điện phát động cuộc bãi công ở Giôhannexbua và thành lập các xôviết. Cuộc bãi công được Liên đoàn Lao động Tờrangxvan hưởng ứng. Các xôviết làm nhiệm vụ phục vụ lợi ích của nhân dân lao động được hơn một tuần thì tan rã, đã có ảnh hưởng đáng kể trong quần chúng lao động và buộc giới cầm quyền phải nhượng bộ để xoa dịu phần uất của quần chúng. Năm 1921, Đảng Cộng sản Nam Phi thành lập.

Những tổ chức xã hội chủ nghĩa ra đời ở Ai Cập năm 1918. Đầu năm 1921, Đảng Xã hội chủ nghĩa Ai Cập thành lập trên cơ sở thống nhất các tổ chức xã hội chủ nghĩa. Tháng 11 - 1922, những người mácxít Ai Cập tổ chức cuộc biểu tình đầu tiên kỷ niệm lần thứ 5

Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười. Năm 1922, Đảng Cộng sản Ai Cập thành lập.

Ở Nam Phi, năm 1917 thành lập Công đoàn công nhân công nghiệp. Tiếp sau đó, nhiều tổ chức công nhân khác ra đời, nhưng chỉ tập hợp những người thuộc da màu.

Năm 1921, thành lập Liên minh công nông và thợ thủ công ở Bờ biển Ngà và Liên minh những người thợ cơ khí ở Nigêria.

Năm 1919, Hội những người Kicuyu thành lập ở Kênia. Năm 1921, Hội những người Kicuyu trở thành lập, sau đổi tên thành Hội Đông Phi. Yêu sách của họ là tự trị về chính trị, cải cách kinh tế, xã hội bằng những hoạt động hợp pháp.

Những tổ chức công nhân ra đời trong hai thập kỷ đầu thế kỷ thứ XX ở một số nước còn mang nặng chủ nghĩa công đoàn và cải lương. Tư tưởng chiến đấu cách mạng của giai cấp vô sản, lý luận của Lênin chưa xâm nhập phong trào công nhân. Ngay những tổ chức cộng sản hay có khuynh hướng cộng sản ở các nước cũng còn mang ít nhiều tàn dư dân chủ xã hội về quan điểm chính trị và lý luận, những phần tử cơ hội chủ nghĩa còn có vị trí nhất định trong các cơ quan lãnh đạo.

Điều đó báo hiệu những triển vọng tốt đẹp của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và vai trò lịch sử của giai cấp công nhân ở các nước châu Phi; đồng thời cũng thấy những mầm mống các nhược điểm của phong trào trong quá trình phát triển của nó về sau, ít ra là những năm liền sau đó.

3. Những tiếng nói chỉ trích chủ nghĩa thực dân từ phương Tây

Trong khi chinh phục, thống trị các thuộc địa, những hoạt động cướp bóc, giết hại dân bản xứ của bọn cai trị thực dân và các tướng lĩnh chỉ huy các đội quân viễn chinh đã gây ra những dư luận phản ứng ở chính quốc. Đặc biệt là khi có những cuộc xung đột quân sự lớn, kẻ thù mở những chiến dịch tiến công vào các lực lượng vũ trang yếu nước, bị thương vong nặng nề, tiêu hao binh khí kỹ thuật lớn, ngân sách chi cho chiến tranh tăng lên đáng kể, gây khó khăn cho kinh tế đất nước, căng thẳng về chính trị và tinh thần, thì thường xuất hiện những sự dao động, phản đối xâm lược thuộc địa ngay ở chính quốc, được phản ánh lên các sách, báo và tranh luận ở nghị trường.

Những dư luận bất bình ở chính quốc, những thái độ phản ứng chính sách thực dân trên sách, báo hay ở nghị trường, về khách quan là có lợi cho những cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa.

Hiện nay, tôi không có tư liệu để biết về những nguồn phản ứng trong nhân dân và chính giới ở các nước đế quốc chủ nghĩa Anh, Đức, Hà Lan, Bỉ, Bồ Đào Nha, mà chỉ biết một phần nhỏ về Pháp. Những phản ứng đó là quy luật của lịch sử chủ nghĩa thực dân, chỉ khác nhau về mức độ và phạm vi ảnh hưởng, về hình thức biểu hiện cụ thể, chứ không khác nhau về nội dung cơ bản. Xuất phát từ quan điểm cho rằng, ở nước tư bản nào cũng có những người có tinh thần dân chủ thật sự và nhân đạo cao quý, có những người trí thức tiên bộ và những người mácxít trung thực tiêu biểu cho tinh thần giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội của giai cấp vô sản hiện đại. Đó chính là những lực lượng đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân tàn bạo, làm cho chính những kẻ nham hiểm nhất, thâm độc và tàn bạo nhất cũng phải run sợ, tìm cách chống đỡ và thú nhận bất đắc dĩ.

Nói chung, những phản ứng đó mang tính chất sách lược, thường biểu hiện khá tập trung qua các cuộc tranh cử. Có những người chống chính sách thuộc địa với tư cách bảo vệ “những người lính trẻ” không bị giết hại, chống sự thèm khát lợi nhuận của bọn tư bản. Năm 1892, thực dân Pháp tiến quân sang đánh chiếm Đahômây. Đêrulledơ công kích kịch liệt “chính sách áp bức và xâm chiếm” thuộc địa và tố cáo

cuộc viễn chinh sang Dahômay vì lợi ích của “ba tên con buôn Pháp”⁽¹⁾. Nhà văn V. Huygô căm hờn những kẻ áp bức người da đen và da vàng ở các thuộc địa. Ông tỏ lòng thành kính trước vị thủ lĩnh của phong trào yêu nước Angiêri Ap en Kađe.

Đại hội Đảng Công nhân Pháp năm 1895 ở Rômil khẳng định: “Đại hội toàn quốc lần thứ 13 Đảng Công nhân Pháp đưa tất cả sức mạnh của họ ra chống lại bọn cướp biển thuộc địa.”

Năm 1905, Pôn Lui, một trong những người lãnh đạo Đảng Xã hội Pháp, lần đầu tiên trình bày hệ thống quan điểm lý luận và chính trị của Đảng trong cuốn *Chủ nghĩa thực dân (Le colonialisme)*. Cuốn sách đã bộc lộ một nhược điểm cơ bản là tác giả không nhận rõ bối cảnh lịch sử của xã hội đương thời ở Pháp cũng như ở các nước tư bản khác, là chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang thời kỳ lũng đoạn - đế quốc chủ nghĩa. Những quan điểm cơ hội chủ nghĩa ngự trị trong Đảng trên tất cả các mặt, kể cả trong vấn đề thuộc địa, hoàn toàn không đáp ứng đòi hỏi mới của tình hình. Sự ủng hộ của Đảng đối với giải phóng thuộc địa đã trở nên không có tác dụng thực tiễn nào, chỉ còn là những lời nói suông vô ích.

⁽¹⁾ Xaviê Yacônô: *Lịch sử chế độ thực dân Pháp*, Presses universitaires de France, “Que sais - je?”, số 452, tr.48.

G. Giôrex, thủ lĩnh Đảng Xã hội Pháp, đứng trên lập trường của những người cộng hòa tư sản Pháp biểu thị thái độ đối với vấn đề thuộc địa. Những bài diễn văn và các bản tham luận ở Quốc hội của ông đã tỏ ra dứt khoát chống chủ trương của Chính phủ Pháp xâm lược nước Maroc vào năm 1912.

Guýttxavơ Ruanê là một nghị sĩ, đảng viên Đảng Xã hội, trong kỳ họp Quốc hội Pháp ngày 19 – 20/2/1906, đứng trên diễn đàn nhiệt liệt ca ngợi cuộc đấu tranh vinh quang của nhân dân Cônggô Bradavin, lên án tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Cônggô qua những tin tức được phản ánh trên các báo chí mới xuất bản.

Phêlixien Salay, thạc sĩ triết học, một nhà trí thức theo chủ nghĩa hòa bình tư sản viết: “Chế độ thực dân là một hiện tượng xã hội cần thiết... Nhưng công lý yêu cầu sự thống trị của người da trắng không lôi cuốn người da đen vào những hậu quả xấu xa, nô lệ, ăn cắp, tra tấn, giết người. Công lý yêu cầu cho những người bản xứ được hưởng một vài lợi ích trước mắt đối với họ”⁽¹⁾.

Trên đây chỉ là một vài dẫn chứng tương đối điển

⁽¹⁾ Phêlixien Salay: *Nước Cônggô thuộc Pháp*, Alcan, Paris, 1909, tr.313 (Trích lại *Châu Phi đen thời kỳ thuộc địa (1900-1945)* của G. Xuyrê - Canan, Paris, 1982, tr.166).

hình cho quan điểm của những người xã hội chủ nghĩa và hòa bình chủ nghĩa tư sản ở Pháp chống những việc làm xấu xa, “quá tay” của chủ nghĩa thực dân, chứ không phải là chống chế độ thuộc địa nói chung. Những phản ứng của họ thường tập trung vào khu vực Bắc Phi, nhất là cuộc xung đột ở Maroc cung cấp cho họ nhiều tư liệu làm căn cứ.

Nhà xã hội cấp tiến Vinhê Đốc tông, một nghị sĩ, đã lớn tiếng tố cáo tội ác của chính quyền thuộc địa ở Xuđăng tại diễn đàn Quốc hội. Cuốn sách *Vinh quang của lưỡi gươm* của ông xuất bản lần đầu năm 1900, được các nhà sử học Pháp coi là cuốn sách đầu tiên công khai chống chủ nghĩa thực dân Pháp ở châu Phi, đến nay vẫn rất có giá trị và đã được tái bản năm 1984 (Nhà xuất bản Quintette). Về Bắc Phi, P. Vinhê Đốc tông tiến hành những cuộc điều tra vào các năm 1907-1909 và cuốn sách do ông viết: *Những tội ác thực dân ở thời kỳ nền Cộng hòa thứ III*, tập I: *Bóc lột công nhân bản xứ* đã có tác động mạnh mẽ, thúc đẩy việc tổ chức một chiến dịch chống chủ nghĩa thực dân bằng các cuộc hội nghị trong những năm 1913. Ông đã có một lập trường đúng đắn hơn nhiều đảng viên xã hội, kể cả các thủ lĩnh của Đảng trong việc tố cáo một cách sâu sắc và có hệ thống chế độ thuộc địa bằng những chứng cứ đầy đủ, tin cậy và có sức thuyết phục cao, không thể bác bỏ được.

III. Mác, Ăngghen, Lênin với sự nghiệp đấu tranh giải phóng các nước châu Phi

1. C. Mác và Ph. Ăngghen bàn về châu Phi

Trong quá trình nghiên cứu, hình thành và phát triển lý luận của mình, với tư cách là hai nhà khoa học uyên bác, hai nhà cách mạng của giai cấp vô sản, Mác và Ăngghen đã sớm chú ý đến châu Phi. Các ông tìm hiểu vị trí địa lý; lịch sử từ thời kỳ cổ đại; các quan hệ gia đình, xã hội, tôn giáo; các chủng tộc, bộ lạc và bộ tộc ở châu Phi; đặc biệt là các ông quan tâm đến thời kỳ chủ nghĩa tư bản xâm lược, những cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước và giải phóng dân tộc của nhân dân các nước châu Phi.

Ăngghen còn đi sâu vào một số vấn đề chiến thuật và kỹ thuật quân sự của người châu Phi chống bọn thực dân cướp nước.

Trong cuốn *Hệ tư tưởng Đức*, Mác và Ăngghen viết về hình thái thô sơ của sự phân công lao động ở người Ai Cập sinh ra chế độ đẳng cấp trong Nhà nước và trong tôn giáo⁽¹⁾. Khi nghiên cứu về nguồn gốc của gia đình, Ăngghen chú ý đến một hệ thống quan hệ họ hàng trong chế độ xã hội của tất cả các dân tộc

⁽¹⁾ C. Mác - Ph. Ăngghen: *Tuyển tập*, t.I, Nxb. Sự thật, 1980, tr.308.

mông muội và dã man ở khắp châu Phi cổ đại⁽¹⁾; về ngày hội thần có tình trạng tự do tính giao xưa kia được phục hồi trong một thời gian ngắn ở một vài dân châu Phi cũng như ở Ấn Độ về sau này⁽²⁾. (Một vài nơi ở miền núi nước ta, tập tục này cũng tồn tại dai dẳng).

Những trang sử đau thương, tàn nhẫn về việc buôn bán người nô lệ da đen của bọn tư bản, thực dân làm hoen ố văn minh của loài người qua bốn thế kỷ, được các nhà sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học đề cập, phân tích trong nhiều bài báo, cuốn sách của các ông. C. Mác viết: “Tuy nhiên, người ta đã tố cáo bằng những chứng cứ rất rõ ràng (Lui Bônápácơ) là kẻ buôn người da đen chính cống của châu Âu, như một người làm sống lại những việc buôn bán ô nhục dưới hình thức hèn hạ nhất, với lý do là “tự do di cư” của người da đen trong các thuộc địa của Pháp. Bá tước Grây (người Anh) đã bổ sung đầy đủ sự tố cáo đó bằng cách khẳng định rằng: “những cuộc chiến tranh giành châu Phi nhằm mục đích bắt nguồn làm tù và để bán họ cho những người của Chính phủ Pháp”. Bá tước Clarăngđông nói thêm: “Kể cả hai - Tây Ban Nha và Pháp - tranh nhau thị trường châu Phi về giá cả mua một con người, và nó không có gì

(1), (2) C. Mác - Ph. Ăngghen: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, H. 1981, t. VI, tr. 58, 86.

khác hơn trong việc hành hạ người da đen buộc họ phải chịu đựng, và người ta đã đưa họ sang Cuba hay một trong những thuộc địa của Pháp”⁽¹⁾.

“... việc biến châu Phi thành một vùng đất cấm thương mại dành riêng cho việc săn bắt người da đen, đây là những biện pháp tích lũy nguyên thủy có tính chất tình ca, báo hiệu buổi bình minh của thời đại tư bản chủ nghĩa”⁽²⁾. “Trong cuộc giảng hòa Utôrech (một thành phố ở Hà Lan) nhờ hiệp ước Axiêntô, nước Anh đã giành được của Tây Ban Nha đặc quyền buôn bán người da đen giữa châu Phi và châu Phi thuộc Tây Ban Nha, trước đây Anh chỉ buôn bán người da đen, giữa châu Phi với các đất thuộc Anh ở Đông Ấn thôi. Do đó, tính đến năm 1743, Anh cung cấp được cho châu Mỹ thuộc Tây Ban Nha, mỗi năm 4.800 người da đen”.

“... Ai Cập, Tuynidi... và các nước chưa khai hóa khác, thì tất cả những thành tựu “văn minh” huy hoàng ấy, nếu không chuẩn bị điều kiện cho sự phồn vinh của giai cấp tư sản tương lai thì là cái gì kia chứ? Tại các nước này, chính lời nói của các nhà tiên tri đang được thực hiện: “Hãy dọn đường cho Chúa... Hãy mở rộng cổng và mở toang cửa thế giới cho

⁽¹⁾ Báo *New York Daily Tribune*, số ra ngày 2-7-1858.

⁽²⁾ C. Mác: *Tư bản*, Tập III, Nxb. Sự thật, H. 1960, tr.272.

hoàng đế vinh quang bước vào! Vị hoàng đế vinh quang ấy là ai vậy?” Đó là nhà tư sản”⁽¹⁾.

Sau khi giai cấp tư sản đã chiếm trị các thuộc địa, xây dựng hệ thống chính quyền và khai thác tài nguyên, bóc lột sức lao động, kế tiếp thời kỳ tích lũy nguyên thủy với việc buôn bán người da đen, là hoạt động của sở giao dịch. “... mấy năm gần đây, các cường quốc châu Âu đã chia nhau châu Phi mà người Pháp đã chiếm Tuynidi và Bắc Kỳ. Châu Phi được trực tiếp giao cho các công ty thuê (Nigieria, Nam Phi, Tây Nam châu Phi thuộc Đức và Đông Phi thuộc Đức). Còn xứ Môdambích và xứ Natan thì đã bị Rôđơ⁽²⁾” chiếm cho Sở giao dịch”⁽³⁾.

Trong thư gửi cho Cauxky đề ngày 18-9-1883, Ăngghen viết: Pháp chiếm Tuynidi làm thuộc địa theo kiểu hiện đại bằng lợi ích của những việc đầu cơ chứng khoán⁽⁴⁾.

Trong bài *Buygiô*, Mác viết ngày 27-11-1857, đăng trên *Bách khoa toàn thư mới* của Mỹ, tập IV, xuất bản năm 1859, nói đến viên tướng Buygiô đơ la Piconnơri, một tên quân phiệt nổi tiếng đã từng đàn áp cuộc

⁽¹⁾ C. Mác - Ph. Ăngghen: *Tuyển tập*, Sdd, t.I, tr.559.

⁽²⁾ Rôđơ (Rhodes) - tên thực dân Anh ở Nam Phi (1853-1902).

⁽³⁾ C. Mác - Ph. Ăngghen: *Tuyển tập*, Sdd, t.VI, tr.660.

⁽⁴⁾ C. Mác - Ph. Ăngghen: *Về chủ nghĩa thực dân*, Nxb. Tiến bộ, M. 1982, tiếng Pháp, tr.359.

khởi nghĩa của quần chúng lao động ở Pari năm 1834, là một trong những người tổ chức cuộc chiến tranh xâm lược Angiêri và Maroc, đến Angiêri ngày 6-6-1836 để chỉ huy quân đội chống lại quân khởi nghĩa do Áp en Kađe, nhà yêu nước nổi tiếng của nhân dân Angiêri, lãnh đạo từ năm 1832 đến 1847⁽¹⁾.

Đặc biệt là Ăngghen viết nhiều bài về các vấn đề quân sự ở Angiêri. Ông tố cáo hành động tàn bạo đã trở thành truyền thống của Napôlêông, biến cuộc chiến tranh nhỏ ở Angiêri thành cuộc chiến tranh lớn⁽²⁾. Ông nghiên cứu về khẩu súng nòng có rãnh, được quân đội Pháp đem dùng ở Angiêri từ năm 1838 để có thể sát thương từ xa những người yêu nước, kháng chiến. Bài *Angiêri* của Ăngghen viết ngày 17-9-1857 cho *Bách khoa toàn thư mới của Mỹ* tập I, xuất bản năm 1858. Ông nghiên cứu về địa lý, dân cư, kinh tế, lịch sử cổ đại các thành thị; các cuộc chiến tranh xâm lược và chống xâm lược từ thế kỷ thứ XV; người Anh, Pháp, Hà Lan... đánh phá Angiê. Kể từ khi Pháp xâm lược cho đến nay, đất Angiêri bất hạnh là vũ đài của những cuộc xung đột đẫm máu, cướp bóc và bạo lực diễn ra không ngừng. Thực dân Pháp sử dụng mọi hành động dã man, tàn bạo nhất để chống những

⁽¹⁾ C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M.1982, t.14, tr.223.

⁽²⁾ C. Mác - Ph. Ăngghen: *Về chủ nghĩa thực dân*, Sđd, tr.187-194.

người yêu nước, chinh phục nước Angiêri bằng đốt phá nhà cửa, mọi di sản văn hóa, mùa màng và giết người. Chiến trường Angiêri, sau khi chi phí hàng trăm nghìn đôla, hàng nghìn sinh mạng, còn là trường học về chiến tranh để cho các tướng tá và binh lính Pháp rèn luyện, là nơi các sĩ quan Pháp giành giật lấy những phần thưởng thăng quan, tiến chức. Trong khi đó, báo chí Pháp lại lừa bịp dư luận là ở Angiêri có hòa bình và phồn thịnh⁽¹⁾.

Bộ Quốc phòng Pháp tổ chức 7 cục hay phòng, trong đó có phòng chuyên trách về Angiêri⁽²⁾. Sự xung đột giữa bộ binh Pháp và lính Arập của Angiêri đã dẫn tới thay đổi trang bị và tổ chức bộ binh của Pháp⁽³⁾. Ngựa của Arabi, Ai Cập và miền duyên hải Bắc Phi rất đẹp, nhanh, thông minh và có sức chịu đựng dẻo dai⁽⁴⁾. Kỵ binh của Ai Cập chiếm ưu thế ở phương Đông⁽⁵⁾. Những người du mục Angiêri chống Pháp cưỡi ngựa rất giỏi⁽⁶⁾...

Mác và Ăngghen còn theo dõi những cuộc chiến tranh chống Tây Ban Nha của Maroc những năm 1859-1860, chống Pháp năm 1844; những cuộc chiến tranh chống thực dân xâm lược của nhân dân

⁽¹⁾ C. Mác - Ph. Ăngghen: *Về chủ nghĩa thực dân*, Sđd, tr.187-194.

^{(2), (3), (4), (5), (6)} Ph. Ăngghen: *Tuyển tập luận văn quân sự*, Nxb. Quân đội nhân dân, 1978, t.II, tr.91, 138, 142, 143, 201

Cônggô, Xuđăng, Tuynidi, Abitxini (nay là Êtiôpia), Ai Cập, Libi.

Thời kỳ Mác và Ăngghen hoạt động trên vũ đài chính trị là thời kỳ chủ nghĩa tư bản đang phát triển, xung đột giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản diễn ra gay gắt và đã có những cuộc bùng nổ cách mạng nhưng không giành được thắng lợi; là thời kỳ chủ nghĩa tư bản phương Tây tìm kiếm thuộc địa ở các châu Á, châu Phi, Mỹ latinh với những cuộc chiến tranh xâm lược và chống xâm lược đẫm máu, kết cục là sự thắng thế của chủ nghĩa thực dân và hàng loạt nước trở thành thuộc địa. Mác và Ăngghen tập trung nghiên cứu vấn đề cơ bản nhất, mấu chốt của đấu tranh chính trị - xã hội của thế giới đương đại là giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản trên chiến trường châu Âu, trung tâm quyết định chiều hướng phát triển của lịch sử loài người, kể cả giải phóng giai cấp vô sản các nước và các thuộc địa. Các ông không đi sâu nghiên cứu các nước thuộc địa, vì con đường giải phóng của họ không tách khỏi giải phóng giai cấp vô sản ở các nước tư bản.

2. Lênin với sự nghiệp giải phóng các thuộc địa ở châu Phi

Lênin nghiên cứu châu Phi trong lịch sử, những điều đã được Mác và Ăngghen bàn tới và trình bày

quan điểm của mình về cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc châu Phi trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa.

Khi bọn đế quốc Ý đến cướp Tơrôpôli, trung tâm hành chính và thương nghiệp của Libi thuộc Thổ Nhĩ Kỳ năm 1911, Ý bị thiệt hại trên 2 vạn người, Arập bị giết hại 1,48 vạn người. Chúng “giết trợn nhiều gia đình, giết phụ nữ và trẻ em, treo cổ ngót 1000 người để “trừng phạt” về những cuộc kháng cự ban đầu, tiêu diệt gần 600 quân Ý. Lênin gọi đây là “một cuộc chém giết hoàn thiện và văn minh, một cuộc tàn sát dân Arập bằng vũ khí hiện đại”. Hậu quả của nó là Ý mất hơn 800 triệu lia, hàng loạt người rơi vào cảnh thất nghiệp, công nghiệp đình đốn. Nhân dân Arập không chịu khuất phục, mặc dầu đã có “hòa ước” và sẽ được “khai hóa trong thời gian lâu dài bằng lưỡi lê, đạn, giá treo cổ, sự bắn giết và hãm hiếp phụ nữ”⁽¹⁾.

Lênin nghiên cứu sâu sắc lịch sử các đế quốc chiếm châu Phi và tranh giành thuộc địa của nhau, mọi thủ đoạn cướp bóc của cải lẫn nhau ở châu Phi qua các tài liệu thống kê, các cuốn sách nghiên cứu của các nhà khoa học tư sản để phân tích theo quan điểm cách mạng vô sản.

Năm 1876, mới có 1/10 châu Phi bị các cường quốc châu Âu chiếm chưa mang tính độc quyền. Đến

⁽¹⁾ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M. 1980, t.22, tr.144.

năm 1900, 9/10 châu Phi bị chủ nghĩa thực dân chiếm, có nghĩa là trong vòng 24 năm, tăng lên 79,6%. Đây là kỷ nguyên độc quyền chiếm thuộc địa và cũng là “bắt đầu kỷ nguyên đấu tranh đặc biệt gay gắt để chia và chia lại thế giới”⁽¹⁾.

Liên minh thuế quan đem lại lợi nhuận lớn về kinh tế cho đế quốc Bồ Đào Nha ở miền Đông Phi và đế quốc Anh ở miền Nam Phi. Anh thực hiện chính sách tô nhượng của Bồ Đào Nha đối với đường sắt ở châu Phi thuộc Bồ Đào Nha, nhờ đó mà Anh duy trì được địa vị ở Nam Phi, ảnh hưởng ở Cônggô và cả địa vị bá chủ trên biển, sử dụng các hòn đảo của Bồ Đào Nha làm những địa điểm huấn luyện và những trạm trung chuyển cho việc đi biển, đặt đường dây... cả thời bình lẫn thời chiến⁽²⁾.

Năm 1885, một hội nghị “độc lập” về Cônggô được ký kết, thực tế là Anh muốn nuốt chửng Cônggô của Bồ Đào Nha⁽³⁾.

Qua thống kê lịch sử công cuộc di thực của H. C. Môrixơ, chúng ta biết lịch sử xâm lược thuộc địa ở châu Phi của đế quốc Pháp từng năm, từ năm 1815 đến năm 1891 là từ 1034 dặm vuông lên 3320 dặm vuông, từ 95.000 dân lên 33. 257.000 dân; đế quốc Anh

⁽¹⁾ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sdd, t.22, tr.535.

^{(2), (3)} V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M. 1981, t.28, tr.95-96.

từ 129.976 dặm vuông với 245.000 dân lên 367.928 dặm vuông với 4.931.000 dân⁽¹⁾. Các nhà tư sản phương Tây đầu tư xây dựng và phát triển mạng lưới đường sắt, thiết lập các ngân hàng, đẩy mạnh xuất khẩu từ châu Phi đi...

Những siêu lợi nhuận thuộc địa từ châu Á và châu Phi nuôi các giai cấp bên trên của các nước công nghiệp tiên tiến, và nhờ đó nuôi sống một số rất đông nhân viên và tôi tớ thuần dưỡng, chỉ để làm những việc phục dịch cá nhân hay làm những công việc công nghiệp thứ yếu, dưới sự kiểm soát của bọn quý tộc tài chính mới⁽²⁾.

Lênin vạch trần bản chất của những người dân chủ xã hội Đức biện hộ cho “quyền” giai cấp tư sản Đức áp bức người da đen ở châu Phi là những người đế quốc chủ nghĩa và những người dân tộc chủ nghĩa⁽³⁾.

Lênin tự nhận mình thuộc dân tộc đi áp bức hàng trăm triệu người ở châu Âu, châu Phi, châu Á... cho nên không thể tuyên bố với các dân tộc bị áp bức rằng họ “không thể” tiến hành chiến tranh chống các dân tộc “chúng ta” được. “Phủ nhận mọi khả năng xảy ra chiến tranh dân tộc trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa là

(1). (2) V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sdd, t.28, tr.293, 528.

(3) V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M. 1980, t.26, tr.379.

sai lầm về mặt lý luận, là sai lầm hiển nhiên về mặt lịch sử, còn về mặt thực tiễn, đó là chủ nghĩa sô vanh của người châu Âu”⁽¹⁾.

Lênin hết sức ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi, coi đó là sự kiện thuộc về hiện tại và tương lai, chứ không phải như một số nước châu Âu, phong trào giải phóng dân tộc thuộc về quá khứ. Người phê bình Parabelom, đảng viên Đảng Dân chủ xã hội Đức, không chú ý đến phong trào giải phóng dân tộc ở phương Đông, đến châu Á, châu Phi.

Công nhân Nam Phi tiến hành bãi công ngày 9-3-1922 ở các thành phố Giôhannexbuốc, Bêneni và Branpăng vì bị chủ tư bản giảm lương và sa thải công nhân, từ đó phát triển thành cuộc khởi nghĩa. Đảng Cộng sản Nam Phi chủ trương tích cực tham gia khởi nghĩa. Ngày 14-3-1922, bọn quân phiệt dùng vũ lực dập tắt. Chính phủ đã bắt một vạn người, hàng nghìn công nhân bị giao cho tòa án quân sự. Lênin vạch trần chính phủ Anh nhúng tay vào tội ác đối với nhân dân Nam Phi trong cuộc khởi nghĩa này⁽²⁾.

Vào thời kỳ này, các dân tộc châu Phi không ngừng đấu tranh dưới mọi hình thức để mưu cầu giải phóng, nhưng điều kiện khách quan và nhân tố chủ

⁽¹⁾ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M. 1981, t.30, tr.172.

⁽²⁾ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M. 1978, t.45, tr.168.

quan thực hiện ước vọng của họ chưa xuất hiện, nên mục đích chưa được thực hiện. Mặc dầu vậy, con đường giải phóng dân tộc ở châu Phi đã bàn đến và chỉ ra rõ ràng qua những tác phẩm và diễn văn, báo cáo của Lenin trong các hội nghị, đại hội. Đó là con đường cách mạng vô sản, là sự liên minh vô sản các nước với các dân tộc bị áp bức dưới ngọn cờ của Quốc tế Cộng sản; là thành lập Mặt trận thống nhất chống chủ nghĩa đế quốc trong mỗi quốc gia và tham gia Mặt trận thống nhất chống chủ nghĩa đế quốc trên phạm vi quốc tế; là sử dụng mọi hình thức tổ chức và phương pháp đấu tranh, kể cả xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang để đánh đuổi chủ nghĩa đế quốc và tay sai; là xây dựng đất nước phồn vinh sau khi giải phóng khỏi ách đế quốc theo con đường không tư bản chủ nghĩa.

Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại và nhà nước công nông ra đời cùng với việc thành lập Liên bang các nước cộng hòa Xôviết, phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức nói chung và châu Phi nói riêng, bắt đầu chuyển hướng, đi vào quỹ đạo mới của cách mạng thế giới.

Truyền thống đấu tranh bất khuất, chống kẻ thù xâm lược từ xa xưa trong lịch sử của các dân tộc châu Phi không ngừng tiếp diễn và tư tưởng cách mạng

tiên tiến nhất của thời đại là chủ nghĩa Lênin, soi sáng con đường giải phóng châu Phi, là tiền đề tư tưởng, chính trị cho Nguyễn Ái Quốc suy nghĩ và đề xuất những quan điểm, đường lối đấu tranh cho độc lập dân tộc của các nước thuộc địa ở châu Phi, gắn liền với công cuộc giải phóng dân tộc Việt Nam và các dân tộc bị áp bức khác khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc.



Chủ tịch Hồ Chí Minh với đoàn ca múa Cônggô (Bradavin) sang thăm và biểu diễn tại Việt Nam, 26-12-1964.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CHƯƠNG 2

Nguyễn Ái Quốc kịch liệt lên án tội ác của chủ nghĩa đế quốc ở châu Phi và đấu tranh vì công cuộc giải phóng các nước châu Phi



I. Đi tìm con đường giải phóng thuộc địa, giải phóng châu Phi

1. Bước đầu tiếp xúc với châu Phi

Khi học ở Huế, Nguyễn Tất Thành đã biết về châu Phi qua môn địa lý thế giới, qua sách báo, bài giảng ở nhà trường những nét đại cương về vị trí, thiên nhiên, chủng tộc, và là một bộ phận của thế giới thuộc địa, đối tượng “khai hoá” của những người da trắng châu Âu.

Cũng như mọi bạn học nhỏ tuổi cùng lớp, cùng trường lúc đó, sự hiểu biết về châu Phi của Nguyễn Tất Thành chỉ là mở rộng kiến thức học vấn, chưa phải là vấn đề đáng quan tâm.

Trên đường rời Tổ quốc ra đi, tàu đô đốc Latútơ Tơrêvin đưa Nguyễn Tất Thành ghé qua nhiều thuộc địa của đế quốc Anh rồi tiến vào Địa Trung Hải, đến cảng Mácxây, mảnh đất đầu tiên của đế quốc Pháp, một cường quốc bậc nhất trên thế giới đương thời. Từ khi đặt chân lên đất Pháp và mấy tháng liền sau đó, ở Mácxây, Lơ Havơ, Nguyễn Tất Thành nhìn thấy những người dân các thuộc địa da đen lao động vất vả, ăn uống kham khổ, quần áo bẩn thỉu, bị người Pháp khinh rẻ, bạc đãi, từ đó nảy nở trong anh sự đồng cảm xuất phát từ lòng nhân đạo tự nhiên.

Một buổi chiều, người chủ già đi làm về, nói với anh Ba (tức Nguyễn Tất Thành): “Có một chuyến tàu đi vòng quanh châu Phi. Không có hành khách. Chỉ có hàng hóa. Anh có muốn nhận làm bồi cho các sĩ quan trên tàu ấy không? Họ không đông lắm đâu, và đều là những người tốt, anh sẽ thấy là anh không đến nỗi vất vả ở trên tàu. Đồng ý chứ?”⁽¹⁾.

Anh vui vẻ nhận lời. Nhưng người bạn Việt Nam thân mến của anh khuyên anh không nên đi vì khí hậu châu Phi rất nóng, thuyền chở hàng rất trông chừng, dễ say sóng, lại có một mình.

Nguyễn Tất Thành sôi nổi, chân thành đáp lời

⁽¹⁾ Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, 1986, tr.20-21.

bạn: “Anh không nên nói như thế. Tôi là thanh niên, tôi khoẻ, tôi chịu được khổ. Và tôi muốn đi xem các nước”⁽¹⁾.

Lúc này, đi châu Phi, đối với Nguyễn Tất Thành là muốn mở rộng tầm nhìn, tìm hiểu những điều mới lạ bằng mắt thấy, tai nghe, chưa có mục đích cụ thể rõ rệt. Nhưng chuyến đi, về khách quan lại giúp cho anh hiểu biết những điều bổ ích tự nhiên, làm phong phú thêm nhận thức về cuộc sống xã hội ở lục địa này, chuẩn bị tích lũy những tư liệu sống ban đầu qua quan sát trực tiếp để đi tới cuộc chiến đấu quyết liệt, gian khổ, lâu dài chống chủ nghĩa thực dân về sau, vì sự sống còn và phát triển của các dân tộc châu Phi.

Con tàu chở hàng xuất phát từ Lơ Havơ đi qua một số nước vào vùng biển Địa Trung Hải, ghé Angiê, Tuyni, là những cảng ở các thuộc địa của Pháp ở Bắc Phi, đến những cửa biển Đông Phi của nhiều đế quốc, đến Cônggô, qua Tơnơríp thuộc quần đảo Canari, thuộc địa của Tây Ban Nha ở tây bắc Sahara. Mỗi lần tàu cập bến, anh tranh thủ lên thăm thành phố cảng để ngắm nhìn phong cảnh và xem xét cuộc sống của người dân ở đó.

⁽¹⁾ Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sdd, tr.21.

Anh đến Đaca, thủ đô nước Xênegan, ở phía tây châu Phi, là một cửa biển du lịch, thương mại, đánh cá. Dân số ở đây có vài chục vạn người. Có một số ít xí nghiệp công nghiệp chế biến nhỏ. Tàu tiến vào cảng lúc sóng biển gầm thét dữ dội, tàu bị đánh bật ra, vật lộn với sóng gió mà vẫn không vào được bờ và không thể thả canô xuống được. Bọn thực dân Pháp đứng trên bờ bắt người da đen bản xứ phải thay nhau nhảy xuống biển bơi ra bám tàu để liên lạc với đất liền. Sóng biển đã lần lượt cuốn họ đi một cách lạnh lùng, tàn nhẫn cùng với rác rưởi và bọt nước.

Nguyễn Tất Thành rất xúc động trước cảnh tượng dã man đó của bọn thực dân da trắng đối với người thuộc địa ở đây. Anh liên tưởng một cách tự nhiên giữa tính mạng của người dân Xênegan với số phận của người dân Việt Nam, đồng bào khốn khổ của anh có một sự giống nhau kỳ lạ: họ đều là nạn nhân của sự hung ác, vô nhân đạo do bọn thực dân da trắng gây nên. Tính mạng của người bản xứ, không kể là da đen hay da vàng, đều không đáng giá một xu. Những sự việc tương tự như vậy diễn ra dưới con mắt Nguyễn Tất Thành, lặp đi lặp lại nhiều lần gây cho anh ấn tượng ngày càng sâu về sự đồng cảm với những người dân ở các nước thuộc địa châu Phi, mầm mống của ý thức căm thù chủ

nghĩa thực dân áp bức, bóc lột, phân biệt chủng tộc, vượt qua các biên giới quốc gia và các đại dương mênh mông.

Những nghịch cảnh xã hội tập trung mọi suy nghĩ, đọng lại trong đầu óc, làm cho anh quên tất cả mệt nhọc vì sóng gió và khí hậu khắc nghiệt của châu Phi.

2. Trở lại nước Pháp, đến Pari

Hơn 5 năm, qua nhiều nơi ở nhiều nước Âu, Mỹ, năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại nước Pháp và lần đầu tiên đến Pari. Ở đây, anh biết còn gần một triệu người dân ở các thuộc địa của Pháp bị động viên cho cuộc chiến tranh sát phạt lẫn nhau giữa các đế quốc từ năm 1914. Trong số này, người các nước châu Phi đông nhất, rồi đến đồng bào của anh. Biết bao người đã ngã xuống dưới bom đạn để bảo vệ một cách bất đắc dĩ quyền lợi ích kỷ của bọn tư sản cá mập Pháp. Và còn bao nhiêu người bị tàn phế vì chiến tranh, không được chăm sóc, sống cuộc đời vất vưởng như bị bỏ quên.

Các nước thuộc địa của Pháp ở châu Phi	Số người bị động viên cho chiến tranh	Số người sang châu Âu	Số người chết và mất tích	Chú thích
Angiêri	172.800	172.800	35.900	Chưa kể mất tích
Tuynidi	60.000	60.000		
Marốc	37.150	37.150		
Tây Phi	163.602	134.210	24.762	
Đông Phi	17.900			
Réunion	6.936	5.950	493	
Xenêgan	7.199	5.662	768	
Madagátxca	44.355	34.386	2.368	
Cô-tơ-dơ-Xô-ma-li	2.434	2.088	517	
Cộng	512.386	452.246	64.808	
Thuộc địa của Pháp ở châu Phi/tổng số thuộc địa của Pháp	Số người bị động viên cho chiến tranh 87,2%		Số người chết và mất tích $\pm$ 86%	
Các nước thuộc địa của Pháp ở châu Phi	Số lính thợ	Số sang châu Âu	Tính chung cả lính và thợ của châu Phi là 587.185 người, chiếm tổng số người của các thuộc địa Pháp bị huy động	
Angiêri	78.550	75.864		
Tuynidi	28.950	18.538		
Marốc	35.500	35.010		
Cộng	149.000	134.939		
Thuộc địa của Pháp ở châu Phi/tổng số thuộc địa của Pháp	78,5%			

(Nguồn tư liệu: A. Xarô: *Khai thác các thuộc địa của Pháp* - Payot và C^{ie}, Paris, 1923, tiếng Pháp, tr. 45)

Những người dân các nước thuộc địa, khi còn sống ở quê hương, họ chỉ là những tên “da đen bản thủ, những tên “Annamít” bản thủ, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa “con yêu”, những người “bạn hiền” của các quan cai trị phụ mẫu nhân hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa”⁽¹⁾. Sự “biến đổi” đột ngột vị trí của người dân bản xứ dưới ngòi bút đả kích sâu cay của Nguyễn Ái Quốc bóc trần tâm địa dã man, độc ác của bọn thực dân Pháp. Rồi những người bản xứ bỗng nhiên được phong danh hiệu tối cao là “chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do”, đem xương máu mình làm phương tiện thăng quan, tiến chức cho bọn sĩ quan quân phiệt hiếu chiến; không phải chỉ bảo vệ những kết bạc vốn có của bọn đại tư bản, mà còn nhằm cướp bóc thêm những kết bạc mới từ bên ngoài về...

Nay đồng minh chiến thắng đối phương, Pháp đứng về phía thắng trận, được chia phần. Từ đây, vị trí xã hội nguyên thủy và hình dáng hiện thực của người dân bản xứ được trả lại nguyên hình, bộc lộ tất cả sự lừa bịp xấu xa, ghê tởm của chủ nghĩa thực dân.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1995, t.2, tr.23.

Trên đường tìm chân lý, động lực trực tiếp thúc đẩy Nguyễn Tất Thành là lòng yêu nước mình, thương đồng bào mình, là tinh thần cứu nước giải phóng dân tộc. Nhưng cho đến những năm đầu trở lại nước Pháp (1917-1920) anh đã “nhiễm” trong mình những sắc thái và yếu tố của một sự chống đối của các dân tộc bị áp bức nói chung với chủ nghĩa thực dân, qua thực tiễn cuộc sống và quan sát phản ánh.

Các nước đồng minh thắng trận ở Vécxay năm 1919 bàn việc trừng phạt các nước thua trận và chia nhau của cải mới cướp được. Nguyễn Ái Quốc - tên mới của Nguyễn Tất Thành - thay mặt những người yêu nước Việt Nam ở Pari gửi đến hội nghị Vécxay một bản “Yêu sách tám điểm” của nhân dân Việt Nam. Mở đầu, bản yêu sách viết: “Từ ngày đồng minh thắng trận tới nay, tất cả các dân tộc bị lệ thuộc đều chứa chan hy vọng rằng theo những lời cam kết chính thức và trịnh trọng mà các cường quốc đồng minh đã tuyên bố với toàn thế giới, trong cuộc đấu tranh của văn minh chống dã man, thì tiền đồ một thời đại công lý và chính nghĩa nhất định là phải đến với họ.

Trong khi chờ cho nguyên tắc dân tộc sẽ từ lĩnh vực lý tưởng chuyển vào lĩnh vực thực hiện do chỗ quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc đã được thừa nhận thực sự...”. Ở đây, Nguyễn Ái Quốc đặt vận

mệnh của các dân tộc bị áp bức lên trên, bao trùm, trong đó có vận mệnh của dân tộc mình, và suy nghĩ về quyền tự quyết của các dân tộc (trong đó có Việt Nam) trên một ý nghĩa nào đó, anh đã đấu tranh cho các quyền lợi chính đáng của nhân dân châu Phi. Những suy nghĩ lúc đó của Nguyễn Ái Quốc - và của nhóm những người yêu nước Việt Nam ở Pari nói chung - cho ta thấy cuộc đấu tranh để giải phóng dân tộc mình không thể tiến hành đơn độc, mà phải gắn với cuộc đấu tranh chung của các dân tộc bị lệ thuộc trên trái đất.

Do tình hình chính trị, tư tưởng của xã hội Pháp lúc đó chi phối trực tiếp, nhất là trong Đảng Xã hội, bọn cơ hội còn có thế lực khá mạnh trong ban lãnh đạo cao nhất và cả các cấp bộ của Đảng; những tư tưởng cách mạng của Lenin và Quốc tế thứ ba không được phổ biến trong giai cấp công nhân và đảng viên xã hội, lý luận về quyền dân tộc tự quyết, giải phóng các dân tộc bị áp bức khỏi ách đế quốc chủ nghĩa chưa được tuyên truyền trên sách báo xã hội chủ nghĩa Pháp; tầm tư tưởng của những người yêu nước Việt Nam ở Pháp khi ấy chưa thể vượt qua được những hạn chế chung của xã hội Pháp nên Nguyễn Ái Quốc còn đặt lòng tin của mình cũng như gửi gắm hy vọng của các dân tộc thuộc địa vào chính sách hòa bình của

Tổng thống Mỹ Tô-mát Uyn-xơn, còn đặt ra yêu cầu cải cách và chờ đợi quyền dân tộc tự quyết được thực hiện. “Nhưng sau một thời gian nghiên cứu và theo dõi, chúng tôi nhận thấy rằng “chủ nghĩa Uyn-xơn” chỉ là một trò bịp bợm lớn”⁽¹⁾.

Rút kinh nghiệm từ cuộc sống thực tế, Nguyễn Ái Quốc đi tìm một phương hướng đấu tranh mới cho dân tộc mình và các dân tộc bị áp bức, sau khi thấy rõ trò bịp của chủ nghĩa Uyn-xơn. Tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và Đảng Xã hội Pháp, gần gũi với những chiến sĩ xã hội, những người mácxít trung thực có tri thức và lý luận như Vayăng Cutuyriê, Casanh và cả những công nhân bình thường lam lũ, tình cảm giai cấp trong sáng, sôi nổi, Nguyễn Ái Quốc ngày càng gắn bó chặt chẽ với lực lượng hùng hậu đó, say mê lý tưởng vĩ đại giải phóng những người lao động ấy. Trong sự nghiệp giải phóng những người lao động, có cả người lao động ở chính quốc và thuộc địa. Nhưng ở thuộc địa, không phải chỉ có những người lao động mới bị áp bức, mà cả giai cấp và tầng lớp xã hội của dân tộc đều bị áp bức, bóc lột. Vậy con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức liên quan như thế nào với giải phóng những người lao động, và làm thế nào để giải phóng họ khỏi

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1995, t.1, tr.416.

sự áp bức của chủ nghĩa tư bản, vẫn là điều bất khoan của Nguyễn Ái Quốc chưa được làm sáng tỏ.

3. Tìm đến Luận cương của Lênin và tham dự Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội ở Tua

Để chuẩn bị cho Đại hội lần thứ II Quốc tế Cộng sản, Lênin công bố bản “Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa”. Văn kiện quan trọng này được báo *L'Humanité* dịch đăng toàn văn trên hai số ra ngày 16 và 17-7-1920, dưới nhan đề “Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa”. Nguyễn Ái Quốc tìm đến văn kiện này đúng vào thời điểm những mâu thuẫn và yêu cầu trong nhận thức tới mức bức thiết cần được giải quyết, đã trả lời rõ ràng rằng: *Quốc tế thứ hai hay Quốc tế thứ ba có đường lối giải quyết đúng vấn đề dân tộc và thuộc địa.*

Luận cương của Lênin đưa Nguyễn Ái Quốc từ ý thức của người yêu nước đầy nhiệt tình như Người thường nói, sang bước ngoặt của ý thức quốc tế chủ nghĩa của giai cấp vô sản cách mạng. Trong ý thức yêu nước đầy nhiệt tình trước khi tiếp cận với luận cương Lênin đã mang trong mình nó những yếu tố của ý thức quốc tế chủ nghĩa, một mặt bắt nguồn từ giai cấp vô sản hiện đại mà anh đã cùng sát cánh với họ trong đấu tranh, trao đổi những suy nghĩ của mình, làm cho họ thông cảm với thân phận của người

dân mất nước ở thuộc địa; mặt khác, anh cảm thụ được những nỗi khổ nhục của những người dân bản xứ ở các thuộc địa có một vận mệnh như nhau, có khả năng liên kết trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung, đồng thời có sự gần gũi giữa những người nô lệ của chế độ thực dân với những người nô lệ của chế độ tư bản chủ nghĩa. Nói một cách khác, trong dòng máu yêu nước của Nguyễn Ái Quốc lúc này đã có những li ti huyết quản giao lưu trên một mức độ nhất định của cả giai cấp vô sản hiện đại và các dân tộc bị áp bức.

Thời kỳ tiệm tiến của nhận thức, tích lũy dần những yếu tố mới từ thực tiễn sinh hoạt, đấu tranh, nhận quan Nguyễn Ái Quốc mở rộng hơn, nhìn xa hơn chủ nghĩa yêu nước thuần túy, cố hữu. Trong mình anh đã pha một chút màu sắc quốc tế chủ nghĩa, để chuẩn bị cho sự tiếp nhận một cách tất yếu tất cả những tinh túy của *Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin, tạo ra một bước nhảy vọt về tư tưởng, tình cảm, quan điểm lý luận và đường lối chính trị.

Tiếp thu *Luận cương của Lênin*, xét về ý nghĩa nhất định, Nguyễn Ái Quốc đã thực sự đại diện cho suy nghĩ, yêu cầu, nguyện vọng của dân tộc anh cùng các dân tộc thuộc địa ở châu Phi và mọi thuộc địa nói

chung, vượt ra khỏi lãnh thổ xâm lược và thống trị của chủ nghĩa đế quốc Pháp.

Sau đó, tham gia các cuộc họp chi bộ của Đảng Xã hội Pháp, tranh luận với các quan điểm khác biệt, tiếp xúc với các bạn châu Phi sinh sống ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc bảo vệ một luận điểm như một chân lý: “Nếu đồng chí không lên án chủ nghĩa thực dân, nếu đồng chí không bênh vực các dân tộc thuộc địa thì đồng chí làm cái cách mạng gì?”⁽¹⁾. Đến đây, về cả tình cảm và lý trí, Nguyễn Ái Quốc đã thật sự đại diện cho tiếng nói của các dân tộc thuộc địa trong đấu tranh với các xu hướng cơ hội chủ nghĩa phủ nhận vấn đề giải phóng thuộc địa, đồng lõa với chủ nghĩa đế quốc hay bênh vực dân tộc thuộc địa trên lời nói, không phải bằng việc làm của phái theo chủ nghĩa nghị trường. Tiếng nói gằn gọng và đánh thép của anh là mối dây liên kết các dân tộc thuộc địa không phân biệt màu da, dân tộc, ở bất cứ lục địa nào, vào một mặt trận đấu tranh chung chống chủ nghĩa thực dân.

Từ *Luận cương của Lênin*, Nguyễn Ái Quốc thật sự trở thành đại biểu chân chính cho những người bản xứ đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và xã hội, là người bản xứ đầu tiên trong lịch sử phong trào công nhân Pháp và phong trào giải phóng dân tộc

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1996, t.10, tr.127.

chống chủ nghĩa đế quốc Pháp, kiên quyết lên án chủ nghĩa thực dân theo quan điểm cách mạng triệt để, có lý luận soi đường, có đường lối chính trị sáng suốt, sách lược đúng đắn, đem lại niềm tin cho các dân tộc bị áp bức.

Phát biểu tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua, ngày 26-12-1920, nhân danh một đảng viên, Nguyễn Ái Quốc yêu cầu: “Đảng Xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức”⁽¹⁾. Câu nói ngắn gọn này hàm ý đấu tranh, phê phán sâu sắc. Quốc tế thứ ba là Quốc tế hoạt động thiết thực, là tổ chức đấu tranh. Đảng Xã hội “hoạt động một cách thiết thực” là khuynh hướng theo tinh thần chiến đấu cách mạng của Quốc tế thứ ba. Quốc tế thứ hai chỉ ủng hộ suông trên diễn đàn nghị viện, không tổ chức hành động thiết thực, thực tế là không ủng hộ.

Nguyễn Ái Quốc tiếp tục đề nghị: “Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa. Chúng tôi thấy rằng việc Đảng Xã hội gia nhập Quốc tế thứ ba có nghĩa là Đảng hứa một cách cụ thể rằng từ nay Đảng sẽ đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa”⁽²⁾. Ngay lúc này, Nguyễn

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.23.

Ái Quốc nói rõ, chính chủ nghĩa xã hội khoa học là vũ khí mở đường giải phóng các dân tộc thuộc địa. Tuyên truyền chủ nghĩa xã hội khoa học có nghĩa là trao vũ khí chiến đấu cách mạng của giai cấp vô sản cho các dân tộc thuộc địa, làm cho họ giác ngộ, nhận thức được con đường đi tới giải phóng.

Chủ nghĩa xã hội khoa học là lý tưởng của giai cấp vô sản, sinh ra từ phong trào vô sản phương Tây. Nhưng trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa xã hội khoa học có thể chinh phục trái tim, khối óc của các dân tộc thuộc địa, những người nông dân nghèo khổ, những người chuyên săn bắn ở các bộ lạc trong các vùng rừng núi châu Á và châu Phi.

“Hứa một cách cụ thể” có nghĩa là từ nay dứt khoát từ bỏ cả về đường lối chính trị và tổ chức của Quốc tế thứ hai, chuyển hẳn sang tư tưởng, phương hướng chiến lược và tổ chức theo Quốc tế thứ ba trong thời kỳ hoạt động thực tiễn mới của Đảng.

Nguyễn Ái Quốc “rất sung sướng khi nghe tin thành lập một đoàn đại biểu thường trực nghiên cứu về Bắc Phi”⁽¹⁾. Đây mới là *nghe tin* đã rất *sung sướng*, chưa biết sẽ đem lại những hiệu quả cụ thể gì có ích cho các dân tộc thuộc địa ở Bắc Phi? Thái độ biểu thị trước hết là hoan nghênh, ủng hộ.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.23.

Đoàn đại biểu thường trực này do Đảng Xã hội trước khi trở thành phân bộ của Quốc tế thứ ba chủ trương. Nếu tổ chức đó được duy trì và kiên trì hoạt động sau khi Đảng đã tham gia Quốc tế thứ ba là một điều đáng vui mừng hơn nữa, rồi từ đó Đảng có khả năng mở rộng hoạt động của mình sang các thuộc địa khác của Pháp.

Một số các thuộc địa của Pháp ở châu Phi đã sớm có tổ chức cơ sở của Đảng Xã hội. Theo thống kê của Đảng Xã hội, đến năm 1919, các phân bộ ở Angiêri có 700 đảng viên; Côngxtăngtin 400 đảng viên; Ôrăng 400 đảng viên; Tuynidi 300 đảng viên. Chúng tôi chưa có tài liệu cụ thể để biết trong các đảng bộ này, số đảng viên người Pháp là bao nhiêu và người bản xứ là bao nhiêu? Trong người bản xứ thì các đảng viên thuộc những thành phần xã hội nào và chiếm tỷ lệ là bao nhiêu? Đến Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội họp ở Tua, các đảng bộ trên cử đại biểu của mình tham dự Đại hội và mang số phiếu như sau:

Angiêri: 2 đại biểu, mang 15 phiếu, kể cả ủy nhiệm.

Côngxtăngtin: 1 đại biểu, mang 19 phiếu, kể cả ủy nhiệm.

Ôrăng: 2 đại biểu, mang 7 phiếu, kể cả ủy nhiệm.

Đảng bộ Đông Dương lúc này có 20 đảng viên đều là người bản xứ; 1 đại biểu, chỉ có một phiếu

trong Đại hội (không có phiếu ủy nhiệm).

Một điều đáng chú ý là: các đại biểu được cử tham dự Đại hội của các đảng bộ châu Phi đều là người Pháp, không có người gốc bản xứ. Phải chăng cơ cấu đó có ảnh hưởng đến tỷ lệ số phiếu tán thành Quốc tế thứ ba, từ bỏ Quốc tế thứ hai?

Angiêri 86,7% phiếu tán thành Quốc tế thứ ba, 13,3% phiếu phản đối; Côngxtăngtin 94,7% phiếu tán thành Quốc tế thứ ba, 5,3% phiếu phản đối; Tuynidi 66,7% phiếu tán thành Quốc tế thứ ba, 33,3% phiếu phản đối. Chỉ có Ôrăng 100% phiếu tán thành Quốc tế thứ ba.

Đặc biệt là Đông Dương, một phiếu của Nguyễn Ái Quốc, người bản xứ duy nhất trong Đại hội, tán thành Quốc tế thứ ba.

Trong số phiếu của các đại biểu châu Phi tán thành Quốc tế thứ ba cũng có một số chưa phải là những chiến sĩ kiên định. Ít lâu sau, trong số đó có những người rời bỏ Đảng Cộng sản, trở lại với Đảng Xã hội như Phrôtxa, Xuvarin...

Lá phiếu duy nhất đại biểu cho đảng viên người bản xứ Nguyễn Ái Quốc, trên ý nghĩa tinh thần tượng trưng là lá phiếu đại diện chân chính cho quần chúng bị chủ nghĩa đế quốc áp bức tán thành Quốc tế thứ ba. Đại hội Tua là thời điểm kết thúc bước chuyển biến căn

bản có tính quyết định cả về tư tưởng, lý luận, chính trị và tổ chức đối với Nguyễn Ái Quốc, bước sang thời kỳ mới, đứng vững vàng trên mảnh đất của Quốc tế thứ ba đấu tranh cho lợi ích của các dân tộc thuộc địa dưới ngọn cờ cách mạng vinh quang do Lênin dẫn đầu, đem lại những trang lịch sử quý báu, phong phú cho phong trào đấu tranh vì độc lập dân tộc.

Từ đây, vấn đề thuộc địa của Pháp ở châu Phi chiếm một phần quan trọng trong suy nghĩ và đấu tranh, chảy nhiều mực trên các trang sách, báo của Nguyễn Ái Quốc, người chiến sĩ tiêu biểu chống áp bức dân tộc.

Một điều trùng hợp đáng chú ý là Nguyễn Ái Quốc bước lên vũ đài đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân dưới ngọn cờ của Lênin chính là sự tuyên chiến trực tiếp với cương lĩnh mới của chủ nghĩa thực dân Pháp đề ra, do chính phủ Pháp báo cáo trước Quốc hội ngày 12-4-1921, được A. Xarô trình bày cụ thể trong cuốn sách của ông ta được nhiều người biết đến, mang tên *Việc khai thác các thuộc địa của Pháp*, xuất bản năm 1923.

II. Kịch liệt lên án tội ác của chủ nghĩa đế quốc ở châu Phi

Nguyễn Ái Quốc bước vào vũ đài chính trị với tư cách là một chiến sĩ quốc tế. Nhiều nhà hoạt động

chính trị nổi tiếng của châu Phi sinh sống ở Pháp đã trở thành những người bạn thân thiết của Người như: G. Ralemônggô (Mangasô), Lui Huncanrin và Tôvalu (Đahômây), Hátgi Ali (Angiêri), Lamin Xănggo (Xênegan), Cuyatê (Xudăng), Ăngdrê Matxiva (Cônghô)⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo bài của G. Xuyrê Canan: “*Đảng Cộng sản Pháp và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân*”, in trong cuốn *Việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp và sự thâm nhập những tư tưởng của Lênin ở Pháp*, (tiếng Pháp), Nxb. Xã hội, Pari. 1971, tr.123.

- **Giăng Ralemônggô** sinh ngày 4-10-1884, mất ngày 10-8-1943. Ông là giáo viên tiểu học, bị động viên vào quân đội sang Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ nhất. Sau này, tưởng nhớ đến Ralemônggô, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Ralemônggô là một tấm gương về lòng can đảm và tính lạc quan. Hồi đó, chúng tôi là nhóm dân thuộc địa cùng nhau phối hợp in một tờ báo chiến đấu khuôn khổ nhỏ, và chính Anh là linh hồn của nhóm; mỗi khi chúng tôi có nguy cơ bị đối thì chính Anh đã đi làm phu khuôn vác ở chợ để có tiền mua bánh mì cho cả nhóm. Tôi không bao giờ quên Anh và mỗi cảm phục của tôi đối với Anh đương nhiên phải hướng về nhân dân Mangasô mà Anh vô cùng yêu mến” (Trích lại của Đinh Xuân Lâm trong bài “*Bác Hồ với cách mạng Madagátxca*”, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 4-1983, tr.26. Xin đính chính một điểm trong bài: Ralemônggô không tham gia Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp năm 1920).

- **Lui Huncanrin** là giáo viên từ năm 1915. Năm 1921 từ Pháp về Đahômây tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Trong cuộc biểu tình chống thuế tháng 12-1923 ở Poócô Nôvô, Huncanrin và một số người bị bắt. Ông bị kết án biệt xứ 10 năm đi Môritani. Hết hạn trở về, ông tiếp tục đấu tranh và bị bắt đày đi Xudăng. (Theo Giăng Xuyrê Canan: *Châu Phi đen, thời kỳ thuộc địa*, Nxb. Xã hội, (tiếng Pháp) Pari, 1982, tr.555, 584).

- **Cốtgiô Tôvalu**: luật sư, năm 1924 hơ hào thành lập “Liên đoàn bảo vệ chủng tộc da đen” ở Pari, ra báo *Les Continents*. Sau trở về châu Phi và bị bắt (Giăng Xuyrê Canan: Sdd, tr.552).

- **Hátgi Ali**: nhà hoạt động trong Đảng Cộng sản Pháp, được Đảng giới thiệu ra tranh cử Quốc hội Pháp năm 1924 với danh nghĩa thành viên “Khối công nhân và nông dân” (Xem *Le Paria* số 25, 5-1924, tr.1).

Được sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc cùng các chiến sĩ chống chủ nghĩa thực dân ở các thuộc địa của Pháp ở châu Phi và châu Mỹ latinh tổ chức ra Hội Liên hiệp thuộc địa (1921), đưa việc đấu tranh chống đế quốc, giải phóng các dân tộc bị áp bức trong sự kết hợp chặt chẽ tuyên truyền với tổ chức. Đây là một hình thức mặt trận sơ khai của các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân Pháp áp bức, hoạt động theo xu hướng vô sản. Đây cũng là sự hình thành mặt trận liên minh giữa các dân tộc bị áp bức với giai cấp vô sản Pháp cùng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc Pháp, dưới sự lãnh đạo của người đại biểu các đảng cộng sản. Đây cũng là một hình thức liên minh các dân tộc bị áp bức duy nhất xuất hiện trong lịch sử đấu tranh giải phóng của mình ra đời

- **Lamin Xănggo** học ở trường Đại học Xóc bon, Pari, tham gia Đảng Cộng sản Pháp, là thủ lĩnh tổ chức “Ủy ban bảo vệ người da đen” thành lập năm 1927. Xănggo tham gia Đại hội lần thứ nhất Liên đoàn chống đế quốc họp ở Bruyxen tháng 2-1927, phát biểu: “Người da đen ngủ từ rất lâu... nay họ đã thức tỉnh”; kêu gọi người da đen làm cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc trên toàn thế giới. Năm 1929 ông bị bắt ở Pari và chết ở trong tù. Nhà cầm quyền thông báo ông chết vì lao phổi nhưng dư luận hoài nghi, phải chăng ông bị kẻ thù ám hại.

- **Cuyaté** dự Đại hội I và Đại hội II Liên đoàn chống chủ nghĩa đế quốc (Đại hội II họp ở Phrăngphước năm 1929). Ông tham gia phong trào yêu nước của nhân dân Pháp, bị phát xít bắt được và xử bắn (Giăng Xuyrê Canan: sđd, tr.563).

- **Ăngdrê Mátxiva** bị động viên vào quân đội Pháp, tham gia chiến tranh 1914-1918, sang Pháp. Trở về Bradavin, ông tổ chức quần chúng đấu tranh, tháng 4-1930 bị bắt và bị kết án 3 năm tù.

ngay tại trung tâm chính trị của chính chủ nghĩa đế quốc đó.

Hội Liên hiệp thuộc địa tổ chức các cuộc họp thường kỳ hàng tháng. Những cuộc họp là những dịp để các chiến sĩ chống chủ nghĩa thực dân trình bày tình hình và lên tiếng tố cáo tội ác của đế quốc Pháp. Ví dụ: cuộc họp bắt đầu từ 15h ngày chủ nhật, 16-10-1921, có thuyết trình về tình hình châu Phi và biểu thị quan điểm về Đại hội Liên Phi sau nhiều cuộc thảo luận. Tổ chức Liên Phi do Tiến sĩ W.E. Bốcgác Duyboa đề xướng năm 1900, họp Đại hội lần thứ nhất năm 1919 ở Pari và Đại hội lần thứ hai năm 1921 ở Luân Đôn. Tại Đại hội lần thứ hai, Duyboa đề ra yêu sách đòi quyền công dân cho những người da đen ở Mỹ cần hơn một sự giả định thống nhất châu Phi. Có 41 đại biểu từ châu Phi và 35 đại biểu từ châu Mỹ cùng với một số sinh sống tại Anh và các nước khác tới dự Đại hội. Đại hội thông qua bản “Tuyên bố với thế giới” do Duyboa thảo, đòi quyền bình đẳng tuyệt đối cho các chủng tộc. Ngày 23-12-1922, Luyxiêng Báckitxô, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp thuộc địa, nói chuyện về lịch sử, địa lý, xã hội ở đảo Rêuyniông và Mađagátxca.

Ban Chấp hành Hội có 6 người, trong đó có 2 đại biểu châu Phi: Luyxiêng Báckitxơ (đảo Rêuyniông),

Max Clanhvín Blôngcua (Đahômây)⁽¹⁾. Ngoài ra, có Nguyễn Ái Quốc và đại biểu các nước khác ở châu Mỹ: Guyadólúp, Mactiních, Guyan.

Hội Liên hiệp thuộc địa chủ trương xuất bản cơ quan ngôn luận của mình, lấy tên là *Le Paria* - Diễn đàn của nhân dân các thuộc địa (sau này có mấy lần thay đổi danh nghĩa). Với trách nhiệm là một trong những sáng lập viên tờ báo, là chủ nhiệm kiêm chủ bút, Nguyễn Ái Quốc đã tổ chức chỉ đạo biên tập, duyệt bài và trình bày các trang báo. Bên cạnh những vấn đề chung của các dân tộc thuộc địa chống chủ nghĩa đế quốc, những vấn đề của các nước châu Phi có một vị trí xứng đáng, nổi bật trên các số báo. Có khi là của một cụm nước châu Phi. Ví dụ số 1: trên trang nhất, cột thứ tư có bài: “Những người bản xứ, chúng ta nghĩ về vụ án ở Tuyni”, kết án tù kỹ sư người Pháp tên là Ludông, người Ý tên là Côxtơ cùng với người bán báo Ap en Rátman en Kaphi; một thư viết từ Poóctô Nôvô đề ngày 17-2-1922 về việc thực dân Pháp khủng bố nhân dân Đahômây. Ở trang 2, cột 1 có bìa “Huncanrin” của Trạng sư M. Clanhvín Blôngcua; cột 2 có bài “Sự gửi gắm và những trang trí” của

⁽¹⁾ Trong các bản chụp Điều lệ của Hội Liên hiệp thuộc địa, phần danh sách Ban Chấp hành mà tôi được đọc đều ghi “*Max Clainville Bloncourt* (Dahomey); nhưng một số tài liệu khác và bài viết của chính ông viết, ông là người Guyadólúp”.

Ralemônggô mục “Những tiếng vang ở Mađagátxca”.

Số 2, ở trang 2, có mục “Diễn đàn của Tây Phi và các nước châu Phi xích đạo thuộc Pháp”, “Những vấn đề Hồi giáo ở Poóctô Nôvô” do phân bộ của Ủy ban hành động Pháp - Hồi giáo ở Poóctô Nôvô công bố. Đại loại các số khác cũng là như vậy.

Bằng ngòi bút chính luận sắc sảo của một người viết báo giàu kinh nghiệm, Nguyễn Ái Quốc viết liên tục nhiều bài trên báo Le Paria, đề cập đến nhiều vấn đề ở các nước châu Phi. Ngay trong bài xã luận của số 1 - cũng là bài phi lộ, chủ bút Nguyễn Ái Quốc viết: “Báo Le Paria ra đời chính là do sự đồng cảm sâu sắc của các bạn ở Bắc Phi, Tây Phi thuộc Pháp, ở Mađagátxca...”. Với tài hoa của mình, họa sĩ nghiệp dư Nguyễn Ái Quốc còn sáng tác một số bức biếm họa về châu Phi.

Trong thời gian ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều bài về các dân tộc ở châu Phi thuộc địa trên các báo *L'Humanité*, *La Vie ouvrière*; cùng với Hátgi Ali người Angiêri thảo văn bản cho Ban Nghiên cứu thuộc địa trực thuộc Trung ương Đảng Cộng sản Pháp đưa ra trình Đại hội lần thứ hai của Đảng họp tại Pari, được thông qua ngày 23-11-1922.

Khi đến Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc dự Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân, Đại hội lần thứ V

Quốc tế Cộng sản và một số các đại hội, hội nghị của các đoàn thể quốc tế khác; viết cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*, được nghiên cứu sâu về lý luận và đường lối chính sách của Quốc tế Cộng sản, biết được nhiều vấn đề lịch sử và nhất là những vấn đề đang diễn biến ở các nước thuộc địa trên thế giới. Trong thời gian này, Nguyễn Ái Quốc đã trình bày ý kiến của mình trên các diễn đàn đại hội và hội nghị, viết trên Tạp chí *Krestianski International* của Quốc tế Nông dân, Tập san thông tin *Inprekorr* của Quốc tế Cộng sản, gửi bài đăng trên các báo chí Xôviết... bảo vệ lý luận và chính sách của Lenin và Quốc tế Cộng sản về các vấn đề dân tộc và thuộc địa, làm sáng tỏ phương hướng và nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc thuộc địa. Trong nhiều bài nói và viết của mình, Nguyễn Ái Quốc đã đề cập đến các thuộc địa ở châu Phi khá cụ thể.

Bản thân những cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc của các nước châu Phi đã có tiếng vang khá rộng lớn trên thế giới. Với những lời nói, dòng văn lắng đọng lòng căm thù sâu sắc, lên án mãnh liệt tội ác của chủ nghĩa đế quốc, Nguyễn Ái Quốc đưa các vấn đề của châu Phi lên tầm chiến lược quốc tế, hòa chung vào cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức trên thế giới cùng với giai cấp vô sản các nước, đặc

biệt là giúp cho giai cấp vô sản Pháp và Đảng Cộng sản Pháp nhận thức đúng đắn, giải quyết chính xác vấn đề cực kỳ quan trọng này, đồng thời chỉ cho các dân tộc bị áp bức ở châu Phi tìm thấy người bạn hết sức tin cậy của mình là giai cấp vô sản và các đảng cộng sản ở các nước đế quốc chủ nghĩa trực tiếp áp bức, bóc lột dân tộc mình, là Liên Xô, đội tiên phong chiến đấu cho lợi ích của các dân tộc bị áp bức.

Do yêu cầu của đấu tranh chính trị, Nguyễn Ái Quốc đã phát biểu toàn diện về những vấn đề cơ bản của tình hình chính trị - xã hội châu Phi. Những vấn đề ấy có ý nghĩa thời sự lúc đương thời; ngày nay là những tư liệu rất quý báu cho các nhà nghiên cứu lý luận, lịch sử, xã hội học... về các vấn đề châu Phi và phong trào giải phóng các dân tộc thuộc địa trong thời điểm lịch sử nóng bỏng dưới ngọn cờ của Quốc tế Cộng sản; là tư tưởng chiến đấu cách mạng triệt để của người chiến sĩ quốc tế của giai cấp vô sản đấu tranh giải phóng dân tộc, xã hội và con người.

Nguyễn Ái Quốc viết: “Ngày nay, chủ nghĩa đế quốc đã tiến tới một trình độ hoàn bị gần như là khoa học. Nó dùng những người vô sản da trắng để chinh phục những người vô sản các thuộc địa. Sau đó nó lại tung những người vô sản ở một thuộc địa này đi đánh những người vô sản ở một thuộc địa khác. Sau hết, nó

dựa vào những người vô sản ở các thuộc địa để thống trị những người vô sản da trắng”⁽¹⁾.

Đúng là như vậy. Trong thời kỳ tư bản chủ nghĩa trước lũng đoạn, các nhà chính trị thực dân đã chú ý nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm từng phần, viết sách báo trao đổi những vấn đề về xâm lược và thống trị thuộc địa. Đến thời kỳ đế quốc chủ nghĩa thì sự thống trị thuộc địa được đưa lên mức tàn bạo hơn và tinh vi hơn, có nhiều cống hiến mới, về nghệ thuật và khoa học, về tính quốc tế hóa. Việc tổ chức và quản lý các thuộc địa trong bộ máy chính quyền trung ương ở chính quốc và hệ thống chính quyền thuộc địa được chấn chỉnh, củng cố và hoàn thiện. Chúng mở trường học dài hạn, có Viện Hàn lâm các khoa học thuộc địa, Viện Thuộc địa quốc tế, ra nhiều loại tập san, tạp chí, tổ chức các hội nghị thuộc địa quốc tế. Ở Pháp, bọn thực dân tổ chức ra các ủy ban chuyên trách nghiên cứu các thuộc địa, vừa đi sâu, riêng đối với châu Phi như: Ủy ban châu Phi (1890), Ủy ban Mađagátxca (1895), Ủy ban Maroc (1904)....

Mở đầu các cuộc chinh phục thuộc địa là bọn thực dân đưa quân đội viễn chinh từ phương Tây sang. Thành phần của đội quân là những người vô sản và lao động bị cưỡng bức đi lính trong các đội

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.246.

chuyên nghiệp, nhà nghề và cả những người đi lính nghĩa vụ có thời hạn theo lệnh động viên. Sau khi đã chiếm đóng và bình định được một bộ phận đất đai và dân địa phương, chủ nghĩa thực dân liền bắt lính, một mặt để thay thế đội quân da trắng, tiếp tục mở rộng và hoàn thành việc chiếm đóng nước thuộc địa đó; mặt khác, đưa quân đội nước này “đi đánh những người vô sản ở thuộc địa khác” như dùng “ người Xênegan giúp bọn quân phiệt Pháp giết hại anh em mình ở Cônggô, Xuđăng, Dahômây, Mađagátxca. Người Angiêri đã sang đánh Đông Dương. Người Việt Nam thì sang đóng đồn canh phòng ở châu Phi”⁽¹⁾ mà tác giả gọi là “chiến công đáng buồn”⁽²⁾.

Họ là công cụ không có ý thức trong tay bọn thực dân để đi bất cứ đâu, bắn vào bất cứ mục tiêu nào, theo mệnh lệnh của bọn chỉ huy. Khi hạ được đối thủ, bọn chỉ huy bày trò khen thưởng chiến công để làm cho những người lính thuộc địa vừa tàn sát anh em mình hiểu sai lạc ý nghĩa của sự việc mình làm, từ đó có thể đi đến dần sâu hơn vào con đường tội lỗi, nhiệm chủ nghĩa chủng tộc, chủ nghĩa quốc gia phản động của chủ nghĩa đế quốc. Chủ nghĩa đế quốc dùng người thuộc địa này đi đánh thuộc địa khác, giải quyết nạn thiếu quân số và hạn chế việc đưa người da

^{(1), (2)} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.246.

trắng sang thuộc địa, đỡ tốn kém về tài chính, ngăn chặn bớt những phản ứng trong dư luận chính quốc, rẻ tiền mà còn đem lại hiệu quả cao.

Trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, giai cấp vô sản da trắng ở các nước tư bản chủ nghĩa đã ít nhiều giác ngộ về vị trí và vai trò lịch sử của mình, cho nên không dễ bị huy động đi lính đánh thuê cho giai cấp tư sản ở một nơi xa xôi. Có thể trên một mức độ nào đó, những người vô sản còn bị lừa bịp về việc “bảo vệ tổ quốc” một cách mơ hồ khi chiến tranh bùng nổ. Nhưng gia nhập đội quân viễn chinh lại là một việc khó đối trá. Trong khi đó, những cuộc biểu tình, đình công của công nhân đòi tăng tiền lương, giảm giờ làm, cải thiện điều kiện lao động, giải quyết nạn thất nghiệp và đòi thực hiện các quyền tự do dân chủ cơ bản cho nhân dân ngày một ăn sâu, lan rộng, lôi cuốn các tầng lớp lao động khác ở thành thị và nông thôn vào cuộc đấu tranh, diễn ra đồng thời với nhà máy, đường phố là báo chí và cả trên diễn đàn Quốc hội.

Để ngăn chặn, đàn áp những cuộc đấu tranh của “vô sản da trắng”, tốt nhất là dùng những người vô sản thuộc địa chưa giác ngộ, sẵn tâm lý kỳ thị chủng tộc và hành động như cái máy hơn là dùng quân đội và cảnh sát là người da trắng để chống lại vô sản da trắng. Những mâu thuẫn giả tạo đó do chủ nghĩa đế

quốc dựng lên, ít nhất là trước mắt sẽ phá vỡ mặt trận thống nhất của những người vô sản các nước, không phân biệt màu da, dân tộc, phá vỡ sự liên kết giữa người vô sản ở chính quốc và các dân tộc thuộc địa, kích thích chủ nghĩa chủng tộc, chủ nghĩa bài ngoại, chủ nghĩa sô vanh không chỉ trong những người vô sản và nhân dân thuộc địa mà cả trong giai cấp vô sản là những người “da trắng”.

Thật là đau lòng phải nhắc lại: “Trong cuộc đại chiến, hơn một triệu nông dân và công nhân thuộc địa đã bị đưa sang châu Âu để chém giết nông dân và công nhân da trắng”⁽¹⁾. Vấn đề tác giả đề cập ở đây được mở rộng trong thời điểm chiến tranh. Không phải chỉ giới hạn ở nông dân, công nhân châu Phi và các thuộc địa khác sang đàn áp vô sản Pháp, mà đã trực tiếp ở tiền tuyến hay phục vụ trong các xí nghiệp quốc phòng hoặc làm công việc hậu cần cho quân đội Pháp giết những người Đức, trong số họ chủ yếu cũng là công nhân và nông dân cầm súng.

Khi chiến tranh kết thúc, hòa bình lập lại, những cuộc đấu tranh sôi nổi của công nhân vùng công nghiệp Đức ở Rura diễn ra cuối tháng 12-1922 chống bọn tư bản, đòi cải thiện đời sống. Bọn cầm quyền Pháp đưa hai sư đoàn, bao gồm cả lính Pháp và lính

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.1, tr.246.

thuộc địa người Phi đến đàn áp phong trào công nhân, cấm đưa than ở Ruya đến các vùng ở Đức, cô lập các khu vực còn lại, quyết định chiếm Ruya. Đảng Cộng sản Pháp báo động cho giai cấp vô sản Pháp biết tính chất đế quốc chủ nghĩa và phiêu lưu của chính phủ Pháp, quyết định mở một chiến dịch của công nhân Pháp ủng hộ công nhân Đức, thành lập một ủy ban hành động toàn quốc, tổ chức các cuộc mít tinh quần chúng; các nghị sĩ cộng sản Pháp sử dụng diễn đàn Quốc hội lên án Chính phủ và tuyên bố ủng hộ công nhân Đức; Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Cộng sản Đức ra tuyên bố phối hợp hành động. Chính phủ Pháp thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh của quần chúng, bắt tù những người lãnh đạo như M. Casanhe, G. Môngmút-xô, G. Pêri...

Quân đội Pháp nhận lệnh đến Ruya, có những đơn vị tổ chức ủng hộ công nhân ở đây và công nhân mở Môden bãi công. Ở Can, lính trung đoàn bộ binh 17 hát Quốc tế ca. Ở Etxen, binh lính từ chối bắn vào người thất nghiệp chiếm khách sạn thành phố. Chính phủ quyết định điều lính bản xứ đến bao vây lính Pháp đã “vô kỷ luật” ủng hộ công nhân và phái lính bảo thủ thuộc địa đi dẹp những người Đức bãi công⁽¹⁾, trong đó chủ yếu là những người lính châu Phi.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.246.

Vấn đề quan hệ giữa người vô sản da trắng được mở rộng, không phải chỉ còn là vô sản Pháp với những người bản xứ, thuộc địa của đế quốc Pháp mà là cả vô sản Đức - Pháp với các dân tộc thuộc địa Pháp.

“Non một nửa quân đội Pháp là người bản xứ, ước chừng 300.000 người”, trong đó 250.000 là người da đen, hầu hết là những người lính thuộc địa của Pháp ở châu Phi (một số ít là ở các thuộc địa châu Á và châu Mỹ). Họ là một lực lượng hết sức quan trọng cần được chú ý. Nếu 250.000 người đó còn là công cụ không có ý thức, hành động mù quáng theo mệnh lệnh của bọn quân phiệt thì cực kỳ nguy hiểm cho các dân tộc thuộc địa và bản thân giai cấp vô sản Pháp. Trái lại, được những người cộng sản tuyên truyền, vận động, giác ngộ và tổ chức lại thì chính họ là bạn đồng minh rất đáng tin cậy của nhân dân lao động Pháp và các thuộc địa của Pháp trong đấu tranh bảo vệ quyền lợi dân sinh, dân chủ trong hòa bình; khi nổ ra chiến tranh, đó là một lực lượng đáng sợ cho chủ của họ, vì họ chuyển qua trận tuyến cách mạng với những kiến thức quân sự do chính kẻ thù của họ đào tạo, bồi dưỡng, sẽ chuyển sang nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc hay sát cánh với giai cấp vô sản và quần chúng lao động ở chính quốc để tiến hành chiến tranh cách mạng lật đổ giai cấp tư sản.

Những cuộc hành quân bình định của quân đội xâm lược ở các nước thuộc địa gây thiệt hại về người và của cho người bản xứ là lẽ đương nhiên. Nhưng không phải chỉ có thế. Nó còn làm cho dân số chính quốc giảm sút một cách trầm trọng⁽¹⁾. Chỉ tính “Từ tháng 1 đến tháng 6 -1923, riêng ở Maroc cũng đã có 840 binh lính bị giết hay bị thương để mang lại quang vinh cho Thống chế Liôtây”⁽²⁾.

Đây là tác giả muốn nói đến cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của các bộ lạc vùng núi Ríp nổ ra từ năm 1921 thuộc Tây Ban Nha thống trị lan rộng sang vùng Pháp áp bức, thành lập nước Cộng hòa Ríp. Năm 1923, Chính phủ nước Cộng hòa Ríp cử đại biểu của họ đến Paris hội đàm với Chính phủ Pháp, nhưng không đi đến kết quả chấm dứt chiến tranh. Trái lại, chiến tranh càng tiếp diễn ác liệt hơn. Trong những năm ấy, sinh mệnh của người Pháp ngã xuống trên chiến trường châu Phi để mang lại vinh quang cho tướng lĩnh và làm giàu cho chủ các xí nghiệp sản xuất vũ khí, khí tài cho chiến tranh cùng với bọn chủ thầu phục vụ cho 200.000 quân Pháp tiến hành chiến tranh⁽³⁾. Ở đây chứng minh một luận điểm bất hủ của Ph. Ăngghen: “Không một dân tộc nào có thể trở

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.201.

(3) Tây Ban Nha có 100.000 quân tham gia phối hợp với quân Pháp tiến công vào các bộ lạc ở vùng núi Ríp, với 70.000 chiến sĩ kháng chiến.

thành tự do nếu cùng lúc đó còn tiếp tục áp bức những dân tộc khác”⁽¹⁾.

Khi những người vô sản da trắng đã giác ngộ về giai cấp, trở nên mất lòng tin đối với nhà cầm quyền tư sản, thì “bọn quân phiệt Pháp lấy những người bản xứ ở châu Phi và châu Á để thay thế”⁽²⁾. Đây không phải chỉ là một nhu cầu nhất thời, mà là một quy luật tổ chức và sử dụng lực lượng vũ trang của chủ nghĩa đế quốc. Đây cũng là một mâu thuẫn không có lối thoát của chủ nghĩa đế quốc, buộc phải dùng con dao hai lưỡi, một lưỡi dùng để chống giai cấp vô sản chính quốc, còn lưỡi kia lại đe dọa ngay sự tồn tại của nền thống trị ở thuộc địa, vì “lòng trung thành” của họ đối với bọn quân phiệt và chủ nghĩa thực dân không phải là đáng tin cậy tuyệt đối. Nói một cách khác, chính bọn quân phiệt tổ chức ra một lực lượng biết kỹ thuật và nghệ thuật quân sự, lại được trao vũ khí vào tay, trong điều kiện lịch sử nhất định, từ những kẻ nô lệ có thể trở thành kẻ sẵn sàng đứng lên chôn vùi chúng. Thực tế của các cuộc đấu tranh vũ trang giải phóng dân tộc ở châu Phi cũng như ở các thuộc địa khác đã chứng minh chân lý này.

“Nếu bọn thực dân Pháp rất vụng về trong việc phát triển nền kinh tế ở thuộc địa, thì họ lại là những

⁽¹⁾ C. Mác - Ph. Ăngghen: *Tuyển tập*, Sđd, t.I, tr.469.

⁽²⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.I, tr.201.

tay lão luyện trong nghề đàn áp dã man và trong việc chế tạo ra cái lòng trung thành bắt buộc”⁽¹⁾. Bộ máy thống trị thuộc địa của đế quốc Pháp được tổ chức khá hoàn chỉnh, với một hệ thống chặt chẽ để có thể hy vọng duy trì vĩnh viễn quyền lợi của chúng, sẵn sàng và kịp thời đàn áp tàn bạo bất cứ sự chống đối nào, có thể bóp chết ngay từ trong trứng hay đã bùng nổ công khai. Bản thân bạo lực thống trị của chủ nghĩa thực dân phản ánh sự chống đối gay gắt, quyết liệt của dân tộc bị áp bức. Theo quy luật đấu tranh giai cấp của xã hội và thực tế khách quan của lịch sử, dân tộc bị áp bức cũng phải sử dụng bạo lực để chống lại kẻ thống trị mới có thể giải phóng được mình. Sau khi giành độc lập rồi, bạo lực cách mạng phải được sử dụng để bảo vệ nền độc lập, sẵn sàng trấn áp mọi lực lượng muốn khôi phục nền thống trị cũ, đánh thắng mọi cuộc xâm lược trở lại của chủ nghĩa thực dân.

Những cuộc đàn áp dã man của quân đội Pháp ở vùng núi Ríp từ năm 1921 đến năm 1926 do tên quân phiệt Uybe Liôtây chỉ huy, phá vỡ nước Cộng hòa Ríp, giết chết và làm bị thương hàng chục vạn người yêu nước và dân thường Maroc. Phong trào “Những người khăn đỏ” (Mênalamba) ở Mađagátxca kéo dài từ năm 1896 đến năm 1905 chống thực dân Pháp cướp

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.64.

đất lập đồn điền và dựng nhà thờ bị 7.000 quân viễn chinh phản công và tàn sát dã man. Các phong trào yêu nước V. V. S ⁽¹⁾ ở Mađagátxca (1913-1915), Đảng Tự do lập hiến của giai cấp tư sản Tuynidi ra đời năm 1920 bị đối phó bằng nhà tù của chính quyền thực dân. Cuộc họp bàn đưa yêu sách lên Thống đốc Phuốcnơ xin giảm thuế và một số quyền lợi thiết thân khác ở Poóctô Nôvô, thủ phủ Đahômây tháng 2-1923 liền bị quân đội Pháp bắn giết và bắt giam nhiều người. Để che đậy tội ác ghê tởm của chính quyền thực dân, báo chí xuất bản ở Pháp và cả ở Poóctô Nôvô đã tung ra tin quần chúng khởi nghĩa và quân đội kịp thời dập tắt.

Bất cứ một sự phản ứng nào, dù chỉ là thái độ bất bình, đến tổ chức hội họp đưa kiến nghị hay biểu tình hòa bình, cho đến vũ trang bạo động, không kể quy mô nhỏ hay lớn, do thủ lĩnh bộ lạc, một bộ phận của giai cấp tư sản dân tộc hay những người có xu hướng vô sản chống chủ nghĩa thực dân đứng đầu đều bị lập tức đàn áp dã man để lập lại trật tự và “chế tạo ra lòng trung thành bắt buộc” của người bản xứ đối với nước Pháp.

“Bị tất cả mọi thủ đoạn thâm hiểm của các tòa án quân sự và tòa án đặc biệt vây xung quanh, một chiến

⁽¹⁾ V. V. S là chữ viết tắt của Vy, Vato, Sakelika, nghĩa là sắt, đá, hệ thống.

sĩ người bản xứ khó lòng tiến hành việc giáo dục đồng bào bị áp bức và dốt nát của mình mà không sa vào nanh vuốt của các nhà đi khai hóa cho họ”.

Chế độ lao động khổ sai được áp dụng phổ biến cho mọi người bản xứ. Nguyên tắc cai trị không dựa trên các đạo luật mà bằng các sắc lệnh độc đoán. Ở Mađagátxca, người bản xứ nào mà thể căn cước không theo đúng quy định của nhà cầm quyền đều “bị coi là du đảng” bị phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm. Sau khi hết hạn tù, được ra, còn có thể bị đày biệt xứ từ 5 năm đến 10 năm. Tên thực dân trắng trợn ăn quyết tiền công của người bản xứ, lại còn tỏ thái độ hống hách, thô bạo. Dem người bản xứ ra tra diện một cách dã man và hết sức vô lý không một chút căn cứ để bắt họ phải nhận ăn cấp tiền của tên chủ thực dân cho đến bị thương và phát hiện là chính cậu quý tử của ông chủ ăn cấp, nhưng tên thực dân đó chẳng bị tội tình gì⁽¹⁾. Tám người bản xứ ở Tananarivo bị tên Ghinôđô, Giám đốc một công ty điện lực, Chủ tịch Hội đồng thương mại và Ủy viên Hội đồng hành chính Mađagátxca tra diện với lý do bị vu cáo là họ ăn cấp 5000 phrăng ở nhà nước. Sự thật phơi bày là không phải như thế, tên Ghinôđô chỉ bị phạt bồi thường 16 phrăng. Tên quan năm Xele ở Tananarivo

⁽¹⁾ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.66.

đánh những người dân bản xứ chỉ vì họ không chào hấn và tên chủ quận bắt tù những người dân “không tuân theo mệnh lệnh của hấn”, bất kể là mệnh lệnh gì.

Luật nghĩa vụ quân sự của chủ nghĩa đế quốc Pháp quy định chứa đầy chủ nghĩa chủng tộc: người Pháp ở nước Pháp hay sinh sống ở Bắc Phi phải làm nghĩa vụ quân sự 18 tháng, người bản xứ thì phải tại ngũ 3 năm, tức là dài gấp đôi.

Khi động viên phục vụ chiến tranh, lấy lính “tình nguyện trong “những người con trung thành” sang chiến trường châu Âu, nhiều thanh niên bản xứ đã trốn tránh. Nhà cầm quyền phải cho lính đi lùng, bắt từng làng phải nộp đủ mức cấp trên quy định. Những thanh niên trốn tránh thì tai vạ sẽ đổ lên đầu cha mẹ họ, người thân của họ và cả những người cùng làng xóm phải “liên đới trách nhiệm”, chia sẻ chịu đựng mọi cực hình. Vì xót thương cha, mẹ, vợ, con, họ hàng, làng xóm, họ buộc phải ra trình diện, nộp thân, phó mặc cho may rủi trước bom đạn của chiến tranh. Những tội ác ghê tởm của bọn thực dân không bị buộc tội trước tòa án, không những thế lại còn được coi là có thành tích, được vinh dự thưởng công lao bằng thăng chức, tặng huân chương.

Những người dân bản xứ khốn khổ ở Tơripôli thuộc nước Libăng, thuộc địa của đế quốc Ý, vì không

chịu nổi ách áp bức, đã liều mạng đưa gia súc gầy còm theo người bí mật vượt biên giới sang Tuynidi di cư để mong tìm con đường thoát. Quân đội biên phòng Pháp xả súng bắn chặn họ lại, mặc dầu chỉ là những người già, phụ nữ, trẻ em. Nguyễn Ái Quốc dẫn bài của bà Clerơ Giêniô đăng trên báo *Universel* với những dòng chữ thấm đượm những giọt nước mắt nhân ái như sau:

“Những sĩ quan của chúng ta dùng ống nhòm để theo dõi cái chết ngắc ngoải dân mòn của những con người sơ khai ấy, những con người mà các nước latinh đã đem những ân huệ của văn minh lại cho họ. Những trẻ thơ chết trước tiên, dưới bầu sữa đã cạn của mẹ chúng. Chẳng bao lâu những người đàn bà cũng gục xuống. Rồi đến lượt những người già lão, thân hình đã gãy rạc như những bộ xương, bị cát phủ kín. Sau thì cả đàn ông cũng chết nốt. Khi người ta tưởng rằng tất cả đoàn “người nổi loạn” đó đã chết cả rồi, thì bác sĩ Natan và bác sĩ Côngxây nhận thấy vài em bé gái hình như hãy còn động đậy bên cạnh những cái xác của cha mẹ chúng đã chết cứng. Đêm đến, hai bác sĩ đến gần các em thì nhận thấy quả thật những em bé mặc quần áo sặc sỡ và đáng yêu đó, những ngày đầu vô tư lự vẫn còn nháy nhót vui tươi, lúc đó chỉ còn thở thoi thóp. Sau khi giấu những em

bé đó vào trong xe cứu thương, hai ông rất sung sướng đã cứu cho em sống lại, và xúc cảm trước nỗi đau khổ cô cút và vẻ đáng yêu của các em, hai bác sĩ đã giữ những em gái nhỏ đó lại để giúp việc cho mình - đó là những kẻ sống sót duy nhất trong đoàn hơn một nghìn người dân Toripôli”⁽¹⁾.

Bức tranh hiện thực hết sức sinh động của một nhà báo không phải cách mạng đầy lòng thương người này có sức tố cáo mãnh liệt tội ác của quân đội Pháp ở biên giới Libăng - Tuynidi. Đó cũng là biểu hiện hành động man rợ chung của quân đội Pháp (nói rộng ra là của quân đội bất cứ đế quốc nào) ở mọi thuộc địa, ở biên cương cũng như ở nội địa. Đồng thời, bài báo cũng hết sức ca ngợi tấm lòng bao dung rất đáng quý của hai bác sĩ Pháp đã dũng cảm, bí mật cứu được hai em bé bản xứ còn sống sót bên cạnh những người thân đã gục trước làn đạn quân thù.

Nói về tội ác giết hại người bản xứ, Nguyễn Ái Quốc viết: “Cônggô thuộc Pháp năm 1894 có 20.000 dân, thế mà đến 1911 chỉ còn có 9.700 người (...). Trong một vùng khác với 4 vạn dân da đen, chỉ trong hai năm đã có 2 vạn người bị giết; nửa năm sau 6.000 người nữa lại bị giết và bị thương tật.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.250.

Những vùng ven sông trù phú và đông đúc dân cư, chỉ sau 15 năm đã biến thành những miền hoang vu. Những mảnh xương tàn đã rải rác trắng khắp các ốc đảo và làng mạc bị tàn phá”⁽¹⁾.

Số phận người dân châu Phi trong tay đế quốc Bỉ hay đế quốc Đức không khác gì đế quốc Pháp. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết: “ở Congo thuộc Bỉ, năm 1891 dân số là 25 triệu người thế mà đến năm 1911 chỉ còn 8,5 triệu. Những bộ lạc Hererô và Cama ở thuộc địa cũ của Đức tại châu Phi đã hoàn toàn bị tiêu diệt, 8 vạn người bị giết trong thời gian Đức chiếm đóng và 15.000 người bị giết trong thời kỳ “bình định” năm 1914”⁽²⁾.

“Thống chế Liôtây, Toàn quyền Maroc, Tổng Chỉ huy quân đội TOM đã cầm súng đạn nổ có hơi ngạt và hơi làm chảy nước mắt “bởi vì... Nhưng chúng ta hãy trích dẫn lời tạp chí đó: “Bởi vì mục đích nhằm đạt tới dĩ nhiên không phải là *giết cho được nhiều người phiến loạn*, mà là *nhANH chóng* làm cho họ phải phục tùng”⁽³⁾.

Trong bài *Công cuộc khai hóa giết người*, Nguyễn Ái Quốc viết: “Từ ngày người da trắng đặt chân lên bờ biển lục địa của người da đen thì lục địa đó không

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.288.

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.271.

lúc nào là không đả máu. Ở đó, những cuộc tàn sát hàng loạt được Giáo hội cầu chúc phúc lành, được bọn vua chúa và nghị viện phê chuẩn một cách hợp pháp, được bọn buôn người da đen đủ mọi hạng - từ bọn buôn nô lệ xưa kia, cho đến bọn quan cai trị ngày nay ở thuộc địa - chăm chú thi hành.

(...)

BỌN BUÔN NGƯỜI DA ĐEN

Năm 1824, một chiếc tàu buôn người da đen vừa lấy những người da đen từ bờ biển châu Phi để đưa tới Ăngtiơ, thì bị một tuần dương hạm đuổi theo. Trong khi đuổi theo, người ta thấy có nhiều chiếc thùng trôi lềnh bềnh gần tuần dương hạm. Người ta tưởng rằng chiếc tàu buôn người da đen đã vứt bỏ những thùng nước xuống cho nhẹ bớt để dễ chạy trốn. Nhưng khi đã cập sát được chiếc tàu rồi, thì người ta nghe thấy tiếng rên rĩ trong một chiếc thùng để trên boong tàu: mở ra thì thấy hai người đàn bà da đen gần bị chết ngạt. Té ra chiếc tàu buôn người da đen đã nghĩ được cách đó để cho nhẹ bớt tàu.

Một chiếc tàu Anh cứu được một chiếc tàu buôn người da đen bị đắm. Người ta cứu cả những người da đen lẫn thủy thủ trên tàu. Nhưng đến khi thấy thiếu lương thực, người ta liền quyết định hy sinh những người da đen. Người ta bắt họ sắp hàng trên

boong tàu, rồi dùng hai khẩu súng lớn bắn họ một cách không thương xót gì cả.

TÌNH CẢNH CỦA NHỮNG NGƯỜI NÔ LỆ

Những người da đen bị bắt đều bị buộc cổ, buộc tay, buộc chân với nhau, thành từng đôi một. Rồi người ta lại dùng một cái xích dài buộc thành từng chuỗi 20 hay 30 người một. Trói như thế rồi, người ta dong họ ra tận bến tàu. Người ta nhét họ chồng chất vào trong hầm tàu chật chội, tối om và ngột thở. Để “bảo đảm vệ sinh”, người ta dùng roi quật họ tới tấp như mưa để bắt họ phải nhảy nháo lên mỗi ngày vài lần. Để hông được rộng chỗ, thường thường là, đàn ông bóp cổ lẫn nhau, và đàn bà thì dùng đinh đâm thủng trán những chị bên cạnh. Những người ốm bị coi là hàng hóa đã hư hỏng không bán được, bị quăng xuống biển. Khi biển động, người ta ném người da đen xuống biển để cho nhẹ tàu. Nói chung khi tàu cập bến thì một phần tư chuyến hàng da đen đã chết gục vì bệnh truyền nhiễm hay chết ngạt. Những người nô lệ còn sống sót bị đem đóng dấu và đánh số bằng sắt nung đỏ như súc vật vậy, người ta đếm họ bằng tấn, bằng “kiện” chứ không phải bằng đầu người. Thí dụ như Công ty Bồ Đào Nha ở Ghinê, năm 1700 đã ký một hợp đồng là sẽ cung cấp 11.000 “tấn” người da đen.

Hơn 15 triệu người da đen bị chở sang Mỹ trong những điều kiện như vậy, độ 3 triệu đã chết dọc đường hay bị ném xuống biển. Còn những kẻ vì chống cự hay nổi loạn mà bị giết thì không kể... Lối buôn bán nhơ nhuốc đó chấm dứt vào khoảng năm 1850 để nhường chỗ cho một hình thức nô lệ khác phổ biến hơn là: chế độ thực dân.

CHẾ ĐỘ THỰC DÂN

Những hiện tượng tàn khốc mà chúng tôi sắp kể ra đây, nếu không phải là đã được chứng minh bằng những tài liệu không thể chối cãi được, nếu không phải chính những người châu Âu kể lại, thì người ta khó mà tin được⁽¹⁾.

Tiếp theo phần trên, tác giả đưa ra những dẫn chứng cụ thể về tội ác của bọn thực dân Pháp, Ý, Bỉ ở các thuộc địa vùng Đông Phi giết người da đen vô cùng man rợ và thu được những món tiền khổng lồ nhờ buôn bán rô lệ.

Những sự việc có thực trên đây được Nguyễn Ái Quốc công bố lên mặt báo, phơi bày trước dư luận thế giới, trước hết là với công chúng Pháp, toát ra một tư tưởng cơ bản: bản chất của chủ nghĩa thực dân là thô bạo, tàn nhẫn; luật pháp của bọn thực dân là độc đoán, chỉ nhằm mục đích bênh vực bọn ăn cướp da

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, tr.321-324.

trắng một cách hết sức trắng trợn và quy định những điều cực kỳ vô lý, khắc nghiệt để làm tiêu mòn các dân tộc thuộc địa.

Khi chiến tranh, cần dùng xương máu của thanh niên Tuynidi làm mồi cho súng đạn, bảo vệ lợi ích của chủ nghĩa đế quốc Pháp, “người Tuynidi được vuốt ve và trù mến. Người ta đã ca ngợi rất là thắm thiết tình anh em ruột thịt giữa Pháp và Tuynidi, mối tình ruột thịt đã đời đời gắn chặt vào trong xương máu và quang vinh. Người ta đã thực hành cả một chế độ kiểm duyệt để cấm báo chí dù thế nào cũng không được làm phật ý người bản xứ”.⁽¹⁾ Đó là cách đối xử của “văn minh” thực dân với mọi thuộc địa trong thời kỳ chiến tranh một cách quy hóa như thế!

Nhưng khi hòa bình lập lại, những phát súng, ngọn đèn thay cho các hành động mị dân, mơn trớn. Những hành vi vô nhân đạo lại hoành hành công khai, trắng trợn khắp nơi. Chỉ vì cho cừu vào ăn cỏ ở vườn cây ôliu của một tên chủ thực dân mà ba người Tuynidi bị hạ bằng ba phát đạn. Nghi lấy vài chùm nho mà bị tên thực dân chủ nhà hành hạ đến gần chết, phải đưa đi bệnh viện cứu chữa.

Báo *L'Humanité*, số ra ngày 13-9-1922, cho biết: ở Mađagátxca vẫn còn chế độ kiểm duyệt thư từ

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.119.

ngghiêm khắc, mặc dù bốn năm đã qua, sau “cuộc chiến tranh vì công lý” tức là bốn năm sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Thực ra, viết về Mađagátxca là thế, mà viết về tất cả các thuộc địa khác cũng đều là thế cả. Nguyễn Ái Quốc kết luận bài báo của mình: “Như thế là người bản xứ bị giết chóc, cướp phá và không được hưởng những quyền sơ đẳng nhất: cả đến quyền thư tín. Sự vi phạm tự do cá nhân này chứng minh thêm chính sách đê tiện của bọn mật thám và chính sách lạm quyền đang thống trị ở những thuộc địa chúng ta”⁽¹⁾.

Đầu độc dân bản xứ là một thủ đoạn cực kỳ nham hiểm, để làm tiêu mòn dần nòi giống cả về thể xác và tinh thần, cùng với chính sách ngu dân. Đế quốc Pháp cho lập ở thành phố Cadablăngca (Marốc) năm 1907, 6 quán rượu; năm 1913 lên 161 quán rượu. Các bệnh tật hiểm nghèo gây thoái hóa nòi giống và tử vong cũng phát triển nhanh chóng tương ứng như quán rượu⁽²⁾.

“Liôtây đã cố lý để cho rằng rượu cồn, thuốc phiện và nhà thổ (những tiệm rượu và nhà thổ ở Marốc cứ 5 năm lại tăng 280%) có giá trị “khai hoá” nhiều hơn và có ích cho sự nghiệp thực dân nhiều hơn là bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Công dân quyền

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.110, 258.

nhật nhẽo như vậy”⁽¹⁾. Đây là một sự liên hệ đầy mỉa mai về chế độ tư bản chủ nghĩa thống trị thuộc địa bôn nhọ Tuyên ngôn Nhân quyền và Công dân quyền của cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789 đã đi vào lịch sử văn minh thế giới như những trang bất hủ.

Giáo hội đã từng đóng vai trò mở đường cho chủ nghĩa thực dân xâm lược thuộc địa trong lịch sử. Nguyễn Ái Quốc viết: “Chúa đầy lòng nhân ái và toàn năng. Là đấng sáng thế tối cao, Người đã nặn ra một chủng tộc gọi là thượng đẳng để đặt lên lưng một chủng tộc gọi là hạ đẳng cũng do Người nặn ra. Bởi vậy, mọi đoàn đi khai hóa - dù đến Ăngti, Mađagátxca, Tahiti hay là Đông Dương-cũng đều có móc theo một đoàn gọi là đoàn truyền giáo”⁽²⁾.

Bọn giáo sĩ gia danh đo thực tế là những kẻ làm gián điệp, ăn cắp bí mật quân sự, vẽ bản đồ địa thế nộp cho quân đội viễn chinh, làm thông ngôn và chỉ điểm cho quân đội đánh phá những làng không chịu khuất phục chúng. Sau khi đã chinh phục được lãnh thổ nước ngoài rồi, giáo hội lại trở thành công cụ tinh thần cho sự áp bức thực dân, thực hiện chính sách ngu dân đối với dân tộc nô dịch.

Nguyễn Ái Quốc trích dẫn từ cuốn *Sự khai thác các thuộc địa của Pháp* của Bộ trưởng Thuộc địa A.

^{(1), (2)} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.330.

Xarô để nói lên sự áp bức về văn hóa của đế quốc Pháp ở châu Phi:

	Dân số	Trường học	Học sinh
Tây Phi thuộc Pháp (AOF)	12.000.000	290	12.000
Châu Phi xích đạo thuộc Pháp (AEF)	5.000.000	100	4.000
Madagátxca	3.000.000	789	78.000
Xômalì	64.000	2	250
Đảo Rêuyniông	172.000	124	17.000

Như vậy, nơi thấp nhất là châu Phi xích đạo thuộc Pháp, cứ 50.000 dân có 1 trường học; còn các nước khác, trên dưới 30.000 dân có 1 trường học. Mỗi trường, ít thì có khoảng bốn chục học sinh, cao nhất là đảo Rêuyniông trên 130 người.

Tại Angiêri, từ suốt 94 năm qua - tức là sau 10 năm bị chiếm đóng - trong số 5.000.000 dân chỉ có 35.000 học sinh là được hưởng thụ một nền giáo dục nhỏ giọt, còn 695.000 trẻ em bản xứ phải chịu dốt nát. Dựa trên các số liệu do Chính phủ Pháp ban hành, Nguyễn Ái Quốc kết luận: “May mắn thay, tuy chúng ta thiếu trường học, nhưng nước Pháp đã ban cho chúng ta rất nhiều nhà thổ, tiệm hút thuốc phiện và ty rượu”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.314.

Tướng Galiêni quyết định: tiếng Pháp phải trở thành cơ sở của nền học vấn trong tất cả các trường trên đảo Mađagátxca, nhằm đẩy lùi và xóa bỏ nền văn hóa dân tộc. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, bọn thực dân ra lệnh cấm các trường ở Mađagátxca học lịch sử và địa lý có tính chất lật đổ.

Ngay những người dạy học trong các chủng viện nói toạc ra rằng việc dạy học cho người bản xứ không phải để mở mang trí tuệ cho họ, mà chỉ để biết phục tùng. Họ cho rằng mở mang trí tuệ cho người bản xứ là con đường nguy hiểm, vì có những vấn đề sẽ được đặt ra, những cái mới sẽ được tìm hiểu... để cho học sinh đó tiến nhanh đến trình độ phê phán thầy giáo và chế độ, đến nổi dậy và đòi tự do.

Ở Mađagátxca, ba phần tư số học sinh ở các trường công, một phần tư còn lại học ở trường tư. Ở các thuộc địa khác cũng có tình hình tương tự như vậy.

Báo chí xuất bản ở các thuộc địa bằng tiếng bản xứ phải xin phép, trước khi ra số nào phải kiểm duyệt bài rồi mới được in, và có thể dễ dàng bị cấm do một đạo nghị định của Toàn quyền ban hành, không cần xét xử gì trước tòa, vì không có luật báo chí. Thủ đoạn đối với báo chí như thế làm cho mọi sự tàn ác, tham nhũng, tội lỗi đều không được phơi bày trước công

luận. Trên báo chí chỉ có một tiếng nói của chính quyền thực dân và bọn bồi bút tay sai; không có tranh luận và ý kiến đối lập phê phán; không có sự thật và lẽ phải, chỉ có xuyên tạc, bóp méo sự thật và độc đoán ngự trị.

Lợi dụng luật báo chí tư sản về quyền tự do xuất bản và phát hành, những người yêu nước ở châu Phi đã cùng nhau ra báo chung ở Pháp, như tờ *Le Paria* của Hội Liên hiệp thuộc địa (cùng với những người cách mạng ở các lục địa và hải đảo khác ngoài châu Phi), tờ *Le Libéré* của những người tiến bộ và cách mạng Mađagátxca do Ralemonggô đứng đầu (bắt đầu ra mắt năm 1923). Cũng luật báo chí của Quốc hội Pháp cho phép xuất bản tự do ở các thuộc địa những tờ báo bằng tiếng Pháp, những người yêu nước ở Mađagátxca cho ra báo *Ère nouvelle* (1920), sau đó là *Action coloniale*; ở Angiêri cho ra tờ *La Lutte sociale*.

Cho tờ báo ra mắt công chúng có luật bảo vệ quyền tự do, nhưng điều khó khăn chủ yếu là duy trì cho tờ báo sống làm diễn đàn đấu tranh cho quyền lợi dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân. Chính quyền thực dân sẽ tìm mọi cách quấy rối, khiêu khích, phá hoại, nào là cản trở về tài chính, nào là bắt tù và trục xuất người biên tập, phóng viên để cho tờ báo mòn mỏi, rồi chết hẳn.

Áp bức, chia rẽ chủng tộc, thực hiện chính sách ngu dân và đầu độc người bản xứ của chủ nghĩa thực dân, bao giờ cũng đi song song và xen kẽ với triệt phá của cải, bóc lột kinh tế và phi kinh tế ở thuộc địa, để làm giàu cho giai cấp tư sản chính quốc, đem lại nghèo đói, cùng cực cho dân tộc bị áp bức.

Điều mỉa mai là khẩu hiệu của cách mạng tư sản Pháp: “Tự do, bình đẳng, bác ái” mà giai cấp tư sản lũng đoạn lớn tiếng tuyên truyền đã bị các chính sách vô nhân đạo của chúng xóa bỏ không thương tiếc và bôi nhọ ở khắp các thuộc địa.

“Cùng làm một việc trong cùng một xưởng, người thợ da trắng vẫn được trả lương hậu hơn nhiều so với bạn đồng nghiệp khác màu da.

Trong các công sở, những người bản xứ mặc dầu đã làm việc lâu năm và mặc dầu rất thành thạo công việc, vẫn chỉ lĩnh một khoản tiền công chết đói, trong khi một người da trắng mới được vào, làm công việc ít hơn, thì lại lĩnh lương bổng nhiều hơn”⁽¹⁾.

Ở đây, đứng trên lập trường của người cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đưa quan niệm bình đẳng của giai cấp tư sản Pháp khi còn giữ vai trò tiến bộ nhất định trong lịch sử - chứ chưa phải viện đến quan niệm bình đẳng của giai cấp vô sản cách mạng - để đấu tranh

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.75.

chống chính sách thuộc địa thực hiện bất bình đẳng, phân biệt chủng tộc. Đây cũng tuyệt nhiên không có ý gì kích động sự phản ứng của chủ nghĩa chủng tộc. Quan niệm bình đẳng giữa các chủng tộc thì ngay những người Pháp dân chủ, tiến bộ - tư sản chứ chưa phải cộng sản - đã từng bênh vực trên sách, báo và ở diễn đàn quốc tế. Tiêu biểu nhất cho tư tưởng tiến bộ này được viết thành sách là Pôn Êchiên Vinhê, bút danh là Pôn Vinhê Đốc tông (1854-1963) với tác phẩm *Vinh quang của lưỡi gươm* (La gloire du sabre) đã nói ở trên.

Thực ra, sự khinh miệt chủng tộc khác màu da là bản chất của chủ nghĩa thực dân gắn liền với sự xâm lược của chủ nghĩa tư bản ngay từ khi mới ra đời. Không phải chỉ những người lao động bản xứ bình thường mới bị phân biệt đối xử, mà ngay cả những người có học vị cao, những người trí thức thuộc địa đã qua trường đại học của Pháp cũng thế, mặc dầu họ đã gia nhập quốc tịch Pháp. Theo đạo luật ngày 25-3-1913 của Quốc hội Pháp quy định điều kiện người nước ngoài được chấp nhận vào quốc tịch Pháp hết sức hèn hạ (ngày nay đã sửa đổi). Vào quốc tịch Pháp trước kia là một sỉ nhục đối với người bản xứ có lòng tự tôn dân tộc, hay nói rộng ra, thiếu cả tính tự trọng của một con người có nhân cách.

Nguyễn Ái Quốc nhận xét: “Tuy đạo luật còn có thiếu sót, song cứ trung thực thi hành thì cũng còn khá; nhưng không, các ngài viên chức có kể gì luật pháp và, như những tên ngu xuẩn tò mò ưa xoi mói, chúng buộc những người xin nhập quốc tịch Pháp phải trả lời trên giấy các câu hỏi sau đây...”⁽¹⁾ với những nội dung hết sức hèn hạ, xấu xa, xúc phạm đến giá trị con người, và bình luận mỉa mai: “Chỉ còn thiếu điều mà các ngài ấy chưa hỏi: Vợ anh có cấm s... lên đầu anh không!”⁽²⁾.

Phân biệt chủng tộc trong quân đội Pháp cũng rất rõ: “Cùng một cấp bậc, những người da trắng gần như bao giờ cũng được xem là cấp trên của người bản xứ. Người sĩ quan bản xứ phải chào và tuân lệnh sĩ quan da trắng. Cái chế độ đẳng cấp phân biệt “nhân chủng - quân sự” ấy lại còn rõ rệt hơn nữa khi những người lính da trắng và lính khác màu da cùng đi chung trên một chuyến xe lửa hoặc tàu thủy. Ví dụ như việc mới nhất gần đây:

Hồi tháng năm, chiếc tàu *Ligié* chở 600 lính người Mangát từ Pháp sang Madagátxca. Các hạ sĩ quan người bản xứ thì chen chúc dưới hầm tàu, còn đồng nghiệp của họ, những hạ sĩ quan da trắng, thì được đường hoàng nằm trong các buồng dành riêng.

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1995, t.2, tr.86-87.

Hắn những người anh em khác màu da chúng ta, nóng sôi lên vì các nỗi súp-de nếu không phải vì lý tưởng và tỉnh dậy vì tiếng động âm âm của chân vịt quay hay vì tiếng gọi của lương tri, có thể suy nghĩ và hiểu rằng cái chủ nghĩa tư bản tốt đẹp kia vẫn coi họ và bao giờ cũng chỉ coi họ như những kẻ ô-lô malô-tô mà thôi”⁽¹⁾.

Đến trên vũ đài quyền Anh, Xiki, người Xê-nê-gan đã thắng Các-păng-chiê, người Pháp. Xiki liền nhận được lệnh treo giò trong chín tháng, không cho dự tất cả các võ đài nước Pháp vì một lý do hoàn toàn bịa đặt, sự thật là một người da đen được phép thắng một người da trắng, “tuy Các-păng-chiê không có lòng hằn thù, nhưng chủ nghĩa vị chủng của những người khác thì lại đem lòng hằn thù”⁽²⁾.

Trong chính sách phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa thực dân Anh giống chủ nghĩa thực dân Pháp như đúc. Dù Xiki là người Xê-nê-gan - là công dân Pháp, nhưng gốc là người dân thuộc địa của Pháp, nên Bộ trưởng Bộ Nội vụ Anh đã cấm cuộc đấu quyền Anh đã dự định từ trước giữa Giôe Bếch-kết với Xiki trên vũ đài ở Luân Đôn⁽³⁾.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.75-76.

^{(2), (3)} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.125.

Những việc buôn bán, hành hạ người da đen của bọn thực dân da trắng đã viết ở trên không chỉ đơn thuần là vấn đề kinh tế, kiếm lời, mà trong đó bao hàm cả chủ nghĩa chủng tộc được thương mại hóa.

Ở châu Phi xích đạo, một người châu Âu trói hai người bản xứ vào hai cái cọc, tưới dầu hoả lên người họ rồi đốt cháy. Tòa án xử người châu Âu kia án treo và nộp phạt 50 phrăng⁽¹⁾ chứng tỏ rằng “công lý” của chủ nghĩa thực dân ở thuộc địa là bảo vệ chủ nghĩa chủng tộc, là ủng hộ mọi hành động tiêu diệt người bản xứ dưới bất cứ hình thức nào, dù là man rợ nhất.

Việc xuất khẩu hàng từ các thuộc địa sang chính quốc hay đi các nước khác, các công ty tư bản phương Tây được ưu đãi về thuế quan để có điều kiện thuận lợi vơ vét của cải ở thuộc địa với giá rẻ mạt và bán ra kiếm những món lợi lớn. Ngược lại, hàng hóa do bọn nhà buôn da trắng đưa vào các thuộc địa nhiều khi là những thứ thừa ế, kém phẩm chất, thiết bị lạc hậu cũng được ưu đãi về thuế quan, đưa vào bán giá cao, buộc người tiêu dùng bản xứ phải gánh chịu cả về phần chi dùng cá nhân cũng như đóng góp cho ngân sách của chính quyền thuộc địa.

Bọn cướp nước từ châu Âu tới, dựa vào bọn địa chủ, bọn cho vay nặng lãi, một số thủ lĩnh bộ lạc, các

⁽¹⁾ *Le Paria*, số 11, ngày 1-2-1923.

bên câu kết với nhau cùng cướp bóc nông dân. Cả một bộ máy hành chính, quan lại, và các tầng lớp bóc lột liên minh với nhau chèn ép nông dân, làm cho họ không còn đường thoát. “Nếu thoát được ách này thì lại rơi vào tay bọn khác”⁽¹⁾. Chúng sử dụng khá linh hoạt các hình thức cướp bóc, tùy theo điều kiện và đối tượng cụ thể, nhằm làm giảm những phản ứng chống đối và bất bình đến mức thấp nhất để chiếm được nhiều đất đai và tiền lãi với mức cao nhất. Trong sự bóc lột giai cấp ấy, chứa đựng mọi yếu tố áp bức, bóc lột dân tộc và chủng tộc.



Nguyễn Ái Quốc viết về chính sách ăn cướp và bóc lột của đế quốc Pháp ở Angiêri, Tuynidi, Maroc như sau: “Tất cả những ruộng đất tốt và được tưới nước thì phải để cho bọn thực dân di cư tới chiếm. Dân bản xứ bị đuổi đi, họ phải tìm nơi nương tựa ở những vùng ven núi hay những nơi ruộng đất khó làm ăn. Các công ty tài chính, bọn đầu cơ và quan lại cao cấp chia nhau ruộng đất của các thuộc địa.

Do những hoạt động trực tiếp và gián tiếp, các ngân hàng Angiêri và Tuynidi năm 1914 đã thu được 12.258.000 phrăng tiền lời với số vốn là 25 triệu phrăng.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.257.

Ngân hàng Maroc với số vốn là 15.400.000 phrăng, năm 1921 đã thu được 1.753.000 phrăng tiền lời.

Công ty Pháp - Angiêri chiếm 324.000 héc-ta ruộng đất tốt nhất.

Tổng công ty Angiêri chiếm 10 vạn héc-ta.

(...)

Chính sách thực dân của Pháp đã thủ tiêu quyền chiếm hữu công cộng và thay thế bằng quyền chiếm hữu tư nhân. Nó cũng thủ tiêu quyền chiếm hữu nhỏ, làm lợi cho quyền chiếm hữu đồn điền lớn. Nó đã làm cho nông dân bản xứ mất hơn 5 triệu héc-ta ruộng đất tốt nhất.

Trong 15 năm, nông dân ở Cabili bị cướp mất 192.000ha.

Từ năm 1913, mỗi năm nông dân Maroc bị cướp mất 12.500 héc-ta ruộng đất cây cấy. Từ khi Pháp thắng trong cuộc chiến tranh “vì công lý”, con số đó tăng lên tới 14.540 ha”.

Hiện nay ở Maroc chỉ có 1.070 người Pháp mà chiếm tới 500.000 héc-ta ruộng đất.

Nỗi khổ cực của nông dân châu Phi cũng như nhân dân Việt Nam thật đáng sợ. Ngay giữa mùa gặt lúa, nông dân phải tranh nhau ăn với chó, bởi các đồng rác tìm thức ăn. Xin lưu ý: khi mùa màng đã

qua, những thân hình gờ xương của họ lại kéo lê trên các nẻo đường xin ăn.

Tình cảnh của nông dân Tây Phi và châu Phi xích đạo thuộc Pháp còn khủng khiếp hơn.

Người ta xuất cảnh nông dân và cưỡng bách họ làm việc trong các công ty đặc quyền. Cách thức tiến hành của chúng là như sau: chúng tổng giam người già, phụ nữ và trẻ em lại như những con dê trong chuồng. Những người đó bị quản thúc, bị ngược đãi, bị làm nhục, lại bị đói khát, thậm chí bị giết. Ở những khu vực nhất định, chúng luôn luôn giữ một số lượng người đủ để làm việc, ngăn cấm họ chạy trốn. “Ở Rêuyniông, Angiêri, Mađagátxca, v.v., người ta không trồng ngũ cốc nữa, mà lại phải trồng những thứ khác cần cho nền công nghiệp của Pháp. Những thứ này có lợi hơn cho chủ đồn điền. Điều đó làm cho đời sống ở thuộc địa rất đắt đỏ và luôn luôn xảy ra nạn đói”⁽¹⁾.

Phise viết bài “*Chế độ thực dân trên đồi Mécne*” đăng trong *La revue géographique du Maroc*, số 4, năm 1948 (tr. 126) là: năm 1912 bọn thực dân Pháp đã cướp của các bộ lạc trừ phú ở đây 115.000ha đất mầu mỡ trong tổng diện tích đất tốt nhất là 150.000ha, với các nguồn tưới cho nó, làm cho dân địa phương phải

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.285-289.

lang thang đi kiếm ăn nơi khác và lâm vào cảm túng đói. Các bộ lạc Arập như Mgiát, Oochitxæ, Giêman miền Bắc cũng chịu số phận tương tự như người dân trên đồi Mécne này, bị chiếm đến một nửa đất đai nguyên thủy của người Mgiát.

Trong cuốn sách của các nhà địa lý và lịch sử thực dân, các tác giả viết rằng bọn thực dân châu Âu sang các thuộc địa khai thác những đất đai còn hoang dã. Đó chỉ là sự lừa bịp. Sự thật là những vụ cướp đoạt trắng trợn đất đai của dân bản địa bằng xung đột vũ trang và đổ máu liên tục diễn ra.

Ở Mađagátxca, bọn thực dân Pháp phá hoại những vùng cao su ngay từ những năm mới đánh chiếm, vào cuối thế kỷ thứ XIX. Với 12 triệu hécta rừng có thể khai thác được trước khi bị thực dân Pháp cướp nước, chỉ trong vòng 5 năm, một phần ba diện tích đó, gần 4 triệu hécta bị phá hủy. Chừng 1 triệu hécta bị khai thác làm đường xe lửa Tamatavơ - Tananarivơ và đốt củi cho tàu chạy, khai thác những gỗ quý, còn lại thì đốt cháy để lấy đất trồng lương thực.

Trong những cuộc tranh cướp ruộng đất giữa bọn thực dân và nông dân bản xứ, thường xảy ra những xung đột đổ máu. Bọn kẻ cướp thực dân không ngần ngại gì mà không hy sinh ngay cả 800 lính da trắng

được coi trọng tính mạng hơn người lính da đen để cướp cho được 72.700ha ruộng đất ở Maroc⁽¹⁾.

Chủ nghĩa thực dân tiến công đập vỡ tập quán cổ truyền của người bản xứ để cướp bóc họ. Ở Bắc Phi, phần lớn đất đai là công hữu. Mỗi người nông dân được chia một phần đất và hưởng thụ toàn bộ sản phẩm thu hoạch trên mảnh đất đó. Trong nông thôn không có chuyện mua bán ruộng đất. “Chỉ riêng ở Angiêri và Tuynidi, chế độ thuộc địa chính thức đã lấy cắp của nông dân bản xứ khoảng: 1 triệu 600 nghìn héc-ta đất nguyên của nông dân sử dụng, 2 triệu 700 nghìn héc-ta rừng công, 800 nghìn héc-ta đất công”.

“Nước Maroc mới bị chia cắt không lâu, đã bị cướp 545.000 héc-ta ruộng đất. Sự cướp đoạt những người bản xứ diễn ra nhanh đến chóng mặt và với những quy mô khủng khiếp.

Năm 1870, 500 nghìn héc-ta đất của dân thuộc địa bị tịch thu cùng một lúc. Từ năm 1895 đến 1910, 192 nghìn héc-ta đất của Angiêri chuyển sang tay người Pháp. Từ 1919 đến 1923, chế độ thuộc địa đã chiếm của dân Maroc 72.700ha”⁽²⁾.

Về thủ đoạn chiếm đoạt, bọn thực dân khéo sử dụng mảnh khoé xảo quyết kết hợp với vũ lực trắng trợn. Ở Angiêri, chúng dồn dân tới vùng núi, triển khai

^{(1), (2)} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.272, 254.

rồi chiếm đất. Ở Tuynidi, bọn thực dân mượn cơ dùng đất cho lợi ích công cộng, dựa vào tập quán của dân địa phương vốn có từ lâu đời để lấn chiếm. Ngay việc chuyển phần đất đai này cũng tùy từng trường hợp mà kết hợp cướp đoạt trắng trợn bằng một đạo nghị định với tập quán truyền thống. Có những công ty từ đầu những năm 20 của thế kỷ chúng ta đã chiếm đoạt tới 100.000ha⁽¹⁾ ở Angiêri. Những công ty hay chủ đồn điền cá nhân chiếm hàng vạn héc-ta và chục vạn héc-ta thì rất nhiều.

Những công ty hoặc cá nhân chiếm đất đai của dân bản xứ không phải chỉ để trực tiếp khai thác, mà còn cho thuê và mua đi bán lại để thu lãi nhiều hơn. Có khi bọn thực dân khai thác màu mỡ trên mặt đất trồng trọt. Có khi chúng mua đất để đào sâu tìm bới những mỏ quặng và các tài nguyên thiên nhiên quý báu, giá trị đáng gấp đến nghìn vạn lần số tiền bỏ ra mua đất. Bọn thực dân quả là có tài nghiên cứu khá sâu sắc, điểm rất đúng vào những địa bàn hết sức cơ động để dễ mở rộng và có điều kiện kiếm lợi nhuận không những nhiều mà còn nhanh chóng.

Những kẻ đi chiếm đoạt đất đai của dân bản xứ thật lắm hạng người: địa chủ, các công ty kinh doanh công nghiệp và thương nghiệp, nhà truyền giáo, viên

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1 tr.255.

chức nhà nước và luật sư. Luật sư có ưu thế hơn người, nắm vững các sắc lệnh và nghị định ban hành ở thuộc địa, phát hiện rất nhạy bén và tinh vi những nhược điểm trong quy ước đất đai của dân địa phương. Khi chạm nhau giữa người bị cướp và kẻ cướp, ra trước pháp luật, những người dân địa phương hiền lành, không biết chữ, chẳng hiểu luật lệ gì của nhà nước thường bị dồn vào chỗ đuối lý, chịu thất bại cay đắng, phải điểm chỉ thừa nhận sự vô lý trước mặt quan tòa. Các vị luật sư này không phải chỉ tranh cướp đất để cho hẳn trở thành địa chủ hay có cổ phần trong các công ty kinh doanh nào đó, mà còn phát huy tài năng nghề nghiệp chiếm đất cho người khác để lấy tiền. Nguyên Ai Quốc kể: “Một luật sư Pháp giao cho nhân viên của mình mua đất để làm tài sản riêng với giá 20 phrăng. Đất ấy nằm giữa habu công cộng. Biết rằng đất đai ở đó không có ranh giới rõ rệt, người phục vụ pháp luật của chúng gây ra những chuyện khó khăn và lôi cuốn những người nông dân vào quá trình kiện tụng rất tốn kém về phân định ranh giới. Đất đến nỗi những người nông dân nghèo cuối cùng phải bán lại đất của mình vì việc kiện tụng đã làm tốn 11.000 phrăng. Ông luật sư với sự giúp đỡ của 20 phrăng và một chút giả dối, trở thành người chủ cả một làng, và những người nông dân còn cảm thấy hạnh phúc, vì không bị đuổi khỏi

mảnh đất ấy và được để lại làm việc với tư cách là người nô lệ”⁽¹⁾.

Nhà truyền giáo thì lại phát huy ngón sở trường riêng của mình là đã có công đầu tìm đến những miền đất trù phú, có sự yểm trợ của các đội quân viễn chinh, kết hợp với bán kinh thánh và tượng thánh để chiếm đoạt đất đai của con chiên và những người nông dân chất phác kẻ cận nhà thờ.

Còn nhân danh bộ máy nhà nước, họ ban hành những sắc lệnh, nghị định nhằm hợp pháp hóa việc chiếm đất mới hay bảo vệ một khu vực đã cướp được từ trước. Ngày 1-1-1905, tướng Galiêni cho phép bọn thực dân Pháp chiếm 404.904 héc-ta đất trồng trọt, 235.620 héc-ta rừng ở Ma-dagát-xca. Ngày 28-9-1926, chính quyền thuộc địa Ma-dagát-xca ra sắc lệnh quy định Nhà nước có quyền sở hữu đối với mọi đất đai không sử dụng vào việc xây dựng, không có rào vây quanh, không đánh số hay nhượng lại.

Cứ theo đà của phương thức lấn chiếm như đã trình bày ở trên, ruộng đất của người bản xứ chuyển sang tay bọn thực dân nhanh chóng như sau: ở Maroc, năm 1922, Nhà nước thực dân chiếm chính thức 57.000 héc-ta; năm 1935 lên 840.000 héc-ta, trong đó Nhà nước chiếm 271.000 héc-ta và tư nhân 569.000

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr 256.

héc-ta; năm 1953 lên 1.017.000 héc-ta, trong đó Nhà nước chiếm 289.000 héc-ta và tư nhân 728.000 héc-ta. Ở Tuynidi, đến năm 1937, bọn thực dân ở các nước châu Âu sang khai thác, ngoài Pháp, có Ý và một số nước khác, 4.649 tên chiếm 724.701 héc-ta, bình quân chung mỗi tên là 155 héc-ta, trong đó, bình quân cho mỗi tên địa chủ Pháp là 286 héc-ta, mỗi tên địa chủ các nước châu Âu khác là 320 héc-ta. Đây là chưa kể những khu vực bị Nhà nước chiếm làm đất đai công cộng rất rộng và cũng không ngừng tăng lên. Ở Mađagátxca, đến năm 1951, bọn thực dân các nước chiếm 1.159.376 héc-ta đất nông nghiệp, 581.849 héc-ta đất rừng, chưa kể đất khai khoáng.

Trên đây là một số ví dụ chứng tỏ rằng đất đai ở các thuộc địa châu Phi đã bị bọn thực dân châu Âu chiếm đoạt với một diện tích không ngừng mở rộng.

Thuế trực thu và gián thu là những nguồn thu nhập rất quan trọng của nhà nước và của cả các công ty tư bản, bóc lột mồ hôi và xương máu của người bản xứ. Trong hòa bình, thuế má hàng năm tăng lên, cả về những khoản đã quy định từ trước, cũng như bày đặt thêm những điều khoản mới và thứ thuế mới. Trong những năm chiến tranh 1914-1918, các nước thuộc địa đều phải nộp thuế nặng hơn trước, phải “tình nguyện” mua công trái để chi phí cho quốc phòng

ngày một lớn, phải cung cấp nông sản, lâm sản cho chính phủ đưa về Pháp nhiều hơn, để đáp ứng nhu cầu của chiến tranh⁽¹⁾.

Rõ ràng thuộc địa là nguồn dự trữ chiến lược vô cùng quan trọng, là chỗ dựa chủ yếu cho chủ nghĩa thực dân không những về người, mà cả về của, để phục vụ cho cuộc đọ sức quyết liệt giữa những tên kẻ cướp thế giới. Hơn nữa, bóc lột thuộc địa với chính sách cực kỳ tàn bạo khéo kết hợp với các thủ đoạn mị dân lão luyện làm giảm sự phản ứng và chống đối của dân bản xứ hơn là tăng cường quá mức bóc lột giai cấp vô sản và nhân dân lao động chính quốc, dù là đã sử dụng mọi luật pháp thời chiến hết sức khắc nghiệt được tung ra để ngăn chặn.

Khi chiến tranh kết thúc, ngày càng có nhiều các công ty tư bản tài chính, công nghiệp, ngân hàng mở rộng đầu tư vào thuộc địa ở châu Phi hơn là ở các mảnh đất xa xôi bên châu Á hay châu Mỹ, không phải vận chuyển tốn kém nhiều mà khả năng khai thác rất lớn.

Về mặt dịch đối ngoại từ các thuộc địa sang chính quốc, Nguyễn Ái Quốc cho biết: riêng năm 1921, các nước châu Phi xích đạo thuộc Pháp xuất khẩu chỉ riêng cao su đã có giá trị là 14 triệu phrăng

⁽¹⁾ Xem A. Xarô: *Khai thác các thuộc địa của Pháp*, Paris, 1923, tr.46-50.

và nhập từ Pháp 1.698.787 phrăng lương thực, 1.732.336 phrăng rượu vang và rượu mạnh, 1.394.500 phrăng vải, 826.000 phrăng vật liệu và thiết bị⁽¹⁾. Xét về cán cân xuất nhập, ta thấy tính bằng tiền, xuất gấp 2,5 lần nhập. Xuất từ nước thuộc địa đi thì vừa làm giàu cho tư bản cai trị thuộc địa, vừa làm giàu cho các công ty tư bản chính quốc. Sự chênh lệch nghiêng về xuất không mang lại một chút lợi ích nào cho nhân dân thuộc địa, trái lại, chỉ làm cho của cải và sức lao động bị bòn rút nhiều hơn để cung ứng cho giai cấp tư sản. Về giá trị mặt hàng, càng thấy rõ cao su là nguyên liệu chiến lược chạy ra ngoài để mua về những thứ hàng thiết yếu cho đời sống và cả những thứ thừa thãi khó tiêu thụ từ chính quốc.

Một nhà trí thức nhân đạo, nhà văn có tên tuổi của Pháp, ông Vinhê Đốc tông tận mắt chứng kiến những hành động dã man của thực dân Pháp ở châu Phi, đã viết: “Sau khi cướp hết những ruộng đất màu mỡ, bọn cá mập Pháp đánh vào những ruộng đất cằn cỗi những thứ thuế vô lý gấp trăm lần thuế đất thời phong kiến”⁽²⁾.

Để tăng thuế ruộng và đất, chính quyền thực dân còn tăng diện tích giả bằng cách đặt ra rất tùy tiện

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.334.

⁽²⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.2, tr.74.

những đơn vị đo lường khác nhau trên từng địa phương, không có mẫu đo lường chuẩn nên sai biệt rất lớn, “có nơi tăng một phần mười hai, có nơi một phần ba, nơi không may nhất tăng đến hai phần ba”⁽¹⁾.

“Thuế má (ở Maroc) từ chỗ 109.449.000 phrăng hồi năm 1918, năm 1922 đã lên tới 171.953.000 phrăng. Trong số mấy trăm triệu thuế do người Maroc đã đổ mồ hôi ra đóng đó, thì 96.000.000, nghĩa là một phần ba, dùng để nuôi béo những người như Liôtây và đồng bọn (chỉ riêng những khoản chi phí cho Phủ Toàn quyền cũng đã lên tới 25.000.000)”⁽²⁾.

Nhà cầm quyền thấy rằng tăng thuế lên bao nhiêu, nhân dân vẫn “chịu nổi”, đóng góp đủ, chứng tỏ khả năng đóng góp chưa phải là cạn, còn có thể tiếp tục tăng lên hơn nữa. Chúng thừa hiểu, nhưng cố tình làm ngơ về việc mỗi khi mệnh lệnh tự tiện ban xuống thì các quan lại và nhân viên cấp dưới phải dùng mọi biện pháp dốt cho đủ mức và đúng thời hạn, kể cả dọa nạt, bắt giam, đánh đập cho đến tịch thu tài sản, vơ vét tận đáy hòm, không cần biết hậu quả sẽ dẫn tới đến đói khát, ốm đau hay liêu minh tự tử đi nữa.

Trong bài *Chủ nghĩa đế quốc, kẻ tiêu diệt nòi giống bản xứ*, Nguyễn Ái Quốc trích báo *Essor*

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.2. tr.274.

⁽²⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1. tr.330.

Colonial et Maritime Belge ra ngày 14-7-1927 như sau: “Nếu không có Congo... nước Bỉ sẽ ra sao... không một chân trời chính trị, không một hy vọng về kinh tế nào cả”. Nguyễn viết tiếp: “Thật vậy, nước Bỉ chỉ có Congo là thuộc địa. Nhưng nước Bỉ đã biết từ đó rút ra những món lợi đáng kể bằng cách phát triển kinh tế, kỹ nghệ và thương mại. Năm 1924, thương mại Bỉ ở Congo đạt 551 triệu phrăng. Năm 1925, lên tới 981 triệu phrăng”.

“Vì mạnh hơn nên đế quốc Pháp làm được nhiều hơn đế quốc Bỉ. Thương mại Pháp ở các thuộc địa năm 1927 - theo ông Phrăngxoa Mácsan - lên tới một con số lớn gấp bốn lần năm 1913. Nói đến con số đó chẳng phải là nói ngoa, vì công cuộc khai thác thuộc địa của Pháp mở rộng nhanh chóng từ năm này qua năm khác, như các con số sau đây cho thấy:

Thương mại riêng ở Tây Phi thuộc Pháp
(tính bằng triệu phrăng)

1921.....550

1922.....599

1923..... 917

1924.....1347

1925.....1912.

Thương mại riêng với các thuộc địa khác (trong 10 tháng đầu năm)

	1925	1926
Angiêri	3.153 triệu	4.804 triệu
Tuynidi	701 triệu	1.244 triệu
Marốc	825 triệu	1.270 triệu
Mađagátxca	471 triệu	372 triệu
Đông Dương	1.162 triệu	1.934 triệu
Các thuộc địa khác	1.152 triệu	1.300 triệu”
(...)		

Điều mà ai cũng biết là lao động khổ sai được thi hành ở tất cả các thuộc địa Pháp, Bỉ, Anh và những nước khác. Người Pháp gọi là “tạp dịch”, người Bỉ gọi là “lao động cưỡng bức”, người Anh gọi là “lao dịch, v.v..”.

Sau khi đưa ra những dữ kiện về lao động khổ sai, bệnh tật và chết một cách thảm hại của những người bản xứ ở các thuộc địa của các nước đế quốc chủ nghĩa, Nguyễn Ái Quốc dẫn lời của Hoàng tử Bỉ Lêôpôn, viết trong một bức thư của ông ta xác nhận một sự thật: “Ta chớ quên lịch sử của nhiều chế độ thực dân đã cho thấy rằng nhiều dân tộc bản xứ bị tiêu diệt hoàn toàn khi tiếp xúc với nền văn minh của người da trắng”.

Để kết luận bài báo, tác giả viết:

“Ta có thể kết luận rằng mọi chế độ thực dân đế quốc đều tiêu diệt hết các giống nòi bản xứ, và muốn

cứu vãn những nòi giống này, ta phải lật đổ chủ nghĩa đế quốc”⁽¹⁾.

Bị bóc lột cực kỳ dã man, nhân dân bản xứ kiệt sức vì đói và chết đói, làm cho bệnh tật phát sinh và phát triển ở khắp mọi nơi.

Cùng với sự áp bức về tinh thần và chính trị, bóc lột về kinh tế và đàn áp bằng lực lượng vũ trang của chủ nghĩa đế quốc, sự thù ghét chủng tộc hết sức tàn bạo làm cho các dân tộc ở các nước châu Phi muốn duy trì nòi giống, bảo vệ nền văn hóa của mình, tìm lấy chỗ đứng cho đúng với giá trị con người dưới ánh sáng mặt trời và sánh vai cùng các dân tộc khác, tiến lên theo kịp trào lưu văn minh của thế giới thì chỉ có một con đường tiên quyết là đấu tranh “lật đổ chủ nghĩa đế quốc” như Nguyễn Ái Quốc viết. Đó chính là chân lý của thời đại, là quan điểm của Lenin, là đường lối của Quốc tế Cộng sản.

III. Với châu Phi thức tỉnh

Nguyễn Ái Quốc rất quan tâm đến những cuộc đấu tranh của các nước châu Phi chống chủ nghĩa thực dân, tìm hiểu truyền thống của họ trong lịch sử, và nhất là đương thời, diễn ra trong tình hình mới sau Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, Nhà nước Xôviết đã

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.2, tr.337, 340.

thành lập, ở Pháp đã có Đảng Cộng sản - một phân bộ của Quốc tế Cộng sản, đưa vấn đề đấu tranh giải phóng dân tộc thuộc địa gắn với đấu tranh giải phóng giai cấp vô sản.

Những cuộc đấu tranh của nhân dân châu Phi được Nguyễn Ái Quốc chăm chú theo dõi qua các sách báo xuất bản ở Pháp và các thuộc địa, với những bức thư từ châu Phi gửi tới và những người bản xứ sống ở Pháp hiểu rõ sự việc cung cấp cho Người. Những nguồn thông tin đó được chọn lọc lấy một số tiêu biểu trong vô vàn sự việc, đưa lên báo *Le Paria*, *L'Humanité*, *La Vie ouvrière*, xuất bản ở Pháp, trên tập san thông tin của Quốc tế Cộng sản *Inprekorr*, trong các bài phát biểu, tham luận ở Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân (1923), Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản (1924), Đại hội lần thứ III Quốc tế Công hội đỏ (1924)... và chiếm một phần đáng kể những trang trong cuốn sách *Bản án chế độ thực dân Pháp* xuất bản lần đầu ở Pháp năm 1926, được gửi đến các thuộc địa của Pháp ở châu Phi.

Hun Kanrin là một giáo viên gốc Dahô-mây (là một người bạn chiến đấu thân thiết của Nguyễn Ái Quốc) gửi thư cho Núp-phô-la và Phuốc, Thống đốc xứ này, về chế độ chuyên chế mà họ đã thực hiện đối với người dân bản xứ cần được thay đổi, để cho người

dân dễ thở đôi chút. Chỉ có thể thôi, Hun Kanrin đã phải nhận lấy cái án 3 năm tù giam ở Côtônu từ tháng 12-1921 vì tội “vi phạm pháp luật”⁽¹⁾.

Một bức thư từ Poóctô Nôvô, thủ phủ Đahômây, đề ngày 17-2-1922 gửi cho báo *Le Paria* tố cáo việc tên R. Atteclly cầm đầu, tàn phá đất nước Đahômây, đã bắt tù Hun Kanrin. Để biểu thị thái độ ủng hộ Hun Kanrin, ở mỗi thành phố thành lập một ủy ban bảo vệ và vận động quyên góp tiền, mọi người tùy tâm để giúp đỡ anh.

Những cuộc khám xét được tiến hành ở Poóctô Nôvô trong những ngày 31-1 và 1-2-1922 do tên Công sứ Laribe cầm đầu, tên Cầm Phuốcniê có súng ngắn lăm lăm trong tay cùng với 30 tên lính có súng trường cắm lưỡi lê, bao vây những nhà ở của một số người có danh vọng ở đây. Bọn thực dân cũng đã làm như thế ở Côtônu và một số nơi khác ở Đahômây⁽²⁾.

Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp phản đối nhà cầm quyền thuộc địa xứ Rôbe Ludông, một kỹ sư người Pháp, đảng viên cộng sản, và En Cáp bán báo trước Tòa án tiểu hình Tuyni, thủ phủ Tuynidi, ngày 18-5-1922, ra lời kêu gọi mở một chiến dịch phản đối mạnh mẽ và rộng khắp ở cả nước Pháp và các thuộc địa chống lại nhà cầm quyền vi

(1), (2) *Le Paria*, số 1, ngày 1-4-1922.

phạm nhân quyền, mà chúng bịa đặt, vu cáo là “kích thích chủ nghĩa chủng tộc”. Nhưng chủ nghĩa chủng tộc nào? Chỉ với lý do: Ludông là người cộng sản tuyên truyền cho chủ nghĩa cộng sản và kết bạn thân thiết với En Cáp, người Arập.

Luật sư M. Clanhvin Blôngcua lên tiếng: “Với Ludông, En Cáp và Hun Kanrin bị thua trong cuộc đấu tranh ác liệt với chế độ thuộc địa, đã nêu cho chúng tôi một tấm gương cao quý”⁽¹⁾.

Cũng từ Poóctô Nôvô, Manuyen Xamitxi, Thư ký của Phân bộ ủy ban hành động Pháp - Hồi giáo (La Section du Comité d'Action Franco - Mulsuman à Porto Novo) viết thư cho viên thanh tra các thuộc địa đương làm nhiệm vụ ở Dahômây để can thiệp về vụ bắt 3 người trên, đề ngày 14-3-1922⁽²⁾.

G. Ralemônggô, năm 1921 từ Pháp trở về Mađagátxca hoạt động yêu nước. Toàn quyền Bácbi gặp Ralemônggô đe dọa nhằm ngăn chặn mọi hoạt động của ông. Ông không chịu, còn hăng hái tuyên truyền, giác ngộ nhân dân, viết báo đấu tranh và kêu gọi tổ chức vào ngày 21-10-1921 một cuộc họp lớn, nhân danh Liên đoàn Pháp đòi chấp nhận cho những người bản xứ ở Mađagátxca được quyền công dân

⁽¹⁾ *Le Paria*, số 1, ngày 1-4-1922.

⁽²⁾ *Le Paria*, số 4, ngày 1-7-1922.

Pháp (Ligue française pour l'accession des indigènes de Madagascar aux droits citoyens français), liền bị toàn quyền ra lệnh cấm và trục xuất ông khỏi đất nước thân yêu của mình, sang cư trú ở Mayô 5 năm với lý do: “Tên bản xứ này đã công bố những bài ký tên mình trên các báo xuất bản ở Pháp, đưa ra những sự việc không đúng về những người đứng đầu xứ thuộc địa”, ký ngày 5-7-1922. Hành động dũng cảm đấu tranh của Ralemônggô được báo *Le Paria* rất ca ngợi⁽¹⁾.

Tổ chức V.V.S ở Mađagátxca, qua bài của Phécnăng Gúttxoa đơ Turi đăng trên *Le Paria* số 7, ngày 1-11-1922 được giới thiệu rộng rãi cho dư luận Pháp và các nước biết đến tinh thần yêu nước của họ, đây là sự kiện “như vụ Drâphuyt... nhân lên 248 lần!”, được sự ủng hộ của những nhà trí thức lớn ở Pháp như Bécông, Sácơ Giơ... và cả một nhà tư sản có tiếng tên là Ghinôđô, Giám đốc một công ty điện lực lớn, Chủ tịch hội đồng thương mại Tananarivơ, Ủy viên hội đồng hành chính toàn quốc Mađagátxca lên tiếng phản đối việc tra điện 8 người bản xứ, bị bắt ra trước tòa sơ thẩm và bị phạt 16 phrăng⁽²⁾.

Báo *Le Paria* đăng những bức thư đòi tha những người bị bắt vô lý như thư của Ôni Belu, nhà buôn và

⁽¹⁾ *Le Paria*, số 6 bag 7, ngày 1-9 và 1-10-1922.

⁽²⁾ *Le Paria*, số 8, ngày 1-11-1922.

viên chức, gửi cho Tổng biện lý, Chánh án tòa án Tây Phi thuộc Pháp ở Đaca, nhân danh phân bộ Poóctô Nôvô của Liên đoàn nhân quyền và Ủy ban hành động Pháp - Hồi giáo phản đối những vụ khủng bố Hun Kanrin, bản thân ông và các bạn của ông do tên Phuarê cầm đầu. Belu bị đưa ra Tòa án tiểu hình, phạt theo Điều 186 Luật Hình, 1 năm tù và 3.000 phrăng. Báo còn đăng những bức thư của các gia đình nạn nhân ở Poóctô Nôvô đề ngày 7-1-1923 gửi cho các quan lại, viên chức của thực dân ở Tây Phi thuộc Pháp: Tổng biện lý, Chánh án, Toàn quyền và Tổng chỉ huy quân đội ở Đaca, về con em mình bị bắt đi lính từ năm 1914, khi chiến tranh bùng nổ, chiến đấu trong tiểu đoàn 35 đang bị cầm tù, người ít nhất là 3 năm, người nhiều nhất là 5 năm tù và 5 năm biệt xứ. Tuy Luật Ân xá ban hành từ ngày 29-4-1921, nhưng hiện vẫn tù ở Côtônu, cần phải được thả ngay không điều kiện.

Ngày 17-2-1923, tên Phuôcnơ, Thông đốc Đahômây đi chơi ở Nuphla, đã ra lệnh cho tên Công sứ Maria, Cẩm Phuarê, những tên lính và cảnh sát bắt giam và bắn bị thương nhiều người bản xứ ở Poóctô Nôvô, vì họ hội họp bàn việc yêu cầu chính phủ bỏ bớt thuế và giảm bớt các thứ thuế quá nặng nề, vượt xa sức gánh chịu của nhân dân. Đó là nguyên nhân làm hủy hoại

xứ sở, làm cho người bản xứ phải di cư đi Nigieria thuộc Anh, ở đây không có những khoản đóng góp tương tự như ở đây.

Những người bản xứ tay không có vũ khí đối đầu với sự đàn áp bằng vũ lực tàn khốc. Têôphin gửi đến đây một bức điện và 100 phrăng để giúp đỡ những nạn nhân vô tội, qua Trạng sư Cácpô ở Đaca chuyển đến, vào sổ số 364, ngày 2-3-1923 chuyển. Ngày 5-3-1923, Têôphin bị bắt vì đã phạm tội “tố cáo Thống đốc Phuộc”, bị giam ở Côtônú và ngày 9-3 bị đưa ra tòa xét xử.

Đahômây với số dân chưa đến 2 triệu người, là một xứ thuộc về Tây Phi thuộc Pháp có nhiều cuộc đấu tranh và khởi nghĩa vũ trang vang dội. Năm 1915, nhân dân nhiều tỉnh ở đây đứng lên chống thực dân Pháp. Sau đó, tổ chức “Đahômây trẻ tuổi” được thành lập, bao gồm những thanh niên trí thức do Gan Carun đứng đầu. Họ nêu cao khẩu hiệu đấu tranh đòi độc lập, được các tầng lớp nhân dân đồng tình. Nguyễn Ái Quốc viết: “Ngày 12-2-1923 ngày hôm sau, khi ông Hăngri Misen, đại biểu của Hội đồng thuộc địa tối cao đi khỏi - một làn sóng kích động đột nhiên bao trùm toàn dân thành phố Poóctô Nôvô; bắt đầu những cuộc biểu tình kèm theo những cuộc bãi công của công nhân bản xứ làm việc trong các công trường xây dựng của thành phố.

Ngày 18-2, những người biểu tình tổ chức một cuộc họp toàn thể. Cảnh sát đã giải tán họ và bắt đi 10 công nhân.

Cuộc chiến bắt đầu. Những nhóm công nhân có nhiều người dân bản xứ tham gia đã chiếm các chốt gác ở xung quanh Poóctô Nôvô và đuổi hết cảnh sát khỏi các chốt gác ấy. Sau đó đã xảy ra cuộc đụng độ đầu tiên giữa những người lao động với lính bộ binh do viên sĩ quan cai trị - ông Sátxéclô, cấp tốc phái đến. Quân đội nổ súng. Nhưng những người đình công cũng đã được vũ trang. Họ đã bắn trả. Trên mặt đất còn lại năm người chết: 1 viên cai và 4 người bản xứ.

Sự kích động tăng lên. Theo lệnh của ông Méclanh, Toàn quyền Tây Phi, tình trạng giới nghiêm được ban bố trong tất cả các khu ở Poóctô Nôvô. Ba trung đoàn lính bộ binh có súng máy và pháo dã chiến được đưa xuống tàu vận tải Tsát ở Đaca. Ngoài ra chiếc tàu tuần tiễu Cátxiôpê được đưa ngay lập tức đến Poóctô Nôvô. Cùng một lúc với việc điều động lực lượng quân đội, người ta tiến hành các cuộc bắt bớ.

“Mười người thủ xuống” trong đó có Ubeliu và Êchiên Têtê, bị bỏ tù. Những cuộc đàn áp tàn nhẫn diễn ra khắp nơi.

Người ta đã buộc công nhân Poóctô Nôvô trở lại làm việc bằng lừa lẻo và dùi cui. Nhưng làn sóng kích

động vẫn lan rộng ở nông thôn. Các báo thuộc địa, đặc biệt là tờ *Dépêche Coloniale* đòi thi hành ngay những hình phạt tàn khốc và chuyển vận mệnh của Đahômây sang cho những bàn tay cứng rắn hơn.

Chúng ta phải rút ra những kết luận nghiêm túc từ những sự kiện này, cụ thể là: trong các thuộc địa, công nhân đã bắt đầu hiểu thế nào là đấu tranh giai cấp⁽¹⁾.

Đúng như tác giả kết luận “trong các thuộc địa, công nhân đã bắt đầu hiểu thế nào là đấu tranh giai cấp”. Xin nói rõ thêm: công nhân hiểu đấu tranh giai cấp dưới khẩu hiệu gay gắt nhất là vũ trang bạo động, nổ súng vào quân địch, là những dấu hiệu mới của lực lượng tiên phong trong đấu tranh giải phóng dân tộc ở thuộc địa đứng vào vị trí chiến đấu của mình, lôi cuốn “toàn dân thành phố Poóctô Nôvô” hưởng ứng. Tuy có vũ khí trong tay, nhưng những chiến sĩ của giai cấp công nhân chỉ dùng đến khi đối phương đã bắn vào họ. Lúc đầu họ biểu tình hòa bình, nhưng đã bị giải tán bằng vũ lực của cảnh sát và bị bắt đi 10 người. Ngay khi công nhân dùng sức mạnh của mình chiếm các bất gác ở xung quanh Poóctô Nôvô, cũng chỉ đuổi cảnh sát đi, chứ không muốn gây đổ máu.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.170.

Từ thành phố Poóctô Nôvô, làn sóng công phần “lan rộng ở nông thôn”, hình thành tự nhiên quan hệ liên minh công nhân và nông dân trong cuộc chiến đấu chung chống chủ nghĩa thực dân.

Bọn thực dân không từ một thủ đoạn dã man, tàn bạo nào, tăng cường quân đội, bổ sung các loại vũ khí tinh xảo, ra lệnh giới nghiêm, bắn giết và bỏ tù hàng loạt... nhưng không thể dập tắt được lòng công phần của nhân dân Đahômây.

Nguyễn Ái Quốc cũng như những người cộng sản khác, không khuyến khích khởi nghĩa vũ trang bùng nổ trong bất kỳ điều kiện nào như một sự tự phát, một hành động phiêu lưu và chờ đợi kết quả diễn ra một cách tự nó quy định, mà nhận thức khởi nghĩa là một khoa học và một nghệ thuật, phải có sự chuẩn bị chu đáo, tính đến mọi yếu tố khách quan và chủ quan bảo đảm cho nó diễn ra và giành được thắng lợi chắc chắn theo như quy luật của bản thân nó. Sự phần uất của quần chúng bị áp bức lên cao, không tự kiểm chế được, đã tự phát cầm vũ khí chiến đấu. Khi khả năng thất bại đã rõ, thái độ của người cộng sản không phải là thờ ơ, hay đổ trách nhiệm cho họ về những tổn thất do tội ác của địch gây ra, mà phải cổ vũ tinh thần chiến đấu của họ, ca ngợi hành động anh hùng của họ, từ đó rút ra những kết luận nghiêm túc, như

Nguyễn Ái Quốc đã làm đối với cuộc bạo động ở Đahômây, học tập thái độ khoa học, cách mạng của Mác-Ăngghen đối với những cuộc khởi nghĩa của công nhân Pháp năm 1848 và 1871.

Sau khi Nguyễn Ái Quốc đi Liên Xô, báo *Le Paria* tiếp tục con đường đã được người chủ nhiệm kiêm chủ bút đề ra từ đầu, phản ánh đều đặn, bình luận sắc sảo những cuộc đấu tranh diễn ra dưới mọi hình thức ở Đahômây, Maroc, Angiêri, Tuynidi... và cổ vũ họ dũng cảm tiến lên giải phóng đất nước giành độc lập dân tộc.

IV. Đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng các thuộc địa ở châu Phi

Cũng như mọi dân tộc bị áp bức khác, các dân tộc thuộc địa ở châu Phi có nguyện vọng tha thiết là được giải phóng, tự do. Họ đã từng đấu tranh liên tục, kiên trì, nhưng vẫn không thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, vì chưa tìm ra được con đường đi đúng đắn.

Đảng Xã hội Pháp đã có chi bộ của mình ở một số thành phố châu Phi, và đã cử đại biểu đi dự Đại hội lần thứ XVIII của Đảng ở Tua. Những chi bộ Đảng Xã hội Pháp ở châu Phi đã xuất bản báo làm cơ quan ngôn luận của mình như: báo *Demain* của Đảng bộ

Angiê, ra số 1, ngày 26-4-1919, đến tháng 3-1921 đổi thành *La lutte sociale* của Chi bộ cộng sản Angiê. *Demain* của Chi bộ Đảng Xã hội Côngxtăngtin... Các đảng bộ xã hội chuyển thành đảng bộ cộng sản ở đây và cơ quan ngôn luận của họ, đều còn non trẻ, thiếu lý luận, ít kinh nghiệm và nhất là còn nhiều nhận thức mơ hồ về vấn đề dân tộc và thuộc địa, không phù hợp với quan điểm của Quốc tế Cộng sản và Lênin, với sự chỉ đạo từ Trung ương xuống trong những năm đầu Đảng Cộng sản Pháp mới thành lập.

Nguyễn Ái Quốc khi còn là chiến sĩ yêu nước bắt đầu tiếp cận con đường của Lênin, của Quốc tế thứ ba qua *Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa*, đã thấy rằng sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc mình phải gắn liền với các dân tộc bị áp bức khác, trước hết là với các dân tộc thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc Pháp.

Là một đảng viên của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc viết: “Từ khi Đảng Cộng sản Pháp đã thừa nhận 21 điều kiện của Mátxcova và gia nhập Quốc tế thứ ba, Đảng đã tự đặt cho mình một nhiệm vụ đặc biệt khó khăn trong số các nhiệm vụ khác: chính sách thuộc địa. Đảng không thể thỏa mãn với những bản tuyên ngôn chỉ thuần là bằng tình cảm và không có kết quả gì như thời Quốc tế thứ nhất và

Quốc tế thứ hai nữa, mà cần phải có một kế hoạch hoạt động chính xác, một chính sách có hiệu quả và thiết thực. Trong vấn đề này, Đảng gặp nhiều khó khăn hơn mọi vấn đề khác...”⁽¹⁾.

Nguyễn Ái Quốc phê bình thái độ thờ ơ, quan niệm không đầy đủ về vấn đề thuộc địa ngay trong hàng ngũ Đảng Cộng sản, tách rời tình cảm đơn thuần với hoạt động cách mạng thiết thực để mang lại những hiệu quả rõ ràng có ích.

Nhận thức rõ những khó khăn trong vấn đề thuộc địa về các mặt diện tích rộng lớn, nhiều chủng tộc có nhiều ngôn ngữ khác nhau; trình độ phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa không đều nhau; những thành kiến chủng tộc nằm ngay trong ý thức giai cấp vô sản do chủ nghĩa tư bản tạo ra và khơi sâu, do chia rẽ giai cấp vô sản chính quốc với giai cấp vô sản thuộc địa và các dân tộc bị chủ nghĩa tư bản Pháp áp bức... Nguyễn Ái Quốc đặt vấn đề: “Trước những khó khăn ấy, Đảng phải làm gì?” và Người tự trả lời: “Tăng cường công tác tuyên truyền của Đảng để khắc phục”⁽²⁾.

Tuyên truyền trong nội bộ Đảng Cộng sản và trong giai cấp vô sản Pháp, trước hết để quán triệt tư tưởng cách mạng triệt để của Lênin trong vấn đề thuộc địa, kết hợp chuyển biến về nhận thức tư tưởng

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, tr.62, 64.

với đề ra chính sách cụ thể và tổ chức hoạt động thực tiễn trên tất cả các địa bàn đấu tranh ở chính quốc cũng như ở thuộc địa, trong các giai cấp và tầng lớp xã hội, kể cả binh sĩ.

Như chúng ta đã biết, chủ nghĩa cộng sản khoa học là ngọn cờ giải phóng của các dân tộc bị áp bức, và trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, các dân tộc thuộc địa có khả năng tiếp thu con đường giải phóng của chủ nghĩa cộng sản khoa học vạch ra. Tuy vậy, chủ nghĩa cộng sản khoa học bao hàm những nguyên lý chung phải được vận dụng cụ thể vào thực tiễn thông qua hoạt động cách mạng sáng tạo của các đảng cộng sản. Các thuộc địa của đế quốc Pháp ở châu Phi vào những năm 20 chưa có tổ chức cộng sản - trừ Angiêri⁽¹⁾, Tuynidi - thì nhiệm vụ của Đảng Cộng sản Pháp là phải hoạt động tích cực trong nhân dân các dân tộc và chủng tộc ở đây, làm cho họ hiểu được sức mạnh của bản thân họ trong sự tự đoàn kết lại và liên minh với giai cấp vô sản Pháp để cùng đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp.

Nguyễn Ái Quốc luôn luôn gắn chặt hoạt động lý luận với thực tiễn, tuyên truyền với tổ chức, sau khi

⁽¹⁾ Angiêri, ở đây tôi muốn nói chung cả ba đảng bộ trên đất nước này: Angiê, Ôrăng, Côngxtăngtin.

đã giác ngộ phải hành động và qua hoạt động thực tiễn mà nâng cao giác ngộ. Tại Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân (10-1923), sau khi trình bày tình cảnh cực khổ của “nông dân trong các thuộc địa của Pháp bị hai tầng áp bức bóc lột như giai cấp vô sản và như những người nô lệ bị mất nước”, Nguyễn Ái Quốc nói: “Thưa các đồng chí, khi các đồng chí được tổ chức lại, các đồng chí cần phải nêu gương cho chúng tôi, giúp đỡ chúng tôi và dang rộng cánh tay đón chúng tôi để chúng tôi có thể bước vào đại gia đình vô sản quốc tế”⁽¹⁾. Đi từ sự liên minh của giai cấp vô sản Pháp với các dân tộc bị chủ nghĩa đế quốc Pháp áp bức, bóc lột, Nguyễn Ái Quốc với tư cách là đại diện cho nông dân các dân tộc thuộc địa của đế quốc Pháp, đã chỉ đường đưa các dân tộc đó “bước vào đại gia đình vô sản quốc tế”, nhân sức mạnh tổ chức và chiến đấu lên bội phần; mặt khác, Người nhắc nhở đại gia đình vô sản quốc tế có nhiệm vụ “giang rộng cánh tay đón những người bạn chiến đấu của mình vào hàng ngũ”, là những người nông dân ở các thuộc địa, ở châu Phi, đang hướng tới đó.

Trong phiên họp sau của Hội nghị Quốc tế Nông dân, Nguyễn Ái Quốc kết luận những lời phát biểu của

⁽¹⁾ *Biên bản Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân*, Mátxcova. 1924, tiếng Nga, tr.13.

mình bằng đoạn sau đây: “Quốc tế của chúng ta sẽ trở thành quốc tế chân chính chỉ trong trường hợp nếu trong quốc tế này có những người nông dân ở phương Đông tham gia, đặc biệt nông dân ở các nước thuộc địa, những người bị áp bức, bóc lột thậm tệ nhất”⁽¹⁾

Những suy nghĩ trên đây được diễn đạt theo tư tưởng của Lênin và khẩu hiệu chiến lược của Quốc tế Cộng sản: “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!”, trong đó nói đến vai trò nông dân ở các thuộc địa - lực lượng hết sức đông đảo, chiếm trên 90% dân số - ở Hội nghị Quốc tế Nông dân là điều rất có ý nghĩa. Nguyễn Ái Quốc tha thiết kêu gọi và lo lắng: “Người Bắc Phi sẽ biến khỏi mặt đất, nếu giai cấp vô sản giác ngộ không đến cứu họ khỏi nền “văn minh” quái vật”⁽²⁾.

Nói về Nghị quyết Đại hội lần thứ II Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc viết: “... nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa, được tiếng vang của cách mạng thức tỉnh, đã hướng theo bản năng của họ về Quốc tế của chúng ta, một chính đảng duy nhất mà họ hy vọng là sẽ quan tâm đến họ một cách thân thiết, mà họ hoàn toàn mong mỏi là sẽ mang lại cho họ sự giải phóng. Như vậy, chúng ta sẽ có thể không những

⁽¹⁾ *Biên bản Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân*, Sdd, tr.23.

⁽²⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.258.

đánh đổ uy thế của chủ nghĩa thực dân bóc lột và lay chuyển vị trí của chúng, mà còn có thể biến mỗi cảm tình thuần túy tình cảm và thụ động của các dân tộc thuộc địa đối với chúng ta thành mỗi cảm tình hành động, nếu những nghị quyết của Quốc tế được chấp hành”⁽¹⁾.

Đối với những sai lầm và nhược điểm đã qua, thái độ đúng của người cộng sản là biết rút ra những kinh nghiệm bổ ích để làm tốt việc sẽ tới “... thật là vô ích nếu buộc tội quá khứ và tiếc rẻ thì giờ đã mất. Tốt nhất là biết sử dụng tốt thì giờ trong tương lai. Vậy chúng tôi yêu cầu Đảng (tức là Đảng Cộng sản Pháp):

1...

2. mở lại mục viết về thuộc địa trong báo *L'Humanité*;

3. yêu cầu Ban nghiên cứu thuộc địa cung cấp tài liệu cho phân bộ thuộc địa và cứ hai hoặc ba tháng một, báo cáo công tác của mình với phân bộ;

4. ở những nơi đã thành lập phân bộ thuộc địa thì khuyến khích các phân bộ này tăng cường công tác tuyên truyền và tuyển thêm người bản xứ;

5. trên tất cả báo chí của Đảng, mở một mục viết về thuộc địa để làm cho độc giả làm quen với các vấn đề thuộc địa;

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.194.

6. nói đến các thuộc địa trong hết thảy các đại hội, mít tinh hoặc hội nghị của Đảng;

7. cử các nghị sĩ đi thăm các thuộc địa, mỗi khi nền tài chính của Đảng cho phép;

8. tổ chức những nghiệp đoàn hoặc thành lập các nhóm tương tự ở các thuộc địa”⁽¹⁾.

Sau khi biết ý định của chủ nghĩa tư bản đưa lính bản xứ ở các nước thuộc địa châu Phi cũng như các nơi khác đến đóng ở nước Pháp không phải dùng để khai hóa cho người Pháp, mà để sẵn sàng trấn áp những cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp. Những người lính da trắng không đủ tin cậy, không thể hoàn thành được nhiệm vụ của chủ nghĩa tư bản đưa ra, sau khi những người lính đó đã giác ngộ về giai cấp, Nguyễn Ái Quốc viết : “ Công nhân Pháp có nhiệm vụ phải hành động. Họ phải kết tình anh em với binh lính bản xứ. Họ phải làm cho binh lính bản xứ hiểu rằng cả công nhân ở chính quốc lẫn binh lính ở thuộc địa, đều cùng bị chung một bọn chủ áp bức và bóc lột, do đó, họ đều là anh em cùng một giai cấp và khi tới lúc phải chiến đấu, thì cả hai bên đều phải cùng đánh bọn chủ chung của mình, chứ anh em không nên đánh lẫn nhau”⁽²⁾.

(1). (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.196-197, 202.

Ở đây, Nguyễn Ái Quốc với tư cách là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, người chiến sĩ tiên phong của giai cấp công nhân Pháp, chỉ ra nhiệm vụ cho giai cấp công nhân chính quốc con đường hành động đúng đắn. Vấn đề liên minh giữa công nhân chính quốc với binh lính thuộc địa là một nhiệm vụ chiến lược. Nó đòi hỏi giai cấp công nhân Pháp phải đứng trên lập trường quốc tế chủ nghĩa, vượt qua thành kiến chủng tộc giữa da trắng và da màu, vượt qua sự khinh thị giữa dân tộc tự nhận là cao đẳng đối với dân tộc gọi là dã man do chủ nghĩa tư bản nhồi sọ. Giai cấp công nhân Pháp cũng đứng trên lập trường giai cấp công nhân sáng suốt để nhìn nhận những người lính da màu có vũ khí trong tay là công cụ của nhà nước để sẵn sàng trấn áp mình, về bản chất không phải là kẻ thù của họ. Đó là lợi khí trong tay giai cấp tư sản, chịu sự giáo dục sai lầm, nhồi sọ bởi chủ nghĩa sô vanh để hành động mù quáng vì lợi ích của giai cấp tư sản.

Mặt khác, với tư cách là người dân bản xứ, Nguyễn Ái Quốc cũng chỉ cho binh lính bản xứ hiểu một cách đúng đắn rằng kẻ thù của mình là giai cấp tư sản Pháp, không phải là người Pháp nói chung, càng không phải là giai cấp công nhân Pháp, những người cũng bị áp bức bóc lột như mình, cùng trên trận tuyến với mình đấu tranh chống kẻ thù chung. Là anh em cùng giai cấp, không để cho vũ khí của kẻ thù trao vào tay mình mà

giết hại lẫn nhau. Tới khi chiến đấu, phải đoàn kết chặt chẽ với nhau, sát cánh bên nhau, chĩa súng vào kẻ thù chung, vào “bọn chủ chung” là giai cấp tư sản.

Nguyễn Ái Quốc ca ngợi một biểu hiện của tình đoàn kết quốc tế của vô sản Pháp, nhân việc Ben Radia, một công nhân, quê ở Tuynidi bị cảnh sát giết ở Pari ngày 1-5, các tổ chức công nhân ở Pari đã tổ chức một đám tang lớn. Hàng nghìn công nhân nghỉ việc ngày hôm đó để đi đưa người đồng chí bản xứ của mình tới nơi an nghỉ cuối cùng. Từ sự việc trên và những trường hợp biểu lộ tình hữu ái giai cấp tương tự như thế, Nguyễn Ái Quốc viết: “... những người bị áp bức ở tất cả các nước hẳn phải hiểu đâu là những người anh em thật sự và đâu là kẻ thù của họ”⁽¹⁾.

Nguyễn Ái Quốc nhận định nguyên nhân của tình hình các dân tộc thuộc địa còn đứng ngoài cuộc đấu tranh chung và chưa nhìn rõ triển vọng của tương lai tươi sáng của mình “là vì họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng”⁽²⁾.

Lúc này, Quốc tế Cộng sản giúp đỡ các dân tộc châu Phi tổ chức lại qua những hoạt động của Quốc tế

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.200, 280.

Nông dân, Quốc tế Công hội đỏ, Quốc tế Cứu tế đỏ và đến Liên đoàn chống chủ nghĩa đế quốc sau đó. Việc cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ phải chỉ đạo thông qua các đảng cộng sản và hoạt động của các ban thuộc địa của đảng ở các nước đế quốc chủ nghĩa, vì ở đó chưa có những đảng cộng sản là phân bộ trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

Trong cuộc Hội nghị Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản tháng 7-1921 có nghị quyết kêu gọi giai cấp vô sản Angiêri và Tuynidi hành động. Tại Đại hội lần thứ IV Quốc tế Cộng sản (tháng 12-1922), lần đầu tiên có đại biểu của đảng bộ Tuynidi tham gia đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pháp. Trong Đại hội này Quốc tế Cộng sản đã thông qua một số nghị quyết về vấn đề Pháp, như Đảng Cộng sản Pháp cần hoạt động có hệ thống và cụ thể trong các thuộc địa, coi đó là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Đại hội lên án lập trường của nhóm cộng sản ở Xiđi ben Apbe (thuộc Ôrăng, Angiêri) hoạt động mang tính chất chủng tộc, chống lại đường lối của Quốc tế Cộng sản. Đảng Cộng sản Pháp phải dẫn đầu các phong trào cách mạng ở các thuộc địa, ủng hộ các yêu sách của các dân tộc thuộc địa chống chủ nghĩa đế quốc và giúp đỡ họ một cách vô tư trong đấu tranh đòi quyền dân tộc tự quyết.

Đến Đại hội lần thứ VI Quốc tế Cộng sản (tháng 7-1928), trong đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pháp có

ba người thuộc phân bộ Angiêri và một người thuộc phân bộ Tuynidi là những người bản xứ. Phải nói rằng Quốc tế Cộng sản đã có sự chỉ đạo đúng đắn, kịp thời uốn nắn những lệch lạc và sai lầm của Đảng Cộng sản Pháp trong vấn đề thuộc địa, nhất là trong thời kỳ đầu của những năm 20. Nguyễn Ái Quốc đã có nhiều cống hiến tích cực và trực tiếp đối với Đảng của mình - Đảng Cộng sản Pháp, và đề xuất những kiến nghị cụ thể đối với Quốc tế Cộng sản về việc tổ chức, chỉ đạo các dân tộc châu Phi “con đường đi tới cách mạng và giải phóng”, con đường “lật đổ chủ nghĩa đế quốc”.

Một hành động gián tiếp nhưng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp giải phóng các dân tộc châu Phi của Nguyễn Ái Quốc là trở về nước mình, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và tổ chức quần chúng, trực tiếp lãnh đạo cuộc chiến đấu lâu dài, theo tư tưởng của Lênin và đường lối của Quốc tế Cộng sản, đoàn kết với phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức, đặc biệt là tranh thủ sự ủng hộ của Đảng Cộng sản và phong trào công nhân, dân chủ ở Pháp, liên minh với các dân tộc thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc Pháp, trong đó có các dân tộc thuộc địa ở châu Phi.

Từ cuối những năm 20, Nguyễn Ái Quốc không có những bài viết hay phát biểu về các dân tộc châu

Phi, nhưng vẫn không ngừng theo dõi chặt chẽ những biến động chính trị ở châu Phi, vẫn coi các bạn châu Phi đấu tranh vì độc lập dân tộc là một sự cổ vũ to lớn, một lực lượng đồng minh quan trọng của dân tộc Việt Nam và coi mỗi thắng lợi của cách mạng Việt Nam là một sự viện trợ quý báu về mặt tinh thần và chính trị đối với nhân dân châu Phi.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thắng lợi và nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời là một đòn tiến công chặt đứt mắt xích quan trọng nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc Pháp, đồng thời là nước thuộc địa đầu tiên giành được độc lập sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Từ cái nhìn châu Phi trên những trang giấy khi còn ở Huế đến tận mắt nhìn châu Phi đau thương nô lệ, châu Phi vùng lên đấu tranh giải phóng theo phương hướng của những người cộng sản chỉ đường, Nguyễn Ái Quốc đã gánh vác nhiệm vụ lịch sử của mình với châu Phi và sung sướng tiếp nhận ở họ lòng quý trọng, ngưỡng mộ, như một biểu tượng của tương lai tươi sáng, của độc lập và tự do.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CHƯƠNG 3

Chủ tịch Hồ Chí Minh với châu Phi

I. Thời kỳ đấu tranh bảo vệ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa non trẻ

Sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, vị trí của Nguyễn Ái Quốc bắt đầu chuyển lên một điểm đứng mới, với danh nghĩa Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh giải quyết các mối quan hệ trong nước và nước ngoài. Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn tên tuổi của mình với Chính phủ Việt Nam, Đảng Cộng sản Đông Dương và nhân dân nước Việt Nam độc lập, tự do, tiếp tục ủng hộ cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc ở châu Phi.

Những biến đổi kỳ diệu của xã hội Việt Nam từ sau khi Cách mạng Tháng Tám thắng lợi bị hạn chế trong việc tuyên truyền quốc tế do phương tiện thông tin đại chúng chưa mạnh, lại bị kẻ thù bao vây, xuyên tạc; đồng thời những tin tức đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa cũng bị chủ nghĩa đế quốc phong

tỏa, cắt xén, ít lọt vào Việt Nam, làm cho sự phối hợp đấu tranh không được chặt chẽ.

Tổ chức Liên Phi tiến hành Đại hội lần thứ nhất năm 1919 ở Pari, đến tháng 10-1945 họp Đại hội lần thứ 5 ở Mansétơ. Chuẩn bị cho Đại hội lần thứ 5 là những người Phi nói tiếng Anh (Anglophone) gặp gỡ những người đại biểu người Phi ở các thuộc địa của Pháp, qua Nêrúmác, người Gana, lúc đó ở Pháp làm trung gian. Tổ chức Liên Phi ngày càng có ảnh hưởng rộng rãi trong nhân dân châu Phi sống trên đất nước mình hay lưu vong ở các nước khác và có uy tín quốc tế lớn do những người trí thức yêu nước nổi tiếng của các nước châu Phi tổ chức và lãnh đạo, như tiến sĩ Duyboa, Nêrúmác, G. Patđmô, P. Abrahamx... Đại hội thông qua các nghị quyết tố cáo chủ nghĩa đế quốc xâu xé lãnh thổ châu Phi, bóc lột kinh tế làm cản trở việc công nghiệp hóa châu Phi, đòi tổ chức chống nạn mù chữ, nâng cao mức sống, thực hiện luật công đoàn, lập hợp tác xã. Riêng những người Phi đen ra nghị quyết về quần đảo Ăngtiơ, đòi độc lập cho Ăngiêri, Tuynidi, Maroc. Đại hội nhất trí thông qua tuyên bố của các đại biểu Tây Phi đòi độc lập hoàn toàn và tuyệt đối cho các dân tộc đó. Cuối cùng, Đại hội ra bản tuyên bố: các cường quốc thực dân cần dùng chính sách giáo hóa hơn thô bạo, tuân theo những

nguyên tắc của Hiến chương Đại Tây Dương quy định.

Tháng 10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện văn đến Đại hội Liên Phi⁽¹⁾: “Dân tộc Việt Nam đang chiến đấu cho nền độc lập rất lấy làm cảm động tiếp được quyết nghị án của Đại hội Liên Phi ủng hộ cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam chống bọn thực dân Pháp.

Quyết nghị của Đại hội Liên Phi tỏ rõ tinh thần đoàn kết của các dân tộc nhược tiểu ở Đông Dương, Indônêxia, Ấn Độ và các dân tộc châu Phi trên con đường đấu tranh bảo vệ độc lập tự do, đã tốn biết bao xương máu mới giành lại được sau cuộc đại chiến”.

Qua bức điện, chúng ta biết các bạn châu Phi, mặc dầu tiếp nhận thông tin nghèo nàn, rất quan tâm theo dõi cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc Pháp của nhân dân Đông Dương, đã thảo luận và ra nghị quyết ủng hộ chúng ta. Đây là một dấu hiệu mới của các dân tộc châu Phi đang còn bị áp bức bóc lột hướng về nước Việt Nam độc lập, tỏ tình đoàn kết, sát cánh chiến đấu chống đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ

⁽¹⁾ Báo *Cứu quốc*, cơ quan của Tổng bộ Việt Minh, số 71 ngày 19-10-1945 dịch đăng nguyên văn bức điện của Chủ tịch Hồ Chí Minh với đầu đề: *Điện văn gửi Hội nghị Liên Phi*. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia, H.1955, tr.63 in lại nguyên văn. Theo tôi, nên dịch là Đại hội chuẩn hơn. Các bản tiếng Pháp, Nga, Anh đều dùng thuật ngữ đại hội.

hai. Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân danh dân tộc Việt Nam gửi đến Đại hội lời cảm ơn chân thành và biểu thị tình đoàn kết đấu tranh giữa nhân dân ta với các nước châu Phi.

Thực dân Pháp nuôi âm mưu trở lại nước Việt Nam, Lào và Campuchia từ khi mới rơi vào tay phátxít Nhật. Bọn quân phiệt Pháp, đại diện là Đờ Gôn, nhiều lần nói lên mong muốn ngông cuồng đó ngay khi nước Pháp còn trong tay phát xít Đức, phải cùng tay chân chạy trốn ra nước ngoài dưới danh nghĩa chính phủ lưu vong. Chúng xuyên tạc tình hình Đông Dương, vu cáo Việt Minh là chính phủ do Nhật lập ra và chỉ huy, nhân dân Đông Dương chờ đợi Pháp trở lại khai hóa cho họ... Âm mưu thực dân đó đã bị những người cộng sản và các lực lượng yêu nước, tiến bộ Pháp phản đối. Ngày 14-7-1945, Hội đồng quốc gia kháng chiến Pháp họp ở Saylơ thông qua Cương lĩnh, trong đó có những điểm quan hệ đến các thuộc địa, có ý nghĩa tiến bộ như sau: “Chúng tôi yêu cầu hiến pháp tương lai của cộng đồng Pháp trước hết phải tuyên bố về các quyền căn cứ vào định đề: mọi người đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, không phân biệt chủng tộc, nguồn gốc, tiếng nói hay tôn giáo”.

“Quyền lợi chính trị đầy đủ cho các công dân

nguồn gốc thuộc các lãnh thổ hải ngoại của Pháp không buộc họ phải từ bỏ cương vị cá nhân”.

“Chúng tôi yêu cầu Quốc hội lập hiến giành một phần năm số đại biểu cho các thuộc địa cũ của Pháp được cử tham gia”. Sau khi nước Pháp được giải phóng, các lực lượng dân chủ, tiến bộ và một bộ phận giai cấp tư sản muốn tập trung lực lượng khôi phục nước Pháp bị chiến tranh tàn phá và đưa nước Pháp trở lại vị trí cường quốc, cạnh tranh với Anh, Mỹ trên trường quốc tế, không tán thành chính sách thực dân phản động, đưa binh lực và của cải đi gây chiến tranh, giành lại thuộc địa đã mất như Đông Dương, gây khó khăn thêm cho nền kinh tế Pháp và nguy cơ cho sinh mệnh của binh sĩ Pháp.

Bọn thực dân phản động Pháp vẫn ngoan cố theo đuổi chính sách chiến tranh sử dụng người Việt bị đưa sang Pháp hồi chiến tranh 1939 - 1945 làm lực lượng phối hợp quan trọng cùng với quân viễn chinh trở lại Việt Nam. Bám theo gót quân Anh vào Sài Gòn, quân Pháp từng bước mở rộng chiến tranh, trước mắt là chia cắt Nam Bộ ra khỏi Việt Nam, rồi lần dần và chiếm lại cả nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Đảng Cộng sản Việt Nam và Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm nhìn rõ âm mưu của bọn thực dân Pháp, đã

lên tiếng cảnh báo đánh thép và biểu thị quyết tâm sắt đá chống lại nó qua bản *Tuyên ngôn Độc lập* ngày 2-9-1945.

Từ ngày 23-9-1945, nhân dân Sài Gòn dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Nam Bộ đã đứng lên chống thực dân Pháp bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, được nhân dân cả nước nhiệt liệt cổ vũ và ủng hộ. Một cuộc chiến tranh bảo vệ độc lập dân tộc, chống thực dân Pháp đã rõ ràng. Nhân dân ta phải ra sức tranh thủ thời gian, hòa hoãn với kẻ thù bên ngoài, tiêu diệt bọn phản động bên trong, xây dựng lực lượng về mọi mặt, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài, gian khổ, nhất định thắng lợi. *Hiệp định sơ bộ* do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với đại diện Chính phủ Pháp Xanh-toni ngày 6-3-1946 là một chủ trương sách lược rất sáng suốt của Đảng và Chính phủ ta nhằm chặn bước tiến của thực dân Pháp, xây dựng lực lượng bên trong kết hợp với tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, trước hết là nhân dân Pháp, những người Pháp yêu chuộng hòa bình và công lý về một nước Việt Nam tự do.

Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 được công bố đã có tiếng vang ở Pháp và nhiều thuộc địa của Pháp. Ngày 21-3-1946, các nghị sĩ là người Mangasơ trong Quốc hội Pháp đặt ra trước Quốc hội lập hiến một dự luật mà nội dung chịu ảnh hưởng trực tiếp tinh thần của Hiệp định sơ bộ:

Điều 1: Luật ban hành ngày 6-8-1896⁽¹⁾ cần được bãi bỏ;

Điều 2: Mađagátxca là một nước tự do, có chính phủ, có nghị viện, có quân đội và tài chính riêng, đứng trong khối Liên hiệp Pháp (đại để như những điều quy định trong Hiệp định sơ bộ).

Tổng thống Vanhxăng Ôriôn làm trái với quy tắc của Quốc hội, từ chối việc cho in và phân phát những lời đề nghị trên đây của các nghị sĩ Mangasơ, cho đó là hành vi chống lại hiến pháp trong khi hiến pháp còn đang soạn thảo. Ngày 4-4-1946, nghị sĩ Mangasơ Raxôta phát biểu trong Quốc hội, phản đối hành vi Tổng thống. Ôriôn đã cắt ngang lời Raxôta một cách thô bạo và cấm ông giải thích thêm, vi phạm trắng trợn quyền dân chủ của nghị sĩ.

Ở trên đất Mađagátxca, nhân dân biểu hiện sự vui mừng về Hiệp định sơ bộ của Việt Nam, coi đó là thắng lợi của nhân dân các thuộc địa và tán thành những lời phát biểu của các nghị sĩ Mangasơ trước Quốc hội Pháp.

Sau *Hiệp định sơ bộ*, Việt Nam và Pháp tiến hành thảo luận trao đổi phái đoàn thân thiện của Quốc hội

⁽¹⁾ Đạo luật Xóa bỏ chế độ cũ do Nữ hoàng Ravravaluna III ký với Pháp ngày 1-10-1895, bắt đầu coi Mađagátxca là thuộc địa chính thức qua cuộc bỏ phiếu ngày 20-6-1896 với 312 phiếu thuận, 73 phiếu chống.

hai nước, rồi Chính phủ Pháp mời Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm nước Pháp và đàm phán giữa hai đoàn đại biểu Chính phủ hai nước tại Pháp (trước đó là Hội nghị trù bị giữa hai đoàn Việt Nam và Pháp họp tại Đà Lạt).

Giữa tháng 4-1946, phái đoàn Quốc hội nước ta do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn, đi thăm nước Pháp. Đoàn đại biểu Quốc hội ta mang đến cho nhân dân Pháp những tin tức đúng đắn về sự thật của Việt Nam dân chủ cộng hòa, con đẻ của quá trình đấu tranh chống thực dân Pháp và phát xít Nhật, một nước độc lập, có chủ quyền, đang ra sức xây dựng và bảo vệ đất nước, có chính sách ngoại giao hòa bình, thân thiện với các nước trên nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Sự thật đó bác bỏ mọi luận điểm xuyên tạc, vu cáo của bọn thực dân.

Sự có mặt của đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam ở Pháp trong 20 ngày đã có ảnh hưởng tốt trong nhân dân Pháp và các thuộc địa của Pháp, đề cao vị trí của nước Việt Nam độc lập, dân chủ vừa thoát khỏi ách thuộc địa trên trường quốc tế, đấu tranh chống chính sách thực dân lỗi thời của đế quốc Pháp và kích thích phong trào giải phóng dân tộc tiến lên. Từ đây, nhân dân Pháp và các thuộc địa của Pháp biết rõ Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa Hồ Chí Minh chính

là Nguyễn Ái Quốc, người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và Hội Liên hiệp thuộc địa, người đấu tranh không ngừng cho thắng lợi của sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức, người bạn lớn của nhân dân châu Phi.

Ngày 12-5-1946, đoàn đại biểu Mangasơ trong Quốc hội lập hiến của Liên hiệp Pháp do bác sĩ Raccutu đại diện, viết một bức thư cho Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam Phạm Văn Đồng. Bức thư nhắc lại cuộc gặp gỡ giữa đoàn đại biểu Quốc hội ta với đoàn đại biểu nghị sĩ Mangasơ và bạn đã trao cho đoàn ta một số tư liệu có liên quan đến Madagátxca⁽¹⁾. Rất tiếc là các bạn Mangasơ không được phép tiếp xúc trực tiếp với đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam, nhưng bạn vẫn hy vọng trong tương lai, hai nước sẽ liên hệ với nhau bằng những tình cảm chung và hữu nghị.

Các bạn Mangasơ coi cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam đang tiến hành như là của chính mình. Cuộc đấu tranh vì chính nghĩa nhất định sẽ thắng.

Các bạn Mangasơ gửi lời chào kính trọng đến Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa Hồ Chí Minh...

⁽¹⁾ Đây là cuộc tiếp đoàn đại biểu Quốc hội ta do Quốc hội Pháp tổ chức vào 12h ngày 26-6-1946, có mặt 50 đại biểu Pháp. Không biết những tư liệu của đoàn nghị sĩ Mangasơ trao cho đoàn đại biểu Quốc hội ta ngày 26-4-1946 có còn giữ được không hay đã bị mất.

Cuối thư, bạn hô: Việt Minh muôn năm và Việt Nam muôn năm!

Chuyến đi thăm nước Pháp của đoàn đại biểu Quốc hội nước ta như là “đội tiền trạm”, chuẩn bị cho Chủ tịch Hồ Chí Minh và đoàn đại biểu Chính phủ sang Pháp tháng 6-1946.

Ngày 31-5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường sang thăm nước Pháp giữa rừng cờ, hoa và nét mặt tươi vui tiễn đưa của đồng bào suốt trên đường từ Bắc Bộ Phủ đến sân bay Gia Lâm. Cùng đi chuyến bay với Người có một số vị trong đoàn đại biểu Chính phủ. Sau 12 ngày kể cả bay và nghỉ trên đường, ngày 12-6-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Biarritz, thủ phủ của Vùng Pirênê Atlăngtích, quận Bayon ở miền Nam nước Pháp. Trước khi tới Biarritz, máy bay dừng lại hai điểm trên đất châu Phi: Cairo và Angiê.

Sau khi Chính phủ Pháp mới được thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh được mời tới Pari ngày 22-6-1946. Ba tháng hoạt động trên đất Pháp (từ 12-6-1946 đến 16-9-1946) Chủ tịch đã gặp gỡ các đại biểu của Chính phủ Pháp, các nhà hoạt động chính trị, văn hóa, khoa học, xã hội, báo chí, tướng lĩnh, bạn bè cũ, giới kinh doanh công, thương nghiệp... của nước Pháp và nhiều nước khác trên thế giới đang sinh sống tại thủ đô nước Pháp hay đến dự Hội nghị Hòa bình thế

giới. Chủ tịch đặc biệt lưu tâm đến việc chỉ đạo mọi hoạt động của đoàn đại biểu Chính phủ ta do Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn và tiếp xúc với kiều bào, với binh lính Việt Nam bị động viên sang chiến trường châu Âu trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Báo chí Pháp và nhiều nước trên thế giới cử phóng viên đến Pari, bám sát mọi hoạt động của Chủ tịch, đưa tin chi tiết, viết bài bình luận đăng báo, thu hút dư luận công chúng khắp nơi theo dõi chặt chẽ sự kiện trọng đại này. Những người dân các nước thuộc địa sinh sống ở Pháp hay trên tổ quốc mình rất chú ý đến cuộc hành trình có ý nghĩa lịch sử đặc biệt đó, sung sướng, tự hào về một người bản xứ như mình đã giành được vị trí chính trị làm cho cả nước Pháp kính nể và Chính phủ Pháp tiếp đón như một vị thượng khách ngay tại thủ đô, vốn là sào huyệt của chủ nghĩa thực dân, đế quốc.

Trong những ngày ở Pháp, nhiều bạn châu Phi đã đến chào và thăm Chủ tịch. Những cuộc đến thăm này mang tính chất xã giao hơn là các cuộc tiếp xúc chính trị, vì nhiều lý do: những người này có nhiều quan điểm chính trị và xã hội khác nhau; thời gian gặp gỡ ngắn; có người là bạn cũ, nhưng nhiều người mới gặp lần đầu; cơ quan an ninh của Pháp theo dõi và khống chế...

Người đầu tiên đưa thiệp đến Roayan Môngxô xin gặp Chủ tịch là người bạn thân tình cũ, cùng hoạt động trong Hội Liên hiệp thuộc địa và trong Ban Biên tập báo Le Paria: Max Clanhvin Blôngcua, là người đảo Guyadơlúp, thuộc quần đảo Ăngtiơ, châu Mỹ, thuộc địa của Pháp, nhưng một thời là đại biểu Đahômây trong Ban Chấp hành Hội. Ngày 26-6-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh sung sướng, cảm động được gặp lại Clanhvin Blôngcua sau 23 năm xa cách, vì công tác bí mật phải ra đi, không được phép nói với nhau một lời khi chia tay, chỉ viết bức thư để lại. Ngày 7-7, Chủ tịch mời luật sư Clanhvin Blôngcua đến ăn sáng cùng với Người, có sự tham dự của một số Việt kiều và các bạn Pháp.

Ngày 5-7-1946 có hai đoàn đại biểu châu Phi đến thăm Chủ tịch. 9 giờ sáng, Chủ tịch tiếp đoàn đại biểu Mangasơ. Sau đó, bốn nghị sĩ Angiêri do Phera Apba dẫn đầu, đến chào Chủ tịch. Phera Apba là thủ lĩnh Liên đoàn dân chủ của tuyên ngôn Angiêri (Union démocratique du manifeste algérien, viết tắt là UDMA) do ông thành lập năm 1945. Đây là một tổ chức chính trị cải lương, hoạt động hợp pháp, không tán thành đấu tranh vũ trang chống thực dân giành độc lập trong nhiều năm, chủ trương Angiêri là một bộ phận của nước Pháp. Đến năm 1954, ông mới thừa

nhận sự tất yếu phải dùng vũ lực đánh đuổi đế quốc và tích cực tham gia cuộc chiến tranh giải phóng Algérie. Sau khi giành được độc lập năm 1962, Phera Apha được cử làm Chủ tịch Chính phủ lâm thời Cộng hòa Algérie dân chủ và nhân dân. Từ cuộc gặp gỡ này mà trong cuộc họp báo ngày 12-7-1946, một cuộc họp báo quan trọng nhất trong suốt 3 tháng ở Pháp, một dịp để Chủ tịch trình bày có hệ thống, tuy ngắn gọn về lập trường và quan điểm chính trị của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, về chính sách trong các quan hệ đối với nước Pháp và người Pháp, trước nhân dân Pháp và thế giới. Có nhà báo hỏi Chủ tịch: “Đoàn đại biểu thuộc địa Manifeste algérien có đến yết kiến Ngài, Ngài có thể cho chúng tôi biết được cuộc gặp gỡ ấy có ý nghĩa chính trị gì không?”

Trả lời: Cuộc gặp gỡ ấy cũng như mọi cuộc gặp gỡ khác. Từ khi tôi đến Pari, tiếp các đoàn thể chính trị từ cực hữu sang cực tả, các bạn thân ở Pháp, nhưng có một điều lạ là tại sao người ta lại để ý đến cuộc gặp gỡ của tôi với đoàn Manifeste algérien, còn những nhóm khác, người ta không đả động gì đến?”

Ngày 23-8, Métxali Hátgiơ, thủ lĩnh Đảng Nhân dân Algérie (Parti du peuple algérien, viết tắt là PAA) dẫn đầu một đoàn đến thăm Chủ tịch. Métxali Hátgiơ đã tham gia phong trào yêu nước từ những năm 30,

trong tổ chức Ngôi sao Bắc Phi (Étoile nord - africaine). Ngôi sao Bắc Phi bị thực dân Pháp cấm hoạt động năm 1937, ông tổ chức ra Đảng Nhân dân Angiêri và cũng bị cấm năm 1939, ông bị bắt đi tù. Sau khi ra tù, ông vận động thành lập Phong trào vì thắng lợi của tự do dân chủ (Mouvement pour le triomphe des libertés démocratiques, viết tắt là MTLD).

Ngày 25-8-1946, Chủ tịch tiếp bác sĩ Raxôta, người Mangasô. Ông là một người yêu nước thuộc phái cấp tiến, đã nhiều lần tranh cử vào nghị viện Pháp và giành được tín nhiệm lớn.

Tháng 2-1946, Raxôta vận động thành lập Phong trào dân chủ vì đổi mới ở Mađagátxca (Mouvement démocratique pour la rénovation malgache, viết tắt là MDRM) có tính chất quần chúng rộng rãi.

Pátmo gửi thiệp đến trước xin được gặp Chủ tịch và ngày 6-9-1946, ông đến thăm Người. Gioócgiô Pátmo là người Ăngti, sinh ở Tơrinidát, lớn lên ở Mỹ, tốt nghiệp luật học ở trường đại học Havót. Ông hoạt động và đấu tranh cho lợi ích của người da đen, ra báo, viết sách bảo vệ những người da đen trên lãnh thổ các nước châu Phi nói tiếng Anh, có ảnh hưởng với những người dân tộc chủ nghĩa ở châu Phi.

Những buổi tiếp xúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh với các thủ lĩnh các tổ chức chính trị ở châu Phi tuy

không mang tính chất chính trị trực tiếp, nhưng tự nhiên nó đã có ý nghĩa của một sự đồng cảm và liên minh đấu tranh vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Những lời nói chân thành, thân ái của Chủ tịch đối với các bạn châu Phi là sự truyền cảm ý chí và nghị lực của một dân tộc thuộc địa quyết tâm đấu tranh cho nền độc lập của mình. Các bạn coi Việt Nam là tấm gương lớn cho các dân tộc châu Phi soi chung.

Qua các đại biểu của mình cùng với các phương tiện thông tin đại chúng phát đi từ Pari, Nguyễn Ái Quốc năm xưa - Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày nay, được các bạn châu Phi hết lòng kính trọng và họ hy vọng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do Người lãnh đạo sẽ tiến lên, củng cố nền độc lập dân tộc và thống nhất tổ quốc, đem lại sự cổ vũ lớn lao cho các dân tộc châu Phi trên con đường giải phóng, thoát khỏi ách thống trị thực dân.

Từ chỗ tên nước Việt Nam không được bạn bè cùng cảnh ngộ ở châu Phi biết đến, giờ đây nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trở thành ngôi sao sáng ngời ở Viễn Đông. Mọi diễn biến của tình hình chính trị xã hội ở đất nước này được bạn bè hết sức quan tâm, chăm chú theo dõi và biểu thị thái độ ủng hộ nồng nhiệt.

II. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với đại diện Chính

phủ Pháp *Hiệp định sơ bộ* 6-3-1946, *Tạm ước Việt - Pháp* 14-9-1946, đã có biết bao cuộc gặp giữa các đại biểu Chính phủ ta với phía Pháp, nhưng chúng vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu ngoan cố: quàng lên cổ nhân dân Việt Nam ách thống trị thuộc địa một lần nữa, mở rộng chiến tranh từ Nam Bộ ra Nam Trung Bộ và Bắc Bộ...

Đồng thời với việc từng bước mở rộng chiến tranh ở Việt Nam, phái cực hữu trong Chính phủ Pháp điên cuồng tiến công các lực lượng dân chủ và tiến bộ, trước hết là đánh vào Đảng Cộng sản Pháp, ra sức tuyên truyền bịp bợm, xuyên tạc tình hình thực tế ở Việt Nam, che đậy hành động ăn cướp, vu cáo cho ta vi phạm *Hiệp định, Tạm ước*.

Tình hình đẩy tới cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp phải bùng nổ, không còn cách nào khác. “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người

trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu tổ quốc”⁽¹⁾.

Lời kêu gọi vang động lòng người cả nước, được truyền đi trên làn sóng điện của Đài phát thanh *Tiếng nói Việt Nam*, chủ nghĩa đế quốc dùng mọi cách đánh phá, bịt tin làm cho bạn bè trên thế giới ngay lúc đó ít biết đến sự kiện trọng đại này. Phải dần dần mấy tháng về sau, với những cuộc tranh luận giữa các đảng phái chính trị trên diễn đàn, ủng hộ hay phản đối cuộc chiến tranh bắt đầu mở rộng ở Việt Nam, tán thành hay không tán thành bỏ phiếu cho ngân sách quân sự để tiến hành chiến tranh và đưa quân đội Pháp, binh lính tuyển dụng từ các thuộc địa châu Phi và các đội quân lê dương - gọi chung là binh sĩ Âu Phi - sang tăng cường lực lượng của chúng ở chiến trường Việt Nam bạn bè mới biết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam.

Tháng 3-1947, Quốc hội Pháp họp. Đây là cuộc họp Quốc hội đầu tiên kể từ khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ ở Việt Nam. Trong phiên họp ngày 18-3-1947, bác sĩ Raxơta, nghị sĩ Mangasơ, long trọng tuyên bố trên diễn đàn Quốc hội: “Chúng tôi mong

⁽¹⁾ Trích *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 12-1946.

muốn một liên minh chân chính tập hợp các dân tộc tự do. Chúng ta đã hy vọng một luồng gió mới của hòa bình, tự do, tiến bộ và hữu ái thổi tới những mảnh đất xa xôi - mà ngày hôm qua còn thuộc về đế chế Pháp.

Thực tế lại hoàn toàn khác.

Liên hiệp Pháp đã bị pha bằng máu, dòng máu tươi của những thanh niên Pháp và những người anh em của chúng ta ở Việt Nam. Tất cả các dân tộc ở hải ngoại chúc mừng một sự kết thúc cuộc đấu tranh huynh đệ bất hạnh đó. Nếu nó kéo dài thì sẽ khơi sâu cái hố ngăn cách không cứu vãn nổi giữa các dân tộc muốn sống trong hòa bình.

Chúng tôi đòi hỏi Chính phủ nước Cộng hòa Pháp phải chấm dứt ngay chiến tranh và tìm kiếm những cơ sở cho một nền hòa bình chân chính và cần yếu”.

Qua mấy buổi tranh luận xung quanh vấn đề chiến tranh ở Việt Nam, ngày 21-3-1947, Quốc hội Pháp bỏ phiếu. Kết quả là: các nghị sĩ Đảng Cộng sản Pháp và nhóm những người Hồi giáo độc lập ở Bắc Phi cùng với nhóm đổi mới Mangasơ đều không bỏ phiếu. Chỉ có 411 phiếu tán thành chi thêm cho ngân sách chiến tranh ở Việt Nam, tức là chưa được 2/3 tổng số phiếu của tất cả số nghị sĩ có mặt. Việc không

bỏ phiếu chứng tỏ thái độ không tán thành chiến tranh ở Việt Nam, không đồng ý tăng ngân sách quân sự để mở rộng chiến tranh - nhưng cũng là một thái độ tiêu cực, không dám trực tiếp phản đối bọn cực hữu hiếu chiến bằng những lá phiếu của mình.

Trong khi nhân dân Việt Nam cầm vũ khí chống thực dân Pháp thì các nước thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc ở châu Phi vẫn rên xiết dưới ách thống trị. Châu Phi trở thành đối tượng của chính sách tăng cường bóc lột của chủ nghĩa đế quốc để bù vào những thuộc địa và nửa thuộc địa ở châu Á bị mất đi. Nhưng bản thân chính sách này lại có mặt trái của nó là kích thích phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc không ngừng phát triển tiến lên thành một cao trào rộng lớn bao trùm tất cả lục địa và các hải đảo ở châu Phi.

Đêm 23-9-1947, một cuộc khởi nghĩa lớn đã nổ ra ở Mađagátxca bắt đầu từ hai trung tâm Manacara và Môramanga. Tháng 7-1947, nghĩa quân đã giải phóng được một vùng đất khá rộng, gồm 1/3 tổng số dân. Thực dân Pháp phản công quyết liệt, dập tắt phong trào, khủng bố cực kỳ dã man. Những người yêu nước tiến bộ ở Mađagátxca chuyển sang hình thức đấu tranh hòa bình, với những yêu sách kinh tế, và chuẩn bị lực lượng cho những cuộc đấu tranh mới.

Ở Ai Cập, ngày 23-7-1952, một số sĩ quan yêu

nước, tiến bộ lãnh đạo quân đội nổi lên chống chế độ phong kiến và chống thực dân Anh, được quần chúng nhân dân đông đảo đồng tình, ủng hộ. Ngày 18-6-1953, Ai Cập tuyên bố thành lập nước Cộng hòa, ban hành cương lĩnh củng cố nền độc lập dân tộc của đất nước.

Ở các nước thuộc địa khác, các tổ chức yêu nước lần lượt ra đời, tổ chức những cuộc đấu tranh dưới các hình thức thích hợp để giáo dục quần chúng, đón thời cơ thuận lợi đưa phong trào tiến lên giành độc lập dân tộc.

Từ giữa năm 1949 trở về trước, những thắng lợi của ta và thất bại của địch trên các chiến trường thường ít có tiếng vang ra thế giới. Bạn bè của ta ở Pháp và châu Phi còn ít biết về cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ đang phát triển thắng lợi. Và đương nhiên là tin tức ở các nước ngoài vào Việt Nam cũng rất bị hạn chế. Mặc dầu vậy, lò lửa chiến tranh ở Việt Nam vẫn là điểm thu hút sự chú ý của dư luận thế giới. Các bạn châu Phi tìm thấy ở Việt Nam một tinh thần chiến đấu dũng cảm, ngoan cường và đầy tin tưởng ở thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, là nguồn sức mạnh kích thích tinh thần dân tộc của họ. Hướng về Việt Nam, công nhân các nước Angiêri, Tuynidi, Maroc có những hành động thiết thực ủng hộ Việt Nam. Những cuộc đình công phản

đổi chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp đã được khởi đầu từ 20-7-1949 và là một truyền thống đoàn kết quốc tế của công nhân Angiêri. Các Đảng Cộng sản Angiêri, Tuynidi, Maroc ra một bản tuyên bố chung ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Tuyên bố có đoạn: “những biến cố xảy ra ở Việt Nam cũng như ở Irăng, Ai Cập chứng tỏ cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành tự do và độc lập là điều kiện chính yếu để giải phóng dân tộc. Trong lúc này, tình đoàn kết giữa các dân tộc cần được biểu dương mạnh mẽ. Phải tăng cường phong trào chống chiến tranh ở Việt Nam, nơi mà hằng ngày, thanh niên Angiêri, Tuynidi, Maroc đang bị hy sinh cho thực dân Pháp xâm lược”⁽¹⁾.

Trung tuần tháng 11-1951, công nhân khuân vác ở cảng Ôrăng (Angiêri) kéo dài cuộc đấu tranh.. tuần lễ, chịu mất tiền công, đình công để tẩy chay những chuyến tàu của Pháp chở hàng sang Việt Nam.

Trong kỳ họp thứ hai của Hội đồng Hòa bình thế giới, ông Buxama - Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới của Angiêri phát biểu: “Nhờ sự ủng hộ nhiệt thành của các tầng lớp nhân dân trong nước, các chiến sĩ hòa bình Angiêri đã tự đặt cho mình trách nhiệm cao quý là đấu tranh đến cùng để đòi chấm dứt cuộc

⁽¹⁾ Báo Nhân Dân, số ra ngày 29-11-1951.

chiến tranh tội lỗi của bọn thực dân ở Việt Nam.

Suốt ba năm nay, anh em công nhân khuân vác ở các bến tàu Angiêri đã kiên quyết không chịu chuyển vũ khí xuống tàu sang Việt Nam. Nhân dân Angiêri nhận rõ nhiệm vụ trọng đại của mình là đấu tranh cho con em mình được hồi hương, để thanh niên Angiêri khỏi phải bị chết một cách vô ích trong cuộc chiến tranh chống lại nhân dân Việt Nam, một dân tộc anh em của nhân dân Angiêri”⁽¹⁾.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 62 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các bạn thanh niên Mađagátxca họp mặt, viết thư chúc thọ Người. Thư viết: “Nhân dịp kỷ niệm ngày 19-5, thanh niên Mađagátxca bày tỏ một lần nữa mối tình đoàn kết nhất trí với nhân dân Việt Nam đang chiến đấu chống thực dân Pháp đang giành độc lập cho đất nước. Ngày 19-5, kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là một ngày lịch sử của phong trào giải phóng dân tộc Mađagátxca”.

“Cách đây 23 năm, ngày 19-5-1929, sinh viên trường thuốc ở Tananarivo, thủ đô Mađagátxca, đã tuyệt thực để phản đối việc thực dân Pháp ngăn cấm không cho sinh viên tham gia biểu tình do Giáo sư Ralemônggô tổ chức. Giáo sư là một người bạn chiến đấu của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

⁽¹⁾ Báo Nhân Dân, số ra ngày 6-12-1951.

“Kỷ niệm ngày 19-5 năm nay, chúng tôi nguyện quyết tâm chiến đấu không ngừng để giành độc lập dân tộc và bảo vệ hòa bình thế giới. Một lần nữa, thanh niên Mađagátxca bày tỏ lòng tin tưởng của mình vào thắng lợi hoàn toàn của nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp”⁽¹⁾.

Sự ủng hộ nhiệt tình của các bạn châu Phi là nhân tố khách quan hết sức quý báu để tăng cường sức mạnh của cuộc kháng chiến của nhân dân ta, đánh trực tiếp vào cơ sở hậu cần và làm giảm sút ý chí xâm lược của quân đội thực dân Pháp.

Cuộc chiến tranh yêu nước, chính nghĩa của nhân dân ta ngày càng nhận được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân Pháp và nhân dân thế giới. Cuộc đấu tranh chống chiến tranh xâm lược Việt Nam phát triển, mang tính quần chúng sâu sắc trong nhân dân Pháp. Những cuộc chống quân dịch, chống lệnh điều động sang chiến trường Đông Dương ở Pháp cùng với những cuộc đấu tranh đòi hỏi hương trong đội quân viễn chinh Pháp và chạy sang hàng ngũ kháng chiến của Việt Nam tăng lên, ăn nhịp với chiến thắng của cuộc kháng chiến của nhân dân ta và sự sa lầy, thất bại của đế quốc Pháp.

⁽¹⁾ Báo *Cứu quốc*, số ra ngày 21-7-1952.

Một số binh sĩ người Pháp và người các nước Âu Phi trải qua thực tiễn chiến đấu trên chiến trường cảm thấy bi quan, thất vọng. Những hành động dã man, tàn bạo diễn ra hàng ngày theo lệnh của bọn chỉ huy, trái với lương tâm và đạo lý làm cho họ bứt rứt; tin tức từ Pháp sang và những tờ báo phản động đến tay họ, mặc dầu đã cắt xén tình hình thực tế của nước Pháp, nhưng qua đó, cũng thấy phần nào dư luận của nhân dân Pháp chống chiến tranh xâm lược Việt Nam; công tác địch vận được tiến hành bằng truyền đơn, báo chí, cuốn sách nhỏ và bằng chính những người bạn Âu Phi đã sang hàng ngũ ta giác ngộ, đến sát mặt trận hoạt động làm cho số người hiểu tính chất, mục đích cuộc kháng chiến của ta là chính nghĩa, cuộc chiến tranh mà họ đương theo đuổi là phi nghĩa, có tư tưởng bỏ hàng ngũ quân đội Pháp, hoặc sẵn sàng đầu hàng khi bị ta tiến công ngày càng đông.

Thực dân Pháp ra sức đối phó với hiện tượng đào ngũ và sẵn sàng đầu hàng này, nhưng vẫn bất lực và thực tế ngày càng phát triển xấu đi đối với chúng.

Riêng các bạn châu Phi, những người lính thuộc địa từ nhiều nước bị đưa tới chiến trường Việt Nam: Bờ biển Ngà, Xênegan, Maroc, Tuynidi, Angiêri, Xuđăng.., khi còn trong quân ngũ, họ bị phân biệt đối xử khác với binh lính Pháp cùng loại, đã tỏ ra bất

binh. Chạy sang hàng ngũ kháng chiến Việt Nam, được học tập chính trị, họ mau chóng nhận rõ cuộc kháng chiến chính nghĩa chống thực dân Pháp ở Việt Nam và muốn làm gì cho xứng đáng là người nô lệ đã giác ngộ cùng với các bạn Việt Nam chống kẻ thù chung.

Đến năm 1949, các bạn binh sĩ Bắc Phi sang với ta từ nhiều chiến trường được tập hợp thành đội quân Bắc Phi độc lập. Nhiệm vụ chủ yếu của đội quân này là vận động binh sĩ các nước châu Phi trong quân đội Pháp phản chiến, đòi hồi hương hoặc mang vũ khí sang với ta. Nhân kỷ niệm lần thứ tư Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh Việt Nam (1949), các bạn trong đội quân Bắc Phi gửi thư chúc thọ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ tịch gửi thư đáp lại các bạn người Phi:

“Tôi xin thành thực cảm ơn những lời chúc mừng của các bạn nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và cũng xin chúc Đội quân Bắc Phi độc lập sẽ lập được nhiều chiến công oanh liệt.

Người Việt Nam, người Bắc Phi cũng như những người bạn ở các thuộc địa Pháp khác, chúng ta đoàn kết chặt chẽ và cùng có chung một lý tưởng: đập tan chế độ thực dân Pháp và giành lại độc lập.

Vì vậy nước Việt Nam được giải phóng sẽ giúp cho sự giải phóng nước các bạn được dễ dàng và cuộc

chiến thắng của Việt Nam sẽ giúp cho các bạn chiến thắng sau này.

Tướng Rove (Revers), một trong những trùm thực dân Pháp, đã phải thú nhận sự thật đó khi ông ta nói: “Mọi sự thất bại của Pháp ở Á châu sẽ là dấu báo hiệu sự tan rã của khối Liên hiệp Pháp”.

Tôi tin chắc rằng với sự giúp đỡ của những người bạn Việt Nam, với lòng quả cảm sẵn có và với kỷ luật sắt của các bạn, các bạn sẽ xứng đáng với danh hiệu vẻ vang của Đội quân Bắc Phi độc lập.

Tôi thân ái chào các bạn và chờ đợi những tin tức thắng trận của Đội quân Bắc Phi độc lập.

downloadsachmienphi.com Hồ Chí Minh.”⁽¹⁾.

Với chiến thắng của ta ở biên giới Việt - Trung thu đông năm 1950, binh sĩ Âu Phi bị bắt làm tù binh sang hàng rất đông. Rồi những chiến dịch tiếp theo sau, cho đến chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, số tù, hàng binh đó càng tăng lên nhanh chóng và đương nhiên là số bị tiêu diệt cũng ngày càng lớn. Theo Tạp chí Lịch sử quân sự, số 12, tháng 12-1986 (tr. 62), trong suốt cuộc chiến tranh Pháp xâm lược Việt Nam (1945-1954), 8.443 binh sĩ là người châu Phi bị mất tích, trong đó 6.695 người các nước Bắc Phi, chiếm 79,2%.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1995, t.5, tr.621-622.

So sánh số binh sĩ châu Phi bị mất tích trên chiến trường Việt Nam 2 thì binh sĩ Pháp bị mất tích 1. Ta đã trao trả cho phía Pháp nhiều đợt tù binh, hàng binh Âu, Phi. Riêng ngày 6-7-1954, ta trao cho Pháp 4.165 binh sĩ người Phi, trong đó 3.369 là người các nước Bắc Phi.

Marouf được Đảng Cộng sản Maroc cử sang làm công tác vận động binh lính Bắc Phi năm 1951, năm 1960 rời Hà Nội.

Tại Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 9-1951, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Nguyễn Chí Thanh trình bày bản Dự thảo chính sách tù, hàng binh trước hội nghị. Hội nghị thông qua những phương châm, nguyên tắc và chủ trương lớn đối với tù, hàng binh cả Âu, Phi và nguy quân. Riêng đối với tù binh Âu, Phi, có quy định về sinh hoạt vật chất; về tha họ; về sinh hoạt tinh thần, nhận thư của gia đình và gửi thư về gia đình, kỷ luật và ban thưởng.

Chính sách của chúng ta đối với tù, hàng binh Âu, Phi rất nhân đạo, xuất phát từ bản chất cuộc chiến tranh chính nghĩa bảo vệ độc lập dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân xâm lược. Ta tổ chức các lớp học chính trị để giác ngộ họ, vạch trần sự lừa bịp của bọn thực dân trong chiến tranh phi nghĩa; đối đãi với họ nhân từ, khoan dung, nhân nại; thực hiện mọi chế độ chính

sách, tổ chức tốt đời sống vật chất và tinh thần cho họ trong hoàn cảnh chiến tranh gian khổ, với những điều kiện và khả năng ta có, nên đã cảm hóa, chinh phục được họ đồng tình, ủng hộ cuộc kháng chiến của ta.

Trong những ngày kỷ niệm lịch sử của Việt Nam: ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, các tù, hàng binh người Phi viết thư lên chúc thọ Chủ tịch Hồ Chí Minh dưới hình thức tập thể hoặc cá nhân. Mỗi khi nhận được thư, Chủ tịch đều có thư đáp, thường là gửi chung cho cả Âu, Phi, viết bằng tiếng Pháp. Chủ tịch gọi họ một cách thân tình: “Các bạn của tôi” (Mes amis). Cho đến nay, chúng tôi mới tìm được bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi “Các bạn của tôi”, một thư đáp cảm ơn 818 tù binh Âu, Phi chúc thọ Người; một thư gửi tù binh Âu, Phi trước ngày được phép hồi hương. Cả hai thư trên đều không có ngày, tháng, do đó rất khó đoán thời điểm cụ thể, chính xác của mỗi bức thư.

Về bức thư đáp lời chúc thọ của 818 tù binh, Người mở đầu bằng dòng cảm ơn họ. Sau đó, Người mong cho cuộc chiến tranh phi nghĩa chấm dứt càng sớm càng tốt để cho hai dân tộc Việt Nam và Pháp cũng như tất cả các dân tộc có thể lao động trong hòa bình và sống trong tình thân ái. Các bạn yêu mến tổ quốc mình, muốn cho tổ quốc mình được tự do độc

lập, không vì vậy mà hủy diệt tổ quốc của các dân tộc khác, có phải thế không? Chính vì vậy mà nhân dân Việt Nam chỉ muốn thống nhất và độc lập cho tổ quốc mình.

Người tố cáo bọn kẻ cướp thực dân nhân danh nước Pháp, văn minh dân chủ, vì lợi ích của bọn triệu phú Pháp - Mỹ đẩy các bạn vào chết chóc, tàn phá đất nước Việt Nam. Nhân dân Việt Nam chiến đấu đến cùng để đánh đuổi bọn thực dân.

Hưởng ứng lời kêu gọi của các tổ chức dân chủ Pháp (Tổng Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ Pháp, Hội Quốc gia những binh sĩ hồi hương ở Đông Dương...) chúng tôi sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các bạn được hồi hương sau khi các bạn tìm lại được quê hương, cha mẹ, vợ con các bạn. Các bạn nên hiểu rằng việc này không dễ dàng chút nào vì đối với Chính phủ Pháp hiện nay, các bạn đã trở thành vô ích cho cuộc chiến tranh bẩn thỉu của họ.

Chủ tịch khuyên họ kiên nhẫn chờ đợi, và trong những ngày ở Việt Nam, hãy giữ kỷ luật tốt, làm việc có ích và giữ gìn sức khỏe. Người chúc họ sức khỏe tốt và can đảm hơn lên.

Đối với đoàn tù binh trước khi trở về quê hương, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Các bạn của tôi,

Các bạn bằng lòng về việc này phải không?

Bằng lòng vì được chấm dứt vai trò không vinh quang gì là phục vụ chủ nghĩa thực dân Pháp chống lại nhân dân Việt Nam.

Bằng lòng vì đã trở lại được quê hương, với cha mẹ, vợ con và những người thân của các bạn.

Trong những ngày ở với chúng tôi, chúng tôi đã bảo đảm những nhu cầu vật chất với khả năng có thể được. Nếu có gì chưa đáp ứng được, thì lỗi đó thuộc về bọn thực dân Pháp tìm mọi cách làm trở ngại chúng ta. Các bạn phải miễn thứ cho chúng tôi điều đó.

Trước khi lên đường, không được quên các bạn cũ trong đội quân viễn chinh không bao giờ được nhìn lại đất nước và gia đình của họ. Nghĩ đến họ và nói những gì họ đã phải làm.

Trong chuyến đi, các bạn hãy giữ kỷ luật nghiêm chỉnh, khi người ta nói về các bạn: “Họ là những thanh niên ưu tú” và người ta giữ lại những kỷ niệm tốt đẹp lâu dài về các bạn.

Khi trở về nhà, các bạn đem lời chào của nhân dân Việt Nam đến gia đình các bạn. Trong số các bạn thế nào chẳng có những người có cha mẹ già và con nhỏ. Các bạn hãy nói với họ: Bác Hồ gửi những cái hôn thăm thiết.

Vĩnh biệt các bạn thân mến, các con của tôi!

Tôi chúc tất cả lên đường bình yên và sức khoẻ tốt”.

Trước khi cho tù binh hồi hương, các cán bộ quân đội nhân dân Việt Nam đã giúp tù, hàng binh là người các nước châu Phi tổ chức lễ Ramadan Hồi giáo làm cho họ hết sức cảm động, biết ơn quân đội ta, Chính phủ ta và Bác Hồ. Trong ngày lễ này, có thành phần của 18 dân tộc tham dự, với nghi thức tôn giáo cổ truyền, vui chơi, nhảy múa, hát những bài dân tộc, ăn uống với những bàn tiệc ngon lành kéo dài nhiều giờ liền, đã để lại cho họ những ấn tượng sâu sắc, tốt đẹp về những con người Việt Nam đáng mến yêu nhất.

Nhiều tù binh Âu, Phi viết thư với những tình cảm chân thành, nồng thắm gửi lên Bác Hồ kính mến trước khi rời đất nước ta. Có những bức thư tập thể, có những lá thư cá nhân. Tìm trong những tập thư này, chúng tôi thấy có một bức thư tập thể của 100 người là sĩ quan, hạ sĩ quan và binh lính Bắc Phi gửi lên Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bức thư viết bằng chữ Pháp. Sau đây là bản dịch:

“Việt Nam dân chủ cộng hoà

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Bắc, ngày 14 tháng 7 năm 1954

Thưa Chủ tịch,

Tất cả những tù binh ở trại số 39 là người gốc Bắc Phi, chúng tôi cảm ơn Chủ tịch về bức thư Người gửi chung cho tù binh nhân ngày 14 tháng 7 năm 1954.

Cho đến nay, phần đông chúng tôi vẫn không biết gì về ý nghĩa của ngày lễ này cả. Bởi vì trong thời gian ở trong hàng ngũ của bọn đế quốc, chúng tôi không được hiểu một chút nào sự thật về ngày đó.

Bọn đế quốc không nói một chút nào tại sao nhân dân Pháp đã tiến hành lật đổ chế độ áp bức vào ngày 14 tháng 7 năm 1789, thay vào đó nền cộng hòa dân chủ với châm ngôn: “Tự do, Bình đẳng, Bác ái”.

Nhưng chúng tôi có thể nhận thấy rằng: ở Bắc Phi cũng như ở Đông Dương và các thuộc địa của Pháp, bọn đế quốc và thực dân Pháp, chư hầu của Mỹ, chống lại Tự do, Bình đẳng, Bác ái của các dân tộc. Châm ngôn cao đẹp này đã bị dày xéo dưới đất. Bọn đế quốc Pháp phản bội tổ tiên của họ là những người đã làm nên cuộc cách mạng 1789.

Nhờ chính sách khoan hồng của Chủ tịch, chúng tôi đã có thể nhìn thấy sáng ra một chút và chúng tôi đã có thể hiểu được ý nghĩa thật của ngày này. Hôm nay, chúng tôi cảm ơn Chủ tịch với tất cả tấm lòng của mình, vì thái độ cao quý mà Chủ tịch quan tâm cho phép chúng tôi kỷ niệm ngày 14 tháng 7 đúng với ý nghĩa thật của nó.

Những người tù binh chúng tôi ở trại số 39 yêu cầu một nền hòa bình tức khắc ở Đông Dương và hồi hương quân đội viễn chinh Pháp. Cuộc chiến tranh phi nghĩa này phải chấm dứt. Chúng tôi không muốn một chút nào còn là tòng phạm của đế quốc Pháp - Mỹ buôn bán với nhau, hai tay nhúng đỏ máu của hàng vạn người Đông Dương, những nạn nhân vô tội, chỉ có nguyện vọng là được Tự do, Bình đẳng và Bác ái.

Chúng tôi tỏ lòng cảm ơn Ngài Chủ tịch và toàn thể dân tộc của Ngài về chính sách khoan hồng của Ngài mà chúng tôi quan tâm. Chúng tôi sẽ không bao giờ quên những ưu đãi mà Chủ tịch đã dành cho chúng tôi, ngày hôm qua còn là kẻ thù của Ngài, còn cầm vũ khí chống lại dân tộc đồng cảm của Ngài.

Chúng tôi kính chúc Ngài với tất cả tấm lòng chân thành của mình sống lâu để có thể mang lại Tự do, Độc lập và Hạnh phúc cho dân tộc Ngài.

Tự do, Bình đẳng và Bác ái của các dân tộc muôn năm!

Đả đảo chủ nghĩa đế quốc gây chiến!

Đả đảo chiến tranh xâm lược bản thù!"

Dưới là 100 đại biểu có tên, số lính, cấp bậc, đơn vị và chữ ký.

Ngày 15-2-1955, Chính phủ ta cho những hàng binh Angiêri, Tuynidi, Maroc, Xênegan hồi hương

bằng con đường của quân đội Liên hiệp Pháp.

Thực tiễn của chiến trường Việt Nam mà những người lính châu Phi trong đội quân viễn chinh xâm lược của thực dân Pháp đã sống, chiến đấu, cùng với công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục và thực hiện chính sách tù, hàng binh rất nhân đạo của Chính phủ ta làm cho rất nhiều người giác ngộ, thấy rõ bản chất chính sách của chủ nghĩa đế quốc và việc làm hết sức vô nhân đạo cùng những thủ đoạn lừa bịp của chúng. Khi được hồi hương, họ tham gia các hoạt động yêu nước, xây dựng lực lượng vũ trang và chiến đấu rất dũng cảm vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Có những người trở thành cán bộ nòng cốt trong các lực lượng vũ trang giải phóng, là cán bộ cao cấp của mặt trận dân tộc giải phóng và sau khi giành được độc lập rồi, đã giữ những cương vị quan trọng trong bộ máy nhà nước. Qua những bài báo, diễn văn, lời phát biểu trong các cuộc tiếp xúc quốc tế, họ biểu thị lòng biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam đã giác ngộ và chỉ đường cho họ đi tới cách mạng giải phóng.

Manuinxki, Ủy viên Đoàn chủ tịch Quốc tế Cộng sản nói tại Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản (1924) về trách nhiệm của Đảng Cộng sản Pháp đối với 250.000 lính da đen trong quân đội Pháp là phải giáo

dục họ để mai đây, khi cuộc cách mạng bùng nổ, 250.000 người lính đó sẽ chuyển sang trận tuyến của chúng ta chống lại chủ nghĩa đế quốc. Tư tưởng chỉ đạo sáng suốt trên đây được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng thắng lợi trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc Việt Nam và góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng các dân tộc châu Phi.

Với bút danh Đ.X. (trên báo *Cứu quốc*) và C.B. (trên báo Nhân Dân), Chủ tịch viết về nhân dân các nước Cônggô, Angiêri, Kênia đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.

- “Ở Cônggô, 45 tên chủ đồn điền Pháp, mỗi tên cướp hàng vạn mẫu ruộng của dân bản xứ. Năm 1946, một tên Pháp chiếm một vùng mả, rộng 18.000 km². Nó trả mỗi kilômét vuông ... 2 xu.

Nhân dân các xứ da đen ngày càng giác ngộ và đấu tranh khá hăng. Đầu năm nay (1951), dân xứ Gôn Cốt (Gold Coast) thuộc địa Anh đấu tranh tợn. Thực dân Anh bầu ra một trò dân chủ giả hiệu để lừa phỉnh dân. Chúng tổ chức một cuộc tuyển cử dân biểu hồi tháng 3. Kết quả là nhóm cách mạng của dân bản xứ thắng to. Trong 38 ghế đại biểu, họ tranh 36 ghế. Lãnh tụ nhóm ấy là ông Nruma Cooamê lúc đó đang ngồi tù. Sau cuộc thắng lợi ấy (ông cũng được bầu), thực dân Anh phải thả ông ra. Thắng lợi ấy làm rung động

tất cả các thuộc địa châu Phi và làm cho nhân dân da đen càng thêm hăng hái”⁽¹⁾.

Nói về thủ đoạn đầu độc để làm tiêu mòn dân bản xứ, C.B. viết: “Ở các thuộc địa châu Phi đen, thực dân Pháp bán rượu ngày càng nhiều. Kết quả là số người ở những nơi ấy không tăng thêm mà giảm sút nhiều. Ví dụ: ở Congo, trong 40 năm số người giảm mất 30%”⁽²⁾.

- Ở Angiêri, “hôm 6-8-1951, hơn 1000 đại biểu của Đảng Cộng sản và các đảng phái, đoàn thể yêu nước đã khai hội, thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất của nhân dân Angiêri. Hội nghị đã cử ra một ban chấp hành gồm 30 vị và đã ra một bản tuyên ngôn:

+ Đòi xin bỏ cuộc tổng tuyển cử giả hiệu hôm 17-6-1951.

+ Đòi quyền tự do tư tưởng, tự do tổ chức, tự do làm báo chí.

+ Đòi thả các chính trị phạm

+ Chống chính sách khủng bố của Pháp...

Mặt trận ấy lấy tên là Mặt trận gìn giữ quyền tự do”⁽³⁾.

⁽¹⁾ Báo *Cứu quốc*, ngày 21-8-1951.

⁽²⁾ Báo *Nhân Dân*, ngày 1-3/5-3-1954.

⁽³⁾ Báo *Cứu quốc*, ngày 15-10-1951.

- C. B. viết một bài tương đối dài ca ngợi “*Kênia anh dũng*”⁽¹⁾. “Kênia là một thuộc địa Anh, ở phía đông châu Phi, trên ven Ấn Độ Dương, có 5 triệu dân da đen.

Tuy ở xứ nóng, nhưng nhiều nơi đất tốt, lại có mỏ vàng và ruộng muối. Thủ đô là Nairôbi, có 100.000 người trong đó có 11.000 người da trắng.

Cũng như thực dân Pháp ở Việt Nam, thực dân Anh ở Kênia thông đồng với thế lực phong kiến địa chủ, và chiếm hết đất tốt, mỏ vàng, ruộng muối của nhân dân. Một bộ phận nhân dân Kênia vì nghèo khổ mà phải đi làm công ở các mỏ vàng và đồn điền của thực dân Anh. Họ bị bóc lột và áp bức tàn tệ. Đồng thời họ đã thành một giai cấp công nhân giác ngộ. Còn một phần lớn là bần nông và cố nông, sinh hoạt rất cực khổ. Tính trung bình thì 200 người Kênia chỉ có một người biết chữ. Một điều đó chứng tỏ thực dân Anh áp bức, bóc lột nhân dân Kênia đến chừng mực nào.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc sôi nổi khắp nơi và lan đến Kênia. Công nhân, nông dân và tiểu tư sản Kênia bèn tổ chức Mặt trận Dân tộc thống nhất, gọi là “Hội Liên hiệp

⁽¹⁾ Báo Nhân Dân, ngày 21- 4/25-4-1953.

Kênia châu Phi” dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Từ tháng 10 năm ngoái (1952), nhân dân phía nam Kênia nổi lên đấu tranh kịch liệt. Khẩu hiệu của họ là:

“Giành lại ruộng đất của chúng ta
Thực dân Anh, cút đi!”

Theo tin tức của Anh thì 3 phần 4 nhân dân Kênia tham gia phong trào ấy. Thực dân Anh động viên nhiều quân đội đến đàn áp, nhưng phong trào du kích ngày càng mở rộng. Ngoài giáo mác gậy gộc, họ đã chế tạo được những vũ khí thô sơ như mìn, lựu đạn...

(...) Có thể nói: nhân dân chỉ dựa vào tinh thần đoàn kết, đường lối chính trị, lực lượng toàn dân để bù lại sự thiếu thốn về mặt quân sự. Điều đó càng làm nổi bật sự dũng cảm của nhân dân Kênia”.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chúng ta biết tin về tình hình các nước châu Phi chủ yếu qua đài phát thanh và hãng thôn tấn AFP của Pháp. Những tin phát đi từ các nguồn trên đây không những ít mà còn bị cắt xén đi những điều không có lợi về chính trị đối với đế quốc Pháp. Trong khoảng thời gian này, những cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc châu Phi chưa phát triển mạnh mẽ, đều khắp như cuối những năm 50, đầu những năm 60. Cố lẽ vì

thế mà Chủ tịch Hồ Chí Minh viết ít về các nước châu Phi chống chủ nghĩa đế quốc.

III. Thời kỳ sau giải phóng miền Bắc và tiếp tục đấu tranh giải phóng miền Nam

Cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi tháng 7-1954, miền Bắc Việt Nam hoàn toàn giải phóng, chuyển sang thời kỳ khôi phục kinh tế, đưa miền Bắc tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa và làm hậu phương lớn cho miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai để hoàn toàn giải phóng tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

Trong thời gian từ năm 1954 trở đi, phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội, chống nguy cơ một cuộc chiến tranh thế giới mới có sự phát triển mạnh mẽ, rộng khắp. Một sự kiện chính trị nổi bật lên trong thời kỳ này là sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Phi và một loạt nước châu Phi độc lập ra đời, chọn con đường tiến bộ để xây dựng đất nước, góp phần cực kỳ quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì những mục tiêu cao cả của thời đại.

Từ năm 1954 đến năm 1969, trước khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, Người đã để nhiều thì giờ suy nghĩ và làm việc vì sự nghiệp giải phóng của các dân

tộc châu Phi, những người bản xứ từ nô lệ đã vùng lên giành lấy độc lập, tự do, tôn biết bao xương máu và tự hào. Người không có dịp trở lại châu Phi để được tận mắt nhìn thấy những người anh em thân thiết đã từng đứng chung trên một chiến hào chống chủ nghĩa đế quốc sung sướng biết ngần nào, nhưng quan hệ giữa Người và châu Phi vẫn ngày càng đậm thắm.

Những bức điện văn, thư, diễn văn chào mừng và tiếp xúc nồng nhiệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nhà hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội, quân sự các nước châu Phi đã gây ấn tượng sâu sắc và lòng kính trọng to lớn của các bạn đối với lãnh tụ chúng ta, góp phần quan trọng vào việc củng cố và tăng cường tình hữu nghị, nâng cao uy tín của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và nhân dân Việt Nam với các nước châu Phi độc lập, trẻ tuổi đang tìm con đường đi tới tương lai tươi sáng.

Với bút danh C. B. Trần Lực, Thanh Lan, Chiến sĩ, T.L., Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết nhiều bài trên báo Nhân Dân, tiếp tục ủng hộ những cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ độc lập dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, tham gia tích cực vào sự nghiệp vì hòa bình, độc lập và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới trong đó có nhân dân các nước châu Phi.

Sau đây là ba sự kiện đáng ghi nhớ

1. Mỗi khi có một nước mới giành được độc lập, thành lập chính phủ lâm thời, hàng năm, đến dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh của nước bạn, Chủ tịch Hồ Chí Minh có điện văn “thay mặt nhân dân Việt Nam, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và nhân danh cá nhân” gửi đến nguyên thủ những lời chào mừng nhiệt liệt và kính chúc sự phồn vinh.

Ngày 27-9-1958, Người gửi điện đến Thủ tướng lâm thời nước Cộng hòa Angiêri Phera Apba⁽¹⁾:

“Thưa Ngài Thủ tướng thân mến,

Nhân dịp thành lập Chính phủ lâm thời nước Cộng hòa Angiêri, thay mặt nhân dân Việt Nam, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và nhân danh cá nhân, tôi xin gửi đến Ngài, Chính phủ Angiêri và các bạn Angiêri anh dũng lời chào mừng nhiệt liệt và xin chân thành chúc các bạn thắng lợi lớn trong cuộc đấu tranh cho nền độc lập dân tộc”.

Tổng thống Ghinê Xêcu Turê là Thủ tướng, được bầu làm Tổng thống kiêm Bộ trưởng Ngoại giao và Quốc phòng sau khi Ghinê tuyên bố độc lập. Ngày 5-10-1958, ông gửi điện văn đến Chủ tịch Hồ Chí Minh báo tin Quốc hội Ghinê đã tuyên bố nước Cộng

⁽¹⁾ Phera Apba cùng ba nghị sĩ Angiêri trong Quốc hội Pháp đến thăm Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 5-7-1946, khi Người đang ở thăm nước Pháp như đã nói ở trên.

hòa Ghinê độc lập, đã thành lập chính phủ mới, và đề nghị kiến lập quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Ngày 9-10, Chủ tịch điện gửi Tổng thống Xêcư Turê:

“Tôi rất sung sướng tiếp được bức điện Ngài gửi cho.

Thay mặt nhân dân Việt Nam, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và nhân danh cá nhân tôi, tôi xin kính gửi Ngài cùng Chính phủ và nhân dân Ghinê lời chào mừng nhiệt liệt và xin kính chúc nước Ghinê tự do và dân chủ được phồn vinh.

Việc thành lập nước Cộng hòa Ghinê là một thắng lợi to lớn của nhân dân Ghinê và một lần nữa chứng tỏ rằng tinh thần các Hội nghị Băng đung⁽¹⁾, Lơ Ke⁽²⁾ và Accra⁽³⁾ đã không ngừng thúc đẩy phong trào giải phóng ngày càng lớn mạnh của các dân tộc bị áp bức ở Á Phi.

Xin kính gửi Ngài lời chào huynh đệ”.

Ngày 19-9-1959, nhân dịp kỷ niệm một năm ngày

⁽¹⁾ Hội nghị các nước Á Phi họp ở Băng đung (Indônêxia) khai mạc ngày 18-4-1955.

⁽²⁾ Đại hội nhân dân các nước Á Phi họp ở Lơ Ke (Ai Cập) từ ngày 27-12-1957.

⁽³⁾ Hội nghị các dân tộc toàn châu Phi họp ở Accra (Gana) khai mạc ngày 5-12-1958.

thành lập Chính phủ lâm thời nước Cộng hòa Angiêri, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện đến “Thủ tướng Phera Apba và nhân dân Angiêri anh em lời chúc mừng nhiệt liệt.

Chúc mừng nhân dân Angiêri thu nhiều thắng lợi to lớn

Chúc tình hữu nghị giữa hai dân tộc Việt Nam và Angiêri ngày càng bền vững. Chúc Ngài Thủ tướng luôn luôn mạnh khỏe”.

Đối với tất cả các nước khác ở châu Phi trong những ngày có ý nghĩa lịch sử chính trị quan trọng như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều có điện văn chúc mừng. Cùng với Chủ tịch, còn có điện văn của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ta gửi tới chúc mừng Thủ tướng và Bộ trưởng Ngoại giao nước bạn với những tình cảm chân thành, kính trọng, hữu nghị.

2. Nhận lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với các vị nguyên thủ các nước châu Phi độc lập đến thăm Việt Nam dân chủ cộng hòa, đoàn đầu tiên của châu Phi đến Hà Nội là các vị khách quý Ghinê, do Tổng thống Xêcu Turê dẫn đầu, ngày 15-9-1960.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đến sân bay Gia Lâm đón Tổng thống Xêcu Turê cùng các vị trong đoàn và đọc bài diễn văn chào mừng:

“Thưa Tổng thống Xêcu Turê, người anh em kính mến của tôi,

Thưa các vị khách quý cùng đi với Tổng thống,

Thưa các bạn,

Hôm nay, chúng tôi vô cùng sung sướng được đón tiếp Tổng thống Xêcu Turê, vị lãnh tụ kính mến của nhân dân Ghinê, người bạn kính mến của nhân dân Việt Nam.

Hơn 40 năm trước đây, một nhóm thanh niên yêu nước người các thuộc địa Pháp, trong đó có thanh niên Việt Nam và thanh niên Ghinê đã cùng nhau đoàn kết đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân để giành tự do, độc lập cho đất nước mình.

Ngày nay, hai nước chúng ta đã giành được độc lập⁽¹⁾. Nhiều thuộc địa cũ của Pháp ở châu Á và châu Phi đã giành được độc lập. Nhiều thuộc địa khác đang đấu tranh và chắc chắn sẽ giành được độc lập. Trong lúc phong trào giải phóng dân tộc đang cuộn cuộn lên cao như nước thủy triều, thì Tổng thống và các vị đã từ bên kia Đại Tây Dương sang bên này Thái

⁽¹⁾ Nước Cộng hòa Ghinê ở Tây Phi, bị thực dân Pháp chiếm làm thuộc địa năm 1890. Diện tích: 246.000km². Dân số: 5,18 triệu người (1983). Ngày 2-10-1958, Ghinê tuyên bố độc lập. Tổng thống đầu tiên của nước Ghinê độc lập là Xêcu Turê nắm quyền, cho đến tháng 3-1984, khi ông qua đời. Nước Cộng hòa Ghinê thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam ở cấp đại sứ từ ngày 9-10-1958, ngay sau khi giành được độc lập.

Bình Dương để mang lại tình anh em thắm thiết của nhân dân Ghinê đến cho nhân dân Việt Nam. Thật là:

“Bây giờ mới gặp nhau đây

Mà lòng đã chắc những ngày thanh niên”

Ghinê cách Việt Nam hơn 13.000km (theo đường thẳng) nhưng tinh thần nhân dân hai nước chúng ta thì rất gần gũi nhau như anh em. Nhân dân và Chính phủ chúng tôi hoan nghênh Tổng thống cùng các vị cùng đi trong đoàn với tấm lòng nhiệt liệt như hoan nghênh những người anh em từ phương xa mới về. Và chúng tôi rất mong rằng Tổng thống và các vị sẽ coi ở đây cũng như ở nhà mình vậy.

Chúc Tổng thống vui vẻ, mạnh khỏe!

Chúc các vị trong đoàn vui vẻ, mạnh khỏe!

Tình hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Ghinê muôn năm!

Nhân dân các nước Á Phi đoàn kết chặt chẽ muôn năm!”.

Tổng thống Xêcu Turê đọc diễn văn đáp từ, có đoạn: “Chúng tôi xin kính chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người không chỉ tượng trưng cho ý chí của các bạn quyết chiến thắng sự đau khổ, nghèo nàn và khôi phục nền văn hóa, nền văn minh và nhân cách của các bạn, mà còn là tượng trưng cho ý chí của tất cả những người đang đấu tranh cho những lý tưởng đó”.

Sau mấy ngày gặp gỡ, trao đổi, ngày 18-9-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng thống Xêcu Turê ký bản Tuyên bố chung của hai nước.

Đoàn đại biểu thứ hai của Chính phủ một nước châu Phi độc lập đến thăm Việt Nam là đoàn Mali⁽¹⁾, do Tổng thống Môđibô Cáyta dẫn đầu, đến Hà Nội ngày 18-10-1964.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đến sân bay Gia Lâm đón Tổng thống và phu nhân cùng các vị trong đoàn. Trong diễn văn chào mừng, Chủ tịch gọi Tổng thống là “người anh em kính mến của tôi”. Trong diễn văn đáp từ, Tổng thống gọi Chủ tịch là “người đồng chí và người anh em của tôi”.

Buổi tối 18-10, Đảng và Chính phủ ta tổ chức tiệc chiêu đãi đoàn Mali. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bài diễn văn dài, súc tích, nhân danh “Đảng Lao động Việt Nam, Chính phủ, Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệt liệt cảm ơn và chào mừng Tổng thống Môđibô Cáyta và Phu nhân, chào mừng các vị trong Bộ Chính trị Đảng

⁽¹⁾Nước Cộng hòa Mali ở Tây Phi, bị thực dân Pháp chiếm làm thuộc địa từ cuối thế kỷ thứ XIX. Diện tích: 1.204.000km². Dân số: 7,5 triệu người (1983). Dưới sự thống trị của thực dân Pháp, Mali gọi là Xudăng thuộc Pháp (Soudan francaise). Mali tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Mali ngày 22-6-1960. Môđibô Cáyta làm Tổng thống nước Cộng hòa Mali từ tháng 9-1960 đến tháng 11-1968. Cộng hòa Mali thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam ở cấp đại sứ từ ngày 31-10-1960.

Liên minh Xuđăng và tất cả các vị khách quý Mali đến thăm đất nước chúng tôi”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh ca ngợi những thắng lợi về mọi mặt đối nội và đối ngoại mà nhân dân Mali đã giành được từ khi đất nước được độc lập.

Chủ tịch nhắc lại vắn tắt những lời tuyên bố gần đây của Tổng thống: Ngày 1-5-1964, Tổng thống bày tỏ sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân Mali đối với nhân dân Ănggôla, Nam Phi, Nam Việt Nam đang chiến đấu cho độc lập dân tộc. Ngày 8-10-1964, ở Hội nghị các nước Không liên kết họp tại Lơ Ke, Tổng thống kịch liệt lên án bọn đế quốc thực dân, đặc biệt là lên án đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam Việt Nam. Sau khi đòi bọn đế quốc thực dân phải chấm dứt ngay sự can thiệp vào nội bộ của Ănggôla, Nam Phi, Nam Triều Tiên, Nam Việt Nam và những nơi khác, Tổng thống nghiêm khắc đòi: quân đội nước ngoài phải rút khỏi miền Nam Triều Tiên, Nam Việt Nam...

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Tôi xin thay mặt nhân dân Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - và tôi cũng xin phép thay mặt các dân tộc anh em đang chống đế quốc Mỹ để giành lại độc lập dân tộc - thành thật cảm ơn Tổng thống Môđibô Câyta và nhân dân Mali anh em”.

Tiếp theo, Chủ tịch nói về cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam Việt Nam chống đế quốc Mỹ và tay sai ngày càng thu được thắng lợi to lớn. Thất bại, đế quốc Mỹ điên cuồng đẩy mạnh chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, khiêu khích nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, âm mưu mở rộng chiến tranh ra miền Bắc Việt Nam, tăng cường vũ trang can thiệp vào Lào, uy hiếp nền trung lập và xâm phạm lãnh thổ Campuchia, gây nên tình hình cực kỳ căng thẳng ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Chủ tịch nói lên nguyện vọng hòa bình, kiên quyết chống đế quốc Mỹ của nhân dân ta, nhắc lại giải pháp đúng đắn cho vấn đề Việt Nam. Trong cuộc đấu tranh này, nhân dân yêu chuộng hòa bình toàn thế giới, trong đó có nhân dân Mali, đồng tình và ủng hộ nhân dân Việt Nam. Mặt khác, nhân dân Việt Nam tận tình ủng hộ nhân dân các nước đang đấu tranh chống đế quốc thực dân, đứng đầu là đế quốc Mỹ, để giành lại và giữ gìn độc lập dân tộc và xây dựng đất nước phồn vinh.

Đáp từ, Tổng thống Môđibô Cáyta cảm ơn Chủ tịch, nói: “Đảng Lao động Việt Nam đứng đầu là người dẫn đường can trường và lỗi lạc, vị lãnh tụ kính yêu của tất cả các dân tộc châu Á, châu Phi, châu Mỹ latin, đó là người anh em, người bạn của chúng tôi, Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

Sáng 19-10, Chủ tịch Hồ Chí Minh mời Tổng thống Môđibô Cáyta đến dự cuộc mít tinh lớn của nhân dân thủ đô Hà Nội hoan nghênh cuộc đi thăm của Tổng thống. Kết thúc đáp từ, Tổng thống hô: “Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm!”.

Trong thời gian ở thăm Việt Nam, Chủ tịch đã mời Tổng thống cùng đi thăm Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo, triển lãm hình ảnh nước Cộng hòa Mali, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Viện Bảo tàng cách mạng Việt Nam. Hai vị nguyên thủ hai nước anh em được cán bộ, công nhân, học sinh ở những nơi đến thăm nhiệt liệt hoan nghênh.

Ngày 22-10-1964, hai vị ký tên vào bản Thông cáo chung, biểu thị tình đoàn kết gắn bó giữa Chính phủ và nhân dân hai nước Việt Nam - Mali ngày càng củng cố và phát triển tốt đẹp; cùng nhau nghiêm khắc lên án những hành động can thiệp, xâm lược, đàn áp trắng trợn, bao vây và đe dọa của chủ nghĩa đế quốc đối với châu Phi, châu Á và châu Mỹ latin.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận lời mời sang thăm hữu nghị nước Cộng hòa Mali vào thời gian mà Chủ tịch cho là thích hợp.

Trong buổi tiễn biệt Tổng thống, Chủ tịch đọc bài diễn văn ngắn với tình cảm thăm thiết, có mấy câu thơ:

Gặp nhau mới được mấy ngày
 Bây giờ đã tạm chia tay
 Tiễn đưa, nhớ buổi hôm nay
 Bạn về, chúc bạn ngày ngày thành công.
 và hô khẩu hiệu bằng tiếng Mali: “Ka Mali uy
 Việt Nam ba lu!”

Máy bay đưa đoàn Mali ra khỏi vùng trời Việt Nam, Tổng thống Môđibô Cáyta điện cảm ơn, có câu: “Kính chúc Bác Hồ dồi dào sức khỏe và sống lâu”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tuổi ngày càng cao, sức khỏe giảm sút dần, trong khi đó, đế quốc Mỹ đẩy mạnh chiến tranh ở miền Nam và mở rộng đánh phá miền Bắc, công việc rất bận rộn, nên Người không thực hiện được những chuyến đi thăm châu Phi theo lời mời của các vị nguyên thủ các nước. Các nhà lãnh đạo các nước châu Phi cũng không có điều kiện đến thăm Việt Nam cho đến khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, nhưng tấm lòng của Người vẫn dành cho các bạn châu Phi đang chiến đấu và chiến thắng, vui mừng trước mỗi bước tiến lên và lo lắng trước mỗi khó khăn phải vượt qua, coi sự nghiệp cách mạng của nhân dân các nước châu Phi như của bản thân mình.

Các nhà báo, nhà văn, các đoàn đại biểu quân sự, đại biểu giáo dục và đại biểu phụ nữ... một số nước châu Phi đến thăm Việt Nam, được Chủ tịch Hồ Chí

Minh đón tiếp ân cần, thăm thiết với tình bạn chiến đấu từ chiến trường xa trở về, từ đó mang theo mối cảm tình nồng thắm của Người đến với nhân dân châu Phi anh em trên cùng một chiến tuyến.

Trong cuộc chiến đấu gian khổ và anh dũng của nhân dân Angiêri chống thực dân Pháp, người con gái vinh quang của Angiêri Giamila 22 tuổi bị kẻ thù bắt được. Tòa án quân sự của thực dân Pháp quyết định xử tử Giamila. Cả thế giới phản nộ, lên tiếng phản đối vụ xử án dã man này. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện đến Tổng thống Pháp Rô-nê Cô-tý ngày 7-3-1958 như sau:

“Kính gửi ông Rô-nê Cô-tý, Tổng thống nước Cộng hòa Pháp. Tôi vô cùng xúc động trước việc chị Giamila Buhirét, người nữ thanh niên yêu nước Angiêri, bị kết án tử hình. Thay mặt nhân dân Việt Nam, tôi đề nghị Ngài có biện pháp phù hợp với truyền thống yêu chuộng công lý và nhân đạo của nhân dân Pháp để cứu sống tính mạng của chị Giamila.

Kính gửi Ngài lời chào trân trọng.

HỒ CHÍ MINH, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà”.

Tổng thống R. Cô-tý đứng đầu một ủy ban đặc biệt 14 người nghiên cứu những kiến nghị ân xá

Giamila. Ngày 12-3-1958, Hội đồng Tư vấn tối cao Pháp dưới quyền chủ tọa của Tổng thống Pháp R. Côty, dưới áp lực của dư luận quốc tế, buộc phải hủy bản án tử hình Giamila, đồng thời rút bản án xử tử hai phụ nữ Angiêri khác, thay bằng các bản án khổ sai chung thân.

Giamila dũng cảm tuyên bố trước tòa án: “Dù sao tôi vẫn là người vô tội... Sự thật là tôi yêu nước tôi, tôi muốn thấy nước tôi được tự do... Giết tôi, các người chỉ bôi nhọ danh dự nước Pháp chứ không thể ngăn nổi nước Angiêri độc lập...”

Sau khi tòa án giảm xử tử xuống khổ sai chung thân cho Giamila, dư luận các nước tiếp tục đấu tranh đòi trả lại tự do cho chị.

3. Những cuộc phối hợp đấu tranh chung của các nước Á Phi có tác dụng quan trọng trực tiếp đối với sự nghiệp cách mạng của châu Phi. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm theo dõi các cuộc hội nghị các nước Á Phi dưới mọi hình thức và bày tỏ cảm tình sâu sắc của mình qua các điện văn chào mừng.

Ngày 27-12-1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện chào mừng Đại hội nhân dân Á Phi họp ở Lơ Ke.

“Thay mặt nhân dân Việt Nam là một thành viên trong đại gia đình nhân dân các nước Á Phi, tôi xin trân trọng gửi lời chào mừng nhiệt liệt tới Đại hội

nhân dân Á Phi họp giữa lúc các lực lượng đế quốc đang theo đuổi một chính sách chiến tranh lạnh để đẩy mạnh cuộc chạy đua vũ trang, làm tăng thêm tình hình căng thẳng và nguy cơ chiến tranh, đặc biệt là ở khu vực Trung, Cận Đông, đe dọa chủ quyền và nền độc lập của nhiều nước Á Phi. Tôi tin rằng những người đại biểu của 1.500 triệu nhân dân Á Phi đoàn kết trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, chống đế quốc xâm lược, sẽ ngăn chặn được những kẻ phiêu lưu gây một cuộc chiến tranh nguyên tử tàn khốc cho nhân loại, làm cho những nguyên tắc về cùng tồn tại hòa bình nêu lên trong Hội nghị Băngđung được thắng lợi, để củng cố tình hữu nghị và sự hợp tác giữa nhân dân các nước Á Phi và nhân dân toàn thế giới.

Tôi xin chúc Đại hội thành công rực rỡ”.

Ngày 11-4-1960, Hội nghị đoàn kết nhân dân Á Phi họp ở Cônacori, thủ đô nước Cộng hòa Ghinê, Chủ tịch gửi điện chào mừng, “thành tâm chúc Hội nghị thu được nhiều thắng lợi trong việc thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết của nhân dân Á Phi để đẩy mạnh phong trào dân tộc chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình ở châu Á, châu Phi và trên toàn thế giới”.

Đến Hội nghị bất thường Hội đồng đoàn kết nhân dân Á Phi họp ngày 18-1-1961, Chủ tịch có điện tới chào mừng.

Khi Hội Nhà báo Á Phi họp ở Giacácta, ngày 24-4-1965, Chủ tịch điện chào mừng, có câu: “Đối với những người viết báo chúng ta, cây bút là vũ khí sắc bén, bài báo là tờ lịch cách mạng để động viên quần chúng đoàn kết đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chống chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, vì độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội và hòa bình thế giới”.

Từ ngày 4 đến ngày 6-4-1967, các vị đứng đầu nước Cộng hòa Arập thống nhất, Angiêri, Ghinê, Môritani, Tãngdania họp ở Lơ Ke, lên tiếng ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện đến Hội nghị, coi việc lên án Mỹ xâm lược Việt Nam, đòi Mỹ phải chấm dứt tức khắc và không điều kiện việc ném bom nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, phải rút lực lượng Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, phải thừa nhận Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam là đại diện duy nhất có giá trị, và tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam, là một sự ủng hộ quý báu đối với cuộc kháng chiến chính nghĩa của Việt Nam và một biểu hiện đẹp đẽ của tình đoàn kết giữa nhân dân các nước Á Phi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn giáo dục nhân

dân ta coi trọng việc đoàn kết với nhân dân các nước Á Phi, vì lợi ích của nhân dân Á Phi - trong đó có lợi ích của nhân dân Việt Nam - và vì hòa bình thế giới. “Chúng ta cần phải tăng cường hơn nữa tình đoàn kết với các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, củng cố hơn nữa tình hữu nghị với các nước yêu chuộng hòa bình, nhất là các nước láng giềng và các nước Á Phi⁽¹⁾” (Người trích lại nhấn mạnh). Chúng ta tin tưởng cuộc đấu tranh chính nghĩa của các nước Á Phi nhất định thắng lợi⁽²⁾. Về nhân tố quốc tế bảo đảm cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta giành thắng lợi, Người nói trước hết sự giúp đỡ vô tư của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, rồi đến nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, “nhất là nhân dân các nước Á Phi⁽³⁾”. Người hoan nghênh mọi cơ hội tăng cường quan hệ với các nước Á Phi⁽⁴⁾...

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam chăm chú theo dõi sự phát triển của cách mạng ở châu Phi. Qua các cơ quan thông tin đại chúng, các đoàn đại biểu Đảng, Nhà nước, các đoàn

(1), (2), (3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1996, t.8, tr.313, 315, 484.

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1996, t.9, tr.41.

thể đến thăm châu Phi, các cuộc tiếp xúc với các đại biểu các nước châu Phi ở trong nước và nước ngoài, nhân dân ta biểu thị sự ủng hộ mạnh mẽ nhân dân các nước châu Phi anh em trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Một hoạt động có ý nghĩa rất sâu sắc là sự tham gia của đông đảo quần chúng vào việc đoàn kết với châu Phi: hưởng ứng lời kêu gọi của Liên hiệp Công đoàn thế giới tổ chức “Tuần lễ tỏ tình đoàn kết với công nhân và nông dân Angiêri” bắt đầu từ ngày 7-4-1957, 7 vạn người họp mít tinh tại thủ đô Hà Nội nhất trí thông qua bức thư gửi đến nhân dân Angiêri đang đấu tranh chống đế quốc Pháp; nhân dân ta mít tinh ở nhiều nơi phản đối thực dân Pháp ném bom tàn sát nhân dân làng Xakiét ở Tuynidi đầu tháng 2-1958; Ủy ban Đoàn kết nhân dân Á Phi của Việt Nam, Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Hội Liên hiệp Sinh viên Việt Nam họp tối 15-3-1958, quyết định thành lập Ủy ban đấu tranh cho nền độc lập của Angiêri ở Việt Nam, nhân dân khắp nơi tham gia ngày “Toàn Á Phi đoàn kết với Angiêri” (30-3-1958) và “Ngày đòi đế quốc Mỹ rút khỏi châu Phi”(1-12-1958), “Tuần đoàn

kết với nhân dân châu Phi”...

Nhân dân ta hết sức vui mừng và cảm động nhận được sự ủng hộ chí tình của chính phủ, các tổ chức nhà nước và quần chúng của các nước châu Phi đối với cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược; những tiếng thét phẫn nộ khi nghe tin đế quốc Mỹ tàn sát đồng bào miền Nam và ném bom miền Bắc Việt Nam; họp mít tinh quần chúng và các hội nghị nhà nước, đoàn thể ra nghị quyết ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của Việt Nam, đòi quân đội Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam; nồng nhiệt tiếp các đoàn đại biểu của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đến thăm hay tham dự hội nghị ở các nước châu Phi; công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và đặt quan hệ ngoại giao ở cấp đại sứ với nước ta; lên tiếng tại các hội nghị quốc tế, kể cả ở Đại hội đồng Liên hợp quốc, ủng hộ Việt Nam chống Mỹ... Ngày 7-2-1968, Chính phủ Angiêri tặng nhân dân miền Nam Việt Nam 10 vạn đô la Mỹ, Đảng, Mặt trận giải phóng dân tộc Angiêri tặng quân và dân miền Nam Việt Nam 30 vạn đina.

Đó là sự ủng hộ vô cùng quý báu của các nước châu Phi đối với Việt Nam, một sự đáp lại đầy tình nghĩa của những người anh em trên cùng trận tuyến chống chủ nghĩa đế quốc mà chúng ta mãi mãi ghi

sâu. Tình đoàn kết gắn bó giữa nhân dân Việt Nam với các nước châu Phi từ những ngày còn chìm đắm trong vòng áp bức bóc lột của chủ nghĩa đế quốc, được Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh xây dựng, củng cố, ngày càng phát triển tốt đẹp, cùng chiến đấu và chiến thắng vẻ vang.

4. Từ sau khi miền Bắc Việt Nam hoàn toàn giải phóng, với nhiều bút danh khác nhau, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết 28 bài báo về các nước châu Phi, về các hội nghị Á Phi và quốc tế có sự tham dự của các đại biểu châu Phi đăng trên báo Nhân Dân. Trong 28 bài này, có 14 bài viết trực tiếp về nước Angiêri chiến đấu và giành được độc lập, xây dựng nước Cộng hòa dân chủ và nhân dân Angiêri. Người quan tâm nhiều đến vấn đề Angiêri vì Angiêri là một nước lớn ở châu Phi, bị thực dân Pháp chiếm làm thuộc địa từ năm 1830, đã nhiều lần nổi dậy đấu tranh giải phóng nhưng bị đàn áp tàn nhẫn, chỉ từ năm 1954 trở đi mới phát triển thành cao trào đấu tranh, kéo dài 8 năm, trải qua nhiều hy sinh to lớn và giành được độc lập, dân chủ, làm cho chủ nghĩa thực dân cũ bị thêm một đòn tiến công mãnh liệt và thất bại nặng nề, không đủ sức gượng dậy.



*Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp đoàn đại biểu
chính phủ lâm thời Angiêri thăm Việt Nam, 4-5-1960*

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Angiêri là nước châu Phi sớm có phong trào quần chúng ủng hộ cách mạng Việt Nam. Kể từ tháng 7-1949, công nhân khuôn vác ở đây đã bãi công, không chịu làm việc với những tàu Pháp chở binh lính và vũ khí sang Việt Nam và từ Việt Nam về. Đến tháng 7-1954, công nhân bến tàu Angiêri lại bãi công lần nữa. C. B. có thơ:

“Tinh thần quốc tế của công nhân
Quý giá, nghìn vàng há dễ cân
Giai cấp cần lao trong bốn bể

Một lòng tương trợ với tương thân”.

Tháng 8-1954, công nhân khuân vác ở bến tàu Angiê hội họp và gửi thư lên Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“... Được tin đình chiến ở Đông Dương, chúng tôi, những công nhân khuân vác ở bến tàu Angiê, vô cùng vui sướng vì chúng tôi xem thắng lợi của nhân dân Việt Nam cũng là thắng lợi của chính chúng tôi và chúng tôi cảm thấy vinh dự, vì chúng tôi đã góp được một phần nhỏ vào thắng lợi đó.

Thưa Chủ tịch, từ năm 1949, chúng tôi đã quyết định không khuân hàng cho những chuyến tàu sang Việt Nam hoặc từ Việt Nam đến.

Từ ngày đó chúng tôi đã kiên quyết chấp hành quyết định này, mặc dầu chúng tôi đã mất hàng triệu đồng tiền công, chúng tôi đã phải đói khổ và bị bọn chủ, bọn cầm quyền thực dân và bọn công đoàn phản động tìm đủ mọi cách đàn áp, khủng bố.

Chúng tôi thấy rằng đó là cách đúng nhất của những người lao động yêu nước đã tỏ rõ tình đoàn kết của chúng tôi đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam và đồng thời cũng là để bảo vệ quyền lợi cho dân tộc chúng tôi, vì kẻ thù của nhân dân Việt Nam cũng là kẻ đang tròng vào đầu, vào cổ dân tộc chúng tôi một chế độ thối nát, tàn bạo đã bị lịch sử lên án.

Đến nay, sự thật chứng tỏ rằng chúng tôi đã làm đúng và cuộc đấu tranh của chúng tôi là chính nghĩa. Những cố gắng của các chiến sĩ hòa bình đã thu được thắng lợi đầu tiên.

Nhưng chúng tôi biết rằng mặc dầu thất bại, bọn thực dân và bọn hiếu chiến vẫn chưa chịu từ bỏ âm mưu của chúng. Chắc chắn chúng sẽ tìm mọi cách để phát hoại việc thi hành những hiệp định đã ký kết.

Vì thế, cũng như trước đây, chúng tôi đã đấu tranh đòi chấm dứt chiến tranh Đông Dương, ngày nay chúng tôi nguyện sẽ luôn luôn cảnh giác và đấu tranh trong phạm vi hoạt động hàng ngày của chúng tôi để đòi phải thi hành đúng hiệp định đình chiến.

Chúng tôi sẽ đấu tranh mạnh mẽ hơn nữa để đòi phải hồi hương quân đội viễn chinh Pháp, phải hồi hương và giải ngũ tất cả những binh sĩ người Angiêri.

Chúng tôi sẽ hết sức làm việc cho các tàu buôn bán và tìm mọi cách làm cho việc trao đổi kinh tế giữa hai nước chúng ta được dễ dàng thuận lợi và được phát triển có lợi cho cả hai bên.

Chúng tôi hiểu rằng làm như thế tức là chúng tôi phục vụ cho lợi ích của hòa bình và cho lý tưởng độc lập dân tộc.

Xin gửi Chủ tịch tấm lòng kính mến của chúng tôi.

Ký thay Hội nghị: Mêhênr Đuycali
Bualin Bênalí”⁽¹⁾.

Qua bức thư mang tình cảm quốc tế trong sáng của công nhân Angiêri, chúng ta thấy nhân quan chính trị có tầm chiến lược của các bạn ở đây, như cảnh giác trước âm mưu phá hoại hiệp định đình chiến của kẻ thù và đấu tranh đòi chúng phải thi hành đúng hiệp định; đòi hỏi hương quân đội viễn chinh Pháp và binh sĩ bản xứ Angiêri; góp phần mở rộng và tăng cường quan hệ kinh tế giữa hai nước Angiêri và Việt Nam. Các bạn nhận thức sâu sắc rằng những nhiệm vụ trên đây được thông qua những hoạt động hàng ngày, gắn lợi ích của cuộc đấu tranh vì Việt Nam với lợi ích của nhân dân Angiêri, của độc lập dân tộc và hòa bình ở tất cả các nước.

Angiêri tuyên bố độc lập ngày 5-7-1962. Hơn ba tháng sau, ngày 28-10-1962, Angiêri và Việt Nam đã lập quan hệ ngoại giao ở cấp đại sứ. Đây là nước thứ hai ở châu Phi - sau Cộng hòa Ghinê - đặt quan hệ ngoại giao ở cấp đại sứ với Việt Nam và là nước đầu tiên ở châu Phi tiếp nhận đoàn đại biểu thường trực của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, tháng 10-1965.

C. B. nhắc lại một chân lý lịch sử: “Dân tộc nào đã

⁽¹⁾ Báo *Nhân Dân*, ngày 1/3-9-1954.

đoàn kết chặt chẽ, kiên quyết đấu tranh, quyết tâm hy sinh cho Tổ quốc thì không có sức gì chinh phục được họ. Angiêri là một trong những dân tộc như vậy”⁽¹⁾. Tác giả điểm lại các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Angiêri đã diễn ra trong lịch sử kể từ khi thực dân Pháp chiếm trị:

Cuộc khởi nghĩa từ năm 1832 đến năm 1847, do ông Ápen Cađe lãnh đạo.

Năm 1859, dân Bêninaxen khởi nghĩa.

Năm 1864, dân Ulétxidiúc khởi nghĩa.

Năm 1871, hơn 80 vạn dân Cabily khởi nghĩa.

Năm 1945, dân Côngxtăngtinoa khởi nghĩa, 45.000 người đã hy sinh, chỉ có 700 chiến sĩ, nay đã lan khắp Angiêri⁽²⁾.

Về văn bản chính thức, Pháp coi Angiêri như một tỉnh của nước Pháp, nhân dân Angiêri như nhân dân Pháp. Sự thật thì khác hẳn. Nhân dân Angiêri bị áp bức, bóc lột rất tàn tệ, chính những tờ báo tư sản Express, Observateur đã đưa ra những bằng chứng cụ thể, xác nhận sự thật ấy. Nhân dân Angiêri đang đấu tranh đòi giải phóng. Một số lính Pháp rút khỏi Việt Nam đã đi đàn áp Angiêri. Chúng cũng đưa sang Angiêri các thói tàn bạo đã man chúng quen làm ở Việt Nam. Tác giả trích từ các báo chí tiến bộ ở Pháp

(1), (2) Báo Nhân Dân, ngày 10-4-1956.

“ngoài các cuộc càn quét chính thức”⁽¹⁾, trong tháng 10, 11, 12-1955, có những cuộc bắt người vào trại tập trung vô cớ, một lúc bắn chết 12 phụ lão sau khi tra tấn không có bằng cớ gì; tự nhiên bắn xả vào những thương binh của chúng từ trong chiến tranh 1914-1918, rồi bắn luôn 17 dân làng chạy ra xem khi có súng nổ; máy bay và pháo bắn phá tan một làng ở Bát na...

Cuối bài báo, tác giả kết luận: “Thực dân Pháp càng dã man, nhân dân Angiêri chiến đấu càng kiên quyết. Từ xã trưởng đến đại biểu Quốc hội đã theo lệnh nghĩa quân mà từ chức, không hợp tác với Pháp. Hơn 20 vạn binh sĩ của thực dân Pháp, với máy bay, xe tăng đầy đủ, vẫn không làm gì nổi 3.500 chiến sĩ nghĩa quân. Cuộc kháng chiến của Angiêri càng ngày càng mạnh”⁽²⁾.

Để đối phó với sự lớn mạnh của cuộc kháng chiến của nhân dân Angiêri, thực dân Pháp phải không ngừng tăng quân và tăng chi cho ngân sách chiến tranh. Đến đầu năm 1956, mỗi ngày chúng tốn độ 1 tỷ phrăng⁽³⁾. “Trước tình hình ấy, người Angiêri chỉ có một con đường ra: kháng chiến để giành lấy tự do, độc lập. Và nhân dân Việt Nam chỉ có một thái độ đúng: đồng tình với nhân dân Angiêri”⁽⁴⁾.

Bằng một sách lược mềm dẻo, C.B. đề xuất một

(1), (2) Báo Nhân Dân, ngày 3-2-1956.

(3), (4) Báo Nhân Dân, ngày 10-4-1956.

giải pháp về vấn đề Angiêri theo tinh thần hòa bình với Chính phủ Pháp: “Chính phủ Pháp ngày nay tiến bộ hơn những chính phủ trước. Họ đã thừa nhận quyền độc lập của hai nước thuộc địa cũ: Maroc và Tuynidi⁽¹⁾. Họ nên cố gắng tiến một bước nữa: giải quyết vấn đề Angiêri bằng phương pháp hòa bình. Như thế thì họ mới nêu cao được danh dự của Pháp là một nước tôn trọng tự do, bình đẳng, bác ái”⁽²⁾.

Cuộc kháng chiến ở Angiêri chống thực dân Pháp thực sự là một cuộc chiến tranh do toàn dân tham gia và quân giải phóng như là một trung tâm thu hút những người hăng hái cầm vũ khí xông lên chiến đấu và sẵn sàng hy sinh vì tổ quốc. “Hôm 4-5-1956, Tổng hội học sinh Arập ở Angiêri ra lệnh: Tất cả những hội viên có thể cầm súng, đều phải nghỉ học và đi tham gia Giải phóng quân.

Bình luận việc này, hãng thông tin Mỹ UP viết: “Người Pháp nhận định rằng mệnh lệnh của Tổng hội học sinh Arập sẽ cung cấp thêm cho Giải phóng quân nhiều phần tử trí thức. Việc đó chứng tỏ ảnh hưởng ngày càng tăng của kháng chiến đối với tầng lớp trí thức Arập... Nó cũng ăn khớp với tin tức: ở xứ Ôrăng,

⁽¹⁾ Cộng hòa Maroc được độc lập ngày 2-3-1956, Cộng hòa Tuynidi được độc lập ngày 20-3-1956.

⁽²⁾ Báo Nhân Dân, ngày 10-4-1956.

nhiều bác sĩ, giáo sư và luật sư đã bị bắt vì “tội” ủng hộ kháng chiến.

Một trong những thủ lĩnh chính trị và trí thức Arập nổi tiếng, và từ trước thuộc phái thân Pháp là ông Phera Apba, vừa rồi cũng đã đi với Giải phóng quân”⁽¹⁾.

Cho đến giữa năm 1960, Pháp đã dùng đến hơn 50 vạn binh sĩ và mỗi ngày tiêu hơn 2 tỷ pho rã, nhưng càng ngày càng sa lầy. Vì vậy, Đờ Gôn phải nêu ra “quyền tự quyết” và yêu cầu Chính phủ lâm thời Angiêri đàm phán để ngừng bắn.

“Tướng Đờ Gôn là một người tỏ ra yêu nước và ngoan đạo. Cách đây 20 năm, khi Pháp đầu hàng phát xít Đức, ông ta đã chạy sang Anh để kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Vậy để giải quyết tốt vấn đề Angiêri, ông ta nên nhớ lời Chúa dạy: “Chớ làm điều gì (như đi xâm lược đất nước người ta) đối với người khác mà mày không muốn người khác làm với mày”.

Để tỏ ý sẵn sàng chấm dứt chiến tranh, ngày 26-6-1960, Chính phủ Angiêri đã phái người sang Pháp để chuẩn bị cho cuộc đàm phán và chỉ yêu cầu một điều là: đàm phán trên cơ sở bình đẳng giữa hai bên.

Ai cũng mong cho đàm phán có kết quả”.

T.L., tác giả bài báo, phê phán thái độ láo xược của Chính phủ Pháp như: gọi Chính phủ lâm thời

⁽¹⁾ Báo Nhân Dân, ngày 4-6-1956.

Angiêri là “bọn phiến loạn”; chỉ bàn ngừng bắn, không bàn quyền tự quyết; đòi quân giải phóng ngừng bắn trước khi bắt đầu đàm phán...

Chính phủ Angiêri cự tuyệt những điều kiện nhục nhã đó. Ngày 4-7-1960, Angiêri ra thông báo, tuyên bố lý do không cử phái đoàn sang Pháp. Thái độ của Chính phủ Angiêri được nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới đồng tình.

Tác giả trích báo Khmer ngày 3-7-1960: “Chỉ có một trận Điện Biên Phủ của Angiêri thì mới làm cho bọn thực dân Pháp mở mắt ra và rút khỏi Angiêri”, và bình luận: “Hiện nay nhiều thuộc địa cũ ở châu Phi đã thoát khỏi ách thuộc địa và giành được độc lập. Không lực lượng nào có thể ngăn chặn được nhân dân Angiêri anh dũng giành lại độc lập, tự do. Cuộc kháng chiến của Angiêri phải trường kỳ gian khổ, song cuối cùng nhất định thắng lợi”⁽¹⁾.

Trong cuộc họp của Đại hội đồng Liên hợp quốc, đại biểu các nước Á Phi đề nghị xét vấn đề Angiêri. Các nước tư bản đế quốc phản đối. Đề nghị ấy được đa số thông qua. Đoàn Pháp mất mặt, bỏ Đại hội ra về.

C.B. viết: “Pháp về thì về, Đại hội cứ họp, nhân dân Angiêri đấu tranh cứ hăng như thường. Như câu ca dao của ta:

⁽¹⁾ Báo *Nhân Dân*, ngày 7-7-1960.

Có cô thì chợ cũng đông
 Cô đi lấy chồng, chợ vẫn cứ vui”⁽¹⁾.

Tháng 10-1956, vua Maroc mời 5 lãnh tụ kháng chiến Angiêri sang thăm dò ý kiến để tìm giải pháp chấm dứt chiến tranh, đem lại hòa bình giữa Pháp và Angiêri. Khi 5 vị ấy từ Maroc trở về chiến khu bằng máy bay bị máy bay Pháp chặn bắt. Thực dân Pháp vui mừng, cho đó là một đại thắng lợi, không ngờ lại sinh ra cực kỳ rầy rà, lời thôi: Vua Maroc tức giận, gọi đại sứ của mình ở Pháp về. Tuynidi, Maroc và các nước Arập khác đều sôi nổi bãi công, biểu tình chống Pháp⁽²⁾.

Sau khi cuộc kháng chiến của Angiêri giành được thắng lợi, tuyên bố nền độc lập của mình, với bút danh T.L., Chiến sĩ, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết những bài bày tỏ niềm vui mừng của nhân dân Việt Nam và kêu gọi ý thức trách nhiệm của mỗi người Việt Nam đối với việc xây dựng nước Angiêri độc lập, tự do, một nghĩa vụ quốc tế cao cả: “Một miếng khi đói hơn 10 gói khi no”, “Ủng hộ bằng tinh thần là quý. Nhưng giúp đỡ bằng vật chất cũng rất cần”. Tổ chức quyền góp cho mọi người đều có thể tham gia, tập thể và cá nhân, để ai nấy có thể hăng hái hưởng ứng tháng ủng hộ nhân dân Angiêri và nhân dân các nước đang gian khổ đấu tranh cho độc lập dân tộc”.

⁽¹⁾ Báo Nhân Dân, ngày 7-10-1955.

⁽²⁾ Báo Nhân Dân, ngày 3-11-1956.

Tác giả kết thúc bài báo bằng hai câu văn lấy Kiều:

“Trăm năm trong cõi người ta
Giàu lòng bác ái, ấy là Việt Nam”⁽¹⁾.

“Nhân dân Việt Nam và nhân dân Angiêri đã là anh em trong cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân, ngày nay là anh em trong cuộc đấu tranh xây dựng đất nước. Với tình nghĩa sâu nặng đó, nhân dân Việt Nam ta (...) hứa sẽ hết lòng ủng hộ mọi cuộc đấu tranh chính nghĩa của họ”⁽²⁾.

Marốc bị thực dân Pháp chiếm làm thuộc địa từ năm 1912. Từ khi bị kẻ thù bên ngoài thống trị, nhân dân Marốc liên tục đấu tranh đòi giải phóng. Cuộc đấu tranh vũ trang bùng nổ ở Marốc từ tháng 4-1925 làm chấn động các nước châu Phi. Thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp, dập tắt cuộc khởi nghĩa. Nhưng nhân dân Marốc vẫn nuôi ý chí đấu tranh cho độc lập và khi có cơ hội lại vùng lên, cho đến khi giành được chủ quyền dân tộc.

C.B. trích lại mẩu chuyện đăng trên tờ *Express* ngày 9-4-1955 về các em bé học sinh người Marốc yêu nước. “Các em bé Marốc tuy còn ít tuổi, nhưng tinh thần dân tộc đã rất cao, không kém gì người lớn”, và

⁽¹⁾ Báo *Nhân Dân*, ngày 27-9-1962.

⁽²⁾ Báo *Nhân Dân*, ngày 2-11-1963.

cũng na ná như tinh thần yêu nước của các em học sinh Việt Nam⁽¹⁾. Vua Maroc là Yút-xép có xu hướng tiến bộ, năm 1953 bị thực dân Pháp đày sang Mađagaxca. Từ ngày ấy, nhân dân Maroc nổi lên chống Pháp kịch liệt. Ở thôn quê thì họ du kích. Ở thành thị thì họ trừ gian. Họ làm cho Pháp và ngụy ăn không yên, ngủ không được. Dần dần họ tổ chức thành quân đội hản hoi, chiến tranh ngày càng lan rộng.

Chiến tranh ở Maroc gây thiệt hại cho nhân dân Pháp. Vì vậy, nhân dân Pháp cũng chống chiến tranh xâm lược và ủng hộ nhân dân Maroc.

Trước sức đấu tranh của nhân dân ngày càng mạnh mẽ, thực dân Pháp phải đưa Yút-xép trở lại ngôi vua. Ngày 16-11-1955, nhân dân đông đảo đã tổ chức mít tinh hoan nghênh Yút-xép. Trước mắt nhân dân Maroc, vua Yút-xép đã đường hoàng tuyên bố: “Từ nay, Maroc là một nước độc lập, tự do, “chế độ đỡ đầu” 43 năm nay phải chấm dứt. Điều ước “bảo hộ” Maroc buộc phải ký hồi 1917, cũng xóa bỏ.

Thế là cuộc chiến đấu của nhân dân Maroc chống thực dân thu được kết quả vẻ vang. Đó cũng là thắng lợi chung của các dân tộc bị áp bức đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc”⁽²⁾.

⁽¹⁾ Báo Nhân Dân, ngày 26-4-1955.

⁽²⁾ Báo Nhân Dân, ngày 24-11-1955.

Sau một quá trình đấu tranh lâu dài, oanh liệt và thắng lợi, thực dân Pháp buộc phải cùng đại biểu Maroc ra tuyên bố chung ngày 2-3-1956: Chính phủ Pháp trình trọng thừa nhận quyền độc lập của Maroc. Nước Maroc sẽ có ngoại giao và có quân đội của mình; lãnh thổ toàn vẹn của Maroc sẽ được tôn trọng.

Cuộc chiến đấu giữa Maroc và Pháp chấm dứt bằng phương pháp hòa bình, C.B.viết:

“Nhân dân Việt Nam nhiệt liệt mừng anh em Maroc đã giành được độc lập, và thành tâm chúc anh em xây dựng một nước Maroc hòa bình, dân chủ và giàu mạnh.

Mừng đại gia đình các dân tộc độc lập đã phát triển thêm một thành viên mới.

(...) Và mừng nhân dân Pháp có thêm người bạn ở Bắc Phi. Nếu Chính phủ Pháp bao giờ cũng biết dùng cách thương lượng hòa bình để giải quyết những vấn đề xích mích giữa Pháp và các dân tộc khác, thì nước Pháp đã tránh được biết bao tai hại hao binh tổn tướng, tài tận dân cùng!”⁽¹⁾.

Qua một bài ngắn, tác giả đề cập đến hai vấn đề có tính thời đại: *độc lập dân tộc* và *phương pháp giải quyết hòa bình* các cuộc xung đột giữa hai nước là một yêu cầu khách quan, một thực tế hiển nhiên ngay

⁽¹⁾ Báo Nhân Dân, ngày 21-3-1956.

cả giữa nước đi xâm lược với nước đấu tranh cho độc lập. Với vấn đề thứ hai, tác giả bài báo còn muốn gợi ra một phương châm và phương hướng giải quyết bằng hòa bình của Chính phủ Pháp đối với các thuộc địa của Pháp còn lại ở khắp mọi nơi, để khỏi “hao binh tổn tướng”, “khởi tài tận dân cùng”.

Xudăng bị thực dân Anh chiếm làm thuộc địa từ năm 1898⁽¹⁾. “Do nhân dân đấu tranh dũng cảm cho nên thực dân Anh phải chịu thua, phải để cho *Xudăng* độc lập.

Thế là đế quốc lại bị đánh lui; mà đại gia đình của các dân tộc độc lập thì lại càng thêm đông đúc, mở rộng và mạnh mẽ. Vì lẽ đó, nhân dân Việt Nam ta nhiệt liệt chúc mừng nhân dân *Xudăng*”⁽²⁾.

Xudăng tuyên bố độc lập ngày 1-1-1956, thì tháng 3-1956, *Tuynidi* giành được độc lập. *Tuynidi* bị thực dân Pháp chiếm làm thuộc địa từ năm 1881. Trải qua ba phần tư thế kỷ đấu tranh gian khổ, biết bao hy sinh, “tháng 6 năm ngoái (1955), Pháp cho *Tuynidi* “tự trị”. Lẽ tất nhiên, *Tuynidi* không bằng lòng và tiếp tục đấu tranh.

⁽¹⁾ Trong bài *Mừng nước Xudăng độc lập*, C.B. viết: “Từ năm 1882, *Xudăng* bị thực dân Anh thống trị và bóc lột”. Có một số tài liệu nước ngoài viết: *Xudăng* bị Anh chiếm làm thuộc địa từ năm 1898. Chúng tôi viết niên đại theo tài liệu của nước ngoài.

⁽²⁾ *Báo Nhân Dân*, ngày 21-1-1956.

Ngày 20-3-1956, Chính phủ Pháp tuyên bố quyền độc lập của Tuynidi. “Đó là một thắng lợi to lớn riêng của nhân dân Tuynidi, một thắng lợi to lớn chung của phong trào dân tộc giải phóng trên thế giới và của tinh thần đoàn kết Băngđung của các dân tộc Á - Phi”.

“Chúng ta nhiệt liệt chúc mừng anh em Tuynidi, chúc mừng anh em châu Phi!”

Vẫn một sách lược chính trị mềm dẻo, C.B. viết: “Trong một thời gian ngắn, đã trả lại quyền độc lập cho hai dân tộc, vô luận động cơ thế nào, đó cũng là một thành tích của Chính phủ Pháp do Đảng Xã hội cầm đầu”⁽¹⁾.

Kênia là thuộc địa của đế quốc Anh từ năm 1920. Từ năm 1953, ở đây có phong trào dân tộc giải phóng gọi là “Man Man”. Thực dân Anh thắng tay đàn áp phong trào yêu nước.

Tác giả bài báo, C.B. cho biết: “Hôm 7-6-1956, Quốc hội Anh thảo luận vấn đề Kênia. Có mấy đại biểu đã nêu lên những việc như sau:

+ Ở Kênia có 5 vạn người da trắng và 550 vạn người da đen. Tại “Hội nghị dân biểu”, có 3.500 người da trắng thì có 1 đại biểu, người da đen thì 100 vạn người mới có một đại biểu.

⁽¹⁾ Báo Nhân Dân, ngày 26-3-1956.

+ Chỉ trong năm ngoái đã có 12.000 người bị bắt, nhiều người bị bắt không có tội tình gì. Tất cả có hơn 46.000 người bị ở tù.

Năm 1954, có 2.818 người bị xiềng chân, xiềng tay.

Trong số hơn 1.000 người bị tử hình, hàng trăm người bị xử tử chỉ vì có vũ khí.

Có những trẻ em mới 6 tuổi cũng bị bắt giam

Có một em gái 12 tuổi bị 7 năm khổ sai.

Hai em gái 12 tuổi bị tù chung thân.

Nói tóm lại:

“Mấy đời bánh đúc có xương

Mấy đời họ thực mà thương dân lành”.

Cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp giành được thắng lợi đã đem lại sức mạnh mới và lòng tin cho nhân dân các nước thuộc địa chống chủ nghĩa đế quốc nhất định sẽ thành công, trước hết là các nước thuộc địa ở châu Á và châu Phi. Những người yêu nước ở các nước thuộc địa đã dành cho Việt Nam một sự quý mến chân thành, coi đó là một tấm gương của phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển và Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng của sự nghiệp giải phóng vĩ đại ấy trên toàn thế giới.

Trong thực tiễn đấu tranh, nhân dân các nước châu Phi đã nhận thức được rằng: “để có đủ lực lượng không những đủ sức đương đầu với chủ nghĩa đế quốc mà còn phải đánh bại chúng, cần có một mặt trận đoàn kết dân tộc trong nước, đồng thời xây dựng liên minh quốc tế với những thuộc địa khác, làm cho khả năng tự giải phóng và viện trợ quốc tế bổ sung cho nhau và tăng cường sức chiến đấu để mau đi tới thắng lợi. Tổ chức Liên Phi (Panafricanisme) là một ví dụ, ra đời từ đầu thế kỷ thứ XX. Đến năm 1955, Hội nghị Á Phi được triệu tập, họp ở Băngđung (Indônêxia); tháng 4-1958, Hội nghị lần thứ nhất các nước châu Phi độc lập họp ở Accra, thủ đô Gana; tháng 12-1958, Hội nghị các dân tộc toàn châu Phi khai mạc tại Accra; Hội nghị các nguyên thủ các nước độc lập châu Phi họp ở Addis Abêba, thủ đô Êtiôpia, tháng 5-1963, tại Hội nghị này quyết định lấy ngày 25-5 là “Ngày đoàn kết châu Phi”...

Sau thắng lợi của Việt Nam tháng 6-1954, đế quốc Mỹ hốt hoảng tìm cách ngăn chặn ảnh hưởng của Việt Nam sang các nước châu Á. Chúng tập hợp chính quyền phản động tay sai họp ở Mani, thủ đô Philippin, ngày 8-9-1954, thành lập Khối liên minh quân sự Đông Nam Á (OTASE) đặt tại Nam Việt Nam, Campuchia và Lào dưới sự bảo trợ của chúng. Đây là đòn phản kích đầu tiên chống lại cách mạng Việt Nam, Lào và

Campuchia sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954. Hiệp ước của Khối liên minh quân sự OTASE được xác định hiệu lực ở hội nghị ở Băngcốc ngày 19-12-1955 do Mỹ cầm đầu, với sự tham dự của bốn tay sai đã có mặt ở Hội nghị Mani ngày 8-9-1954.

Để mở một cuộc tấn công mới vào chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, trên một địa bàn rộng như là một trận địa bao vây Khối liên minh quân sự Đông Nam Á, Việt Nam đã cùng một số nước đứng ra triệu tập Hội nghị Á Phi lần thứ nhất họp ở Băngđung (Indônêxia). Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu đoàn đại biểu nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tham dự hội nghị. Hội nghị có đại biểu của 29 nước châu Á và châu Phi; trong đó châu Phi có đại biểu của 7 nước: Ai Cập, Êtiôpia, Libêria, Libi, Xuđăng, Bờ biển Vàng⁽¹⁾, Yêmen. Hội nghị họp từ ngày 18 đến 24-4-1955. C. B. viết hai bài: *Chúc mừng hội nghị Á Phi*⁽²⁾ và *Mặt trận thống nhất Á Phi*⁽³⁾.

Tác giả viết: “Đó là một cuộc hội nghị rất to và có mấy ý nghĩa rất lớn:

- “Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử mà các dân tộc Á Phi gặp mặt đông đủ như vậy. Cũng là lần đầu

⁽¹⁾ Bờ biển Vàng, là thuộc địa của Anh từ năm 1661, tiếng Anh là Gold Coast, tiếng Pháp là Côte de l'or, ở Tây Phi, nay gọi là nước Cộng hòa Gana, thủ đô là Accra.

^{(2), (3)} *Báo Nhân Dân*, ngày 18-4-1955.

tiên mà một cuộc hội nghị quốc tế của các dân tộc Á Phi không có bọn đế quốc phương Tây thờ mũi vào.

- Nhân dân Á Phi đã vươn mình tự mình hội họp, tự mình giải quyết công việc của mình, không để bọn đế quốc nhúng tay vào.

- Giữa các nước Á Phi tuy có những chế độ chính trị khác nhau, nòi giống khác nhau, trình độ khác nhau và nhiều điểm nữa khác nhau; song có những điều giống nhau. Đó là nhân dân nước nào cũng yêu chuộng hòa bình, cũng chán ghét chiến tranh, cũng muốn sống tự do độc lập.

Vì vậy, Hội nghị Á Phi chắc sẽ có kết quả tốt đẹp là: đoàn kết lực lượng của 1.440 triệu người để chống âm mưu chiến tranh của phe đế quốc Mỹ, để giữ gìn hòa bình ở châu Á, châu Phi và khắp thế giới và để tìm cách trao đổi kinh tế và văn hóa giữa các nước Á Phi với nhau.

Cho nên nhân dân Việt Nam ta cùng nhân dân thế giới nhiệt liệt hoan nghênh Hội nghị Á Phi và thành khẩn chúc Hội nghị thành công tốt đẹp”⁽¹⁾.

Từ năm 1960 trở đi, một loạt nước độc lập ở châu Phi ra đời. Từ ngày 23 đến 28-5-1963, Hội nghị những người đứng đầu các nước độc lập ở châu Phi họp ở Adi Abêba, thủ đô nước Êtiôpia, T.L. viết bài hoan

⁽¹⁾ Báo Nhân Dân, ngày 18-4-1955.

ngành hội nghị dưới nhan đề: *Một cuộc hội nghị rất quan trọng*⁽¹⁾.

Tác giả viết: “Sau cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là trong vòng mười năm nay, nhân dân châu Phi lần lượt nổi lên chống bọn đế quốc xâm lược, giành lại chủ quyền độc lập. Máy thời gian lịch sử sau đây chứng tỏ cuộc biến đổi long trời lở đất ấy:

Năm 1955, Hội nghị Á - Phi ở Băngđung, châu Phi chỉ có 4 nước độc lập tham gia.

Năm 1958, Hội nghị Accra (thủ đô nước Gana), châu Phi mới có 8 nước độc lập tham dự

Năm 1963, Hội nghị vừa rồi ở Adi Abêba (thủ đô nước Etiôpi), châu Phi có 32 nước độc lập (gần 90% số người, gần 80% diện tích toàn châu Phi).

Nghị quyết của Hội nghị này gồm có mấy điểm rất quan trọng:

- Đoàn kết nhân dân châu Phi. Đoàn kết nhân dân Á Phi;
- Ra sức giúp đỡ những dân tộc châu Phi đang đấu tranh giành độc lập;
- Đấu tranh tiêu diệt chủ nghĩa thực dân, giải phóng tất cả các dân tộc châu Phi;
- Chống phân biệt chủng tộc. Chống chạy đua binh

⁽¹⁾ Báo Nhân Dân, ngày 26-5-1963.

bị. Chống vũ khí nguyên tử. Đấu tranh cho hòa bình.

Hội nghị này đã làm nổi bật sự thất bại nhục nhã và bước đường cuối cùng của chủ nghĩa thực dân. Nó làm nổi bật thắng lợi to lớn của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Trong cuộc chiến đấu gian khổ và anh dũng chống Mỹ - Diệm, đồng bào miền Nam ta chắc rất phấn khởi về kết quả tốt đẹp của cuộc hội nghị ấy, và coi thành công của nhân dân châu Phi anh em cũng như thành công của mình”.

Cùng với những bức điện văn, thư, diễn văn chào mừng các vị nguyên thủ, các nhà lãnh đạo các nước châu Phi với tư cách là Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, những bài báo của Người đề cập đến nhiều vấn đề, với nội dung rất phong phú, chung quy lại là sự ưu ái, thông cảm với những đau khổ của nhân dân châu Phi, hết lòng tin tưởng ở nghị lực và tiền đồ đấu tranh tự giải phóng của họ. Đồng thời, đó cũng là những đòn tiến công bằng những phương thức khác nhau, như sử dụng nhiều chủng loại vũ khí công kích vào một mục tiêu nhất định, là chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, đang áp bức bóc lột và thống trị ở châu Phi hay đã bị đánh bật ra, lại mưu toan trở lại cướp bóc bằng con đường chủ nghĩa thực dân mới.

Là một người xuất thân từ địa vị nô lệ thuộc địa, Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu sâu sắc cuộc sống và đấu tranh của các bạn châu Phi. Là một chiến sĩ cộng sản đứng trên hàng tiên phong của mặt trận giải phóng các dân tộc bị áp bức, đồng thời là Chủ tịch một nước độc lập, có chủ quyền, Người đã phát huy ảnh hưởng, kinh nghiệm đấu tranh, đề cao nghĩa vụ quốc tế của nhân dân Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, cổ vũ các dân tộc châu Phi dũng cảm tiến lên, tranh thủ mọi nhân tố quốc tế thuận lợi để giành độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Người luôn luôn gắn vận mệnh của cách mạng châu Phi với cách mạng Việt Nam, coi mỗi thắng lợi của cách mạng châu Phi như thắng lợi của chính mình. Mỗi thắng lợi của phong trào độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội ở châu Phi là một sự viện trợ lực lượng cho cách mạng Việt Nam cả về tinh thần và vật chất rất quý báu, là những cống hiến quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì độc lập, dân chủ, hòa bình và tiến bộ xã hội.

Với một nhãn quan chính trị sáng suốt của một nhà cách mạng giàu kinh nghiệm, những hoạt động quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cao uy tín của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, của Đảng Lao động Việt Nam trước bạn bè ở châu Phi.

Kết luận

1. Là người dân một nước mất chủ quyền, thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc xâm lược, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành ôm ấp tinh thần truyền thống bất khuất của dân tộc đi tìm đường cứu nước. Hiểu nỗi đau đớn, nhục nhã của dân tộc mình, trên đường sang phương Tây, ghé qua nhiều nước thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc ở châu Phi, được tận mắt nhìn thấy những cảnh tượng nghèo đói, bị khinh rẻ và hành hạ của bọn thống trị da trắng với người da màu, anh chạnh lòng, cảm thông nhanh chóng với những người cùng cảnh ngộ như dân mình.

Đây là cảm nhận ban đầu về sự liên minh các dân tộc bị áp bức, những người bạn “cùng hội cùng thuyền”, “đồng bệnh tương lân”.

Trong quá trình sống, lao động, đi tìm con đường cứu vớt dân tộc mình và những người dân nô lệ ở khắp các nước, Nguyễn Tất Thành đã khám phá ra tư tưởng của Lênin qua Luận cương về vấn đề dân tộc và

thuộc địa. Đây là bước ngoặt trong tư tưởng chính trị của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc. Xem châu Phi cũng như các thuộc địa khác là nạn nhân của chủ nghĩa đế quốc, là bạn của Việt Nam, phải hợp thành một trận tuyến tạo nên sức mạnh có tính thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, liên minh với giai cấp vô sản các nước, đi theo con đường của cách mạng vô sản, của Quốc tế thứ III, của Lênin.

Từ đây, vị trí chính trị của Nguyễn Ái Quốc bắt đầu thay đổi, từ một đảng viên Đảng Xã hội Pháp trở thành đảng viên Đảng Cộng sản. Đồng thời, một hệ thống quan điểm lý luận và chính trị về giải phóng châu Phi dần dần xuất hiện ở người cộng sản Nguyễn Ái Quốc. Hoạt động lý luận, chính trị trong cuộc đấu tranh giải phóng châu Phi của Nguyễn Ái Quốc tập trung trước hết vào các thuộc địa của đế quốc Pháp, được mở rộng trên bình diện toàn bộ các thuộc địa của các đế quốc Anh, Bỉ, Tây Ban Nha ở châu Phi, tương ứng với quá trình phát triển của Người, từ đảng viên Đảng Cộng sản Pháp trở thành một cán bộ của Bộ Phương Đông Quốc tế Cộng sản, đương nhiên gắn châu Phi với vận mệnh của tất cả các dân tộc bị chủ nghĩa đế quốc áp bức ở châu Á và châu Mỹ La tinh.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành lập, với

cương vị mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đấu tranh tích cực trên mặt trận ngoại giao để ủng hộ sự nghiệp giải phóng dân tộc và củng cố độc lập dân tộc của các nước châu Phi với tư cách là Nhà nước Việt Nam, Đảng của giai cấp vô sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam anh hùng.

Dưới con mắt của những người yêu nước và cách mạng châu Phi, từ đầu những năm 20 trở đi, giữa Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với các dân tộc châu Phi đã xuất hiện và phát triển mối liên hệ đồng cảm ngày càng sâu sắc. Các dân tộc châu Phi khi còn là những người nô lệ thuộc địa cho đến lúc đứng lên làm chủ đất nước đã tìm thấy một người bạn thân thiết, tin cậy, đáng kính là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, từ châu Á xa xôi.

Đứng chung trong một chiến hào chống chủ nghĩa đế quốc, cuộc chiến đấu lâu dài, gian khổ của châu Phi và Việt Nam đã cổ vũ lẫn nhau, bồi bổ kinh nghiệm cho nhau để cùng chiến thắng. Các dân tộc châu Phi ngày càng biết rõ về đất nước, con người, về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm giành độc lập và chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội để mang lại hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam do Hồ Chí Minh tổ chức và lãnh đạo. Việt Nam đã làm nhiệm vụ lịch sử có ý nghĩa thế giới và thời đại là

người chiến sĩ tiên phong mở đường đánh sập chủ nghĩa thực dân cũ và chặn đứng chủ nghĩa thực dân mới. Các bạn châu Phi tiếp tục tiến công đánh đổ về cơ bản hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ, đấu tranh đẩy lùi và chiến thắng từng bước chủ nghĩa thực dân mới âm mưu thay thế chủ nghĩa thực dân cũ.

2. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, trong sự tiếc thương chung của thế giới, các nhà lãnh đạo chính trị và nhân dân châu Phi đã biểu lộ tình cảm riêng của mình đối với Người.

Trong bức điện chia buồn của Đảng Cộng sản Tuynidi, có đoạn: “Chúng tôi biết rằng chính cuộc đấu tranh thắng lợi của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp đã đóng một vai trò quyết định trong việc thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và trong thế giới Arập và mở đầu sự tan rã của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Đối với tất cả các dân tộc châu Phi và châu Á, Đồng chí Hồ Chí Minh là hiện thân của cuộc đấu tranh đó ⁽¹⁾”. Đây cũng là suy nghĩ và tiếng nói chung của các đảng cộng sản và công nhân châu Phi đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

⁽¹⁾ *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, H.1970, t.I, tr.132.

Các vị nguyên thủ quốc gia châu Phi gửi tới Chính phủ ta những bức điện chia buồn, trong đó đánh giá rất cao cống hiến của Người: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là người mở đầu cho cuộc đấu tranh của nhân dân các nước trong thế giới thứ ba để tự giải phóng khỏi ách kìm kẹp của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc. Tên tuổi của Người mãi mãi sẽ là một biểu tượng và hoạt động của Người là một gương sáng”⁽¹⁾. “Xuất sắc và dũng cảm, người anh HỒ CHÍ MINH là tấm gương tốt đẹp đối với các dân tộc Á - Phi trong cuộc đấu tranh cao cả chống đế quốc, chống thực dân cũ và mới”⁽²⁾.

Quyền Chủ tịch Liên hiệp nhân dân châu Phi Dimbabuê J. R. D. Sikèrèma điện đến Quyền Chủ tịch Tôn Đức Thắng về “Chủ tịch HỒ CHÍ MINH kính mến của chúng ta, vị lãnh tụ kính yêu nhất của các lực lượng cách mạng trên thế giới từ trần (...). Mong rằng tinh thần của Người sẽ cổ vũ các lực lượng cách mạng đang chiến đấu ở khắp mọi nơi trên thế giới. Mong rằng lập trường kiên cường của Người trong việc giữ vững các nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản sẽ là đường lối chỉ đạo chúng ta cho tới ngày giải

⁽¹⁾ *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Sdd, t.I, tr.175 (Điện của Chủ tịch Huari Bumêdiên).

⁽²⁾ *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Sdd, t.I, tr.182 (Điện của Tổng thống Atmét Xêcu Turê).

phóng thế giới”⁽¹⁾. Ban Chấp hành Trung ương Đảng châu Phi đấu tranh cho nền độc lập của Xênegan điện tới Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam: “Những người yêu nước Xênegan và Đảng chúng tôi sẽ không bao giờ quên rằng trong những năm 20 tại chính quốc của chủ nghĩa đế quốc Pháp, Chủ tịch HỒ CHÍ MINH là một trong những người đầu tiên cổ vũ những người đi tiên phong trong sự nghiệp giải phóng Xênegan và châu Phi da đen chống chủ nghĩa thực dân Pháp. Chúng tôi cũng sẽ không bao giờ quên rằng Chủ tịch HỒ CHÍ MINH đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam anh hùng giáng cho chủ nghĩa thực dân Pháp một thất bại quyết định, do đó đã thúc đẩy và tạo điều kiện dễ dàng cho việc thức tỉnh ý thức dân tộc và giành độc lập chính trị của nước chúng tôi”⁽²⁾. Liên hiệp dân tộc độc lập hoàn toàn Ănggôla “thương tiếc nhà yêu nước vĩ đại HỒ CHÍ MINH không phải trong tinh thần thất vọng, mà trong tinh thần hy vọng và quyết tâm tiếp tục kiên trì cuộc đấu tranh vũ trang cho đến khi đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa đế quốc”⁽³⁾.

Các nhà cách mạng châu Phi muốn ghi sâu sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân

⁽¹⁾ *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Sdd, t.II, tr.27-28.

⁽²⁾, ⁽³⁾ *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Sdd, t.II, tr.42, 23.

nước mình, lấy tên đẹp để đó thường xuyên cổ vũ nhân dân mình tiến lên đấu tranh củng cố độc lập dân tộc, xây dựng đất nước giàu mạnh, nhân dân hạnh phúc, bằng cách đặt tên Hồ Chí Minh cho các địa phương, trường học, đường phố, công viên. Ngay từ năm 1969, một căn cứ đã được giải phóng trong nội địa Êritôre ở Êtiôpia mang tên HỒ CHÍ MINH. Ở Angiêri, ngày 4-9-1969, Chủ tịch Bumêđiênn chủ trì lễ đặt tên một đường phố chính ở thủ đô Angiê là đường phố HỒ CHÍ MINH; sau đó, một trường trung học của con em lao động ở ngoại ô thủ đô Angiê lấy tên trường trung học HỒ CHÍ MINH. Ở Ănggôla, có viện nghiên cứu khoa học nông nghiệp và trường sư phạm kỹ thuật ở tỉnh Huamđô, trường trung học ở tỉnh Cabinda, một đại lộ ở thủ đô Luanda mang tên HỒ CHÍ MINH. Ở Ghinê, có khu phố Tuyna và Trường trung học Kỹ thuật dệt Kankan ở thủ đô Cônakry mang tên HỒ CHÍ MINH. Thủ đô Antananarivo ở Mađagátxca có công viên HỒ CHÍ MINH. Ở Môđambích, có đường phố Hồ Chí Minh ở thủ đô Maputô. Thủ đô Ađen ở Nam Yêmen có đường HỒ CHÍ MINH.

Khi được tin Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần, nhân dân ở một số nước châu Phi tổ chức lễ truy điệu hay hàng ngàn người xếp hàng lặng lẽ điếu qua Sứ quán

Việt Nam đang treo cờ tang tỏ lòng thương tiếc Người.

Báo chí các nước châu Phi viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh là “một ánh hào quang chói lọi không chỉ soi sáng nhân dân Việt Nam mà còn soi sáng cả thế giới thứ ba và các lực lượng tiến bộ (...). Tinh thần của Người sẽ mãi mãi tiếp tục cổ vũ các dân tộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và xây dựng một thế giới hòa bình và công bằng⁽¹⁾”. Các bạn Cônggô (B) coi Chủ tịch Hồ Chí Minh là “Người chiến sĩ chống chủ nghĩa thực dân vĩ đại nhất của thời đại chúng ta”⁽²⁾. Ở Cộng hòa Arập thống nhất, Bác Hồ được coi là một trong số những nhà lãnh đạo vĩ đại nhất được yêu mến và kính trọng nhất trong thời đại chúng ta⁽³⁾...

Nhân kỷ niệm năm thứ 10 tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời (1979), Hội đồng Hòa bình thế giới quyết định đặt *Giải thưởng Hồ Chí Minh*, nhận định rằng: nhân dân các nước ngày càng nhận thức ảnh hưởng của cách mạng Việt Nam đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, càng thấm thía tác động của phong trào giải phóng dân tộc đối với sự nghiệp giữ vững hòa bình và an ninh thế giới. Giải

⁽¹⁾ *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Sdd, t.III, tr.81-82.

⁽²⁾ *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Sdd, t.III, tr.111.

⁽³⁾ *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Sdd, t.III, tr.122-123.

thường là một tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh nửa thân bằng đồng, chỉ để tặng cho những dân tộc và phong trào dân tộc đã và đang đấu tranh tự giải phóng kiên quyết nhất, anh hùng nhất. Giải không tặng cho cá nhân. Năm 1980, Hội đồng Hòa bình thế giới tặng giải thưởng cho Tổ chức giải phóng Palestín (PLO) và dân tộc Palestín⁽¹⁾. Năm 1984, giải thưởng trao cho Phong trào nhân dân giải phóng Ănggôla và dân tộc Ănggôla. Năm 1986, giải thưởng trao cho Đại hội dân tộc Phi (ANC) và Tổ chức nhân dân Tây Nam Phi (SWAPO). Mỗi lần trao giải, Chủ tịch Hội đồng Hòa bình thế giới trực tiếp trao cho người đứng đầu tổ chức được tặng. Ví dụ: năm 1986, các ông Ô. Tambô, Chủ tịch ANC và X. Nugiôma, Chủ tịch SWAPO đến Luanda nhận giải do Chủ tịch Rômét Chandra trao. E Đốt Xantôt, Chủ tịch MPLA của Ănggôla - nước chủ nhà - đến Cung khánh tiết chủ trì buổi lễ.

Những câu chuyện về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền tụng rộng rãi trong nhân dân châu Phi, có sức hấp dẫn như những huyền thoại hay nhất. Nhân những dịp kỷ niệm năm chẵn ngày sinh của Người, các phương tiện thông tin đại chúng các nước lại có những bài, hình ảnh giới

⁽¹⁾ Năm 1980, Hội đồng Hòa bình thế giới còn tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh cho Phong trào Xanđinô và dân tộc Nicaragoa ở Mỹ latin.

thiệt tư tưởng và cống hiến của Người đối với châu Phi và thế giới.

3. Các nước châu Phi đã giành được độc lập chính trị, nhưng biết bao nhiêu khó khăn trên con đường phải vượt qua để đi tới đã đặt ra trước mắt. Những tình cảm chủng tộc là một cản trở tiến đến những hành động thống nhất toàn châu. Nền kinh tế của đất nước lệ thuộc vào hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa quốc tế, nên không đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thắng lợi triệt để, sự phân hóa giai cấp và mâu thuẫn giai cấp rất phức tạp. Một số người đưa ra lưu hành luận điểm “chủ nghĩa xã hội châu Phi”, “chủ nghĩa xã hội Arập”, đối lập với chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác - Ăngghen. Chủ nghĩa thực dân mới xâm nhập bằng rất nhiều thủ đoạn nham hiểm, khi tinh vi, lúc thô bạo, bằng kinh tế và ngoại giao, bằng gián điệp và lật đổ, bằng văn hóa đồi trụy và khơi dậy những tập tục lạc hậu từ xa xưa của các bộ tộc và dân tộc, câu kết với các thế lực phản động trong nước và tàn dư của các xã hội cũ để kìm hãm và ràng buộc sự phát triển của các dân tộc.

Các nước Êtiôpia, Ănggôla, Môdămbích đã xác định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội, bắt tay vào làm những công việc đầu tiên tiến vào thời kỳ quá độ.

Điều kiện lịch sử mới của các dân tộc châu Phi trong đấu tranh và phát triển khác hẳn những năm 60 trở về trước. Những tư tưởng và tinh thần cách mạng triệt để của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn không ngừng cổ vũ các dân tộc châu Phi tiến lên. Đó là kiên quyết bảo vệ độc lập dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân dưới mọi hình thức; xây dựng một nhà nước dân chủ, thật sự vì lợi ích của nhân dân đông đảo, lấy lợi ích của giai cấp công nhân và nông dân làm cơ sở cho mọi chính sách, đồng thời chú ý đúng mực đến các giai cấp và tầng lớp xã hội khác trong mặt trận dân tộc thống nhất để không ngừng củng cố và tăng cường mặt trận; xây dựng quân đội nhân dân hùng mạnh đủ sức bảo vệ thành quả của cách mạng, chống mọi kẻ thù trong nước và nước ngoài mưu toan nổi loạn, phá hoại sự nghiệp xây dựng đất nước; đoàn kết với các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới, chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân do chủ nghĩa đế quốc âm mưu tiến hành; gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, dựa trên những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản khoa học, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội “tả khuynh và hữu khuynh”, chủ nghĩa xã hội giả hiệu các loại, bảo vệ sự trong sáng của Chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên xây dựng, vun đắp và phát triển tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước châu Phi. Từ hơn nửa thế kỷ qua, nhân dân Việt Nam và nhân dân châu Phi đã ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau cả về vật chất và tinh thần, học tập kinh nghiệm của nhau trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước độc lập.

Phát huy truyền thống tốt đẹp trong lịch sử, ngày nay và trong tương lai, Việt Nam và các nước châu Phi sẽ tiếp tục đoàn kết, ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau trong công cuộc xây dựng đất nước giàu mạnh, góp phần tích cực đoàn kết các nước châu Phi và đoàn kết với nhân dân các nước trên thế giới đấu tranh bảo vệ hòa bình, như chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn.

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

I. Sách viết riêng

1. **Hợp tác xã Cao Đa, lá cờ Đại Phong của Khu tự trị Tây Bắc**, Nxb. Nông thôn, Hà Nội, 1962, 35 trang.
2. **Báo Dân chúng**, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1981, 215 trang.
3. **Báo chí cách mạng Việt Nam, 1925-1945**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984, 347 trang.
4. **Cuộc vận động Đại hội Đông Dương năm 1936**, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1985, 247 trang.
5. **Quốc tế Cộng sản với vấn đề dân tộc và thuộc địa**, Nxb. Sách giáo khoa Mác-Lênin, Hà Nội, 1987, 221 trang.
6. **Tháng Tám, trời mạnh thu**, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1987, 474 trang (Sưu tầm, biên soạn, giới thiệu tác phẩm của Nguyễn Văn Nguyễn). In lần thứ hai, Nxb. Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, 465 trang.
7. **Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Pháp**, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1988, 232 trang.
8. **Sự nghiệp báo chí của Chủ tịch Hồ Chí Minh**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, 340 trang, Nxb. Văn hóa Thông tin xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa và bổ sung, 1995, 368 trang.

9. **Mặt trận Việt Minh**, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, 118 trang.
10. **Đấu tranh bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng 1930-1945**, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 1991, 180 trang.
11. **Lịch sử báo *Tiếng Dân***, Nxb. Đà Nẵng, 1992, 260 trang.
12. **Tổng tập văn học Việt Nam, tập 20**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, 1486 trang. In lại năm 2000, đánh số tập 21.
13. **Phan Đăng Lưu, Tiểu sử - Tác phẩm**, Nxb. Thuận Hóa, Tỉnh Thừa Thiên - Huế, 1998, 457 trang.
14. **Thư tịch báo chí Việt Nam**, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, 608 trang.
15. **Từ điển thư tịch báo chí Việt Nam**, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2001, 745 trang.
16. **Đồng chí Trương Chính với báo chí**, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2003, 429 trang.

II. Sách viết chung

1. **Sổ tay từ chính trị thông dụng**, Nxb. Sự thật, Hà Nội, xuất bản lần thứ nhất, 1983; xuất bản lần thứ hai, 1985.
2. **Tổng tập văn học Việt Nam, tập 35**, Nxb. Khoa học xã hội, xuất bản lần thứ nhất, 1983; xuất bản lần thứ hai, 1983; xuất bản lần thứ ba, 1987; xuất bản lần thứ tư, 2000, đánh số tập 36.
3. **Го́сгю́р Димитро́п**, Nxb. Đảng Cộng sản Bungari (chữ Bungari), Xôphia, 1984, 294 trang.

4. **Chủ tịch Hồ Chí Minh, người chiến sĩ tiên phong trên mặt trận giải phóng dân tộc**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, 423 trang.
5. **Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội** (chủ biên). Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1986, 307 trang.
6. **Ý nghĩa thời đại của chiến thắng phát xít Hitle và quân phiệt Nhật**, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1986, 382 trang.
7. **Tình đoàn kết chiến đấu vô sản Việt Pháp**, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1986, 331 trang.
8. **Cuộc bãi công tháng 11-1936 của công nhân thuộc công ty Pháp mỏ than Bắc Kỳ**, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ninh xuất bản, 1986, 142 trang.
9. **Études vietnamiennes**, số đặc biệt về báo chí Việt Nam, in bằng hai thứ tiếng, Pháp và Anh, số 15 (85), Nxb. Ngoại văn, Hà Nội, 1986, 204 trang.
10. **Nghiên cứu - “Bản án chế độ thực dân Pháp”**, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1987, 221 trang.
11. **Chủ tịch Tôn Đức Thắng (1880-1980)**, Sở Văn hóa thông tin tỉnh An Giang xuất bản, 1988, 351 trang.
12. **Một con người bình thường và vĩ đại**, Ban Tuyên huấn tỉnh An Giang, 1989, 351 trang.
13. **Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, 431 trang.
14. **Bác Hồ với Công an nhân dân. Công an nhân dân với Bác Hồ**, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 1990, 193 trang.

15. **Chủ tịch Hồ Chí Minh, người chiến sĩ kiên cường của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế**, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1990, 383 trang.
16. **Lược sử Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam**, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, 150 trang.
17. **Tổng tập văn học**, tập 32 (chủ biên), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, 669 trang; năm 2000, in lại trong tập 35.
18. **Kỷ yếu hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng**, Nxb. Đà Nẵng, 1993, 398 trang.
19. **Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Truyền thống dân tộc và nhân loại**. Hà Nội, 1993, 283 trang.
20. **Từ điển bách khoa Việt Nam**, Phần báo chí. Cả 4 tập. Tập 1. A-Đ. Trung tâm biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, 1995. downloadsachmienphi.com
21. **Báo chí Hà Nội - Một chặng đường lịch sử (1954-1993)**, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, 222 trang.
22. **Hồ Chí Minh: Toàn tập**, tập 1 (chủ biên), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, 563 trang. In lại 2 lần.
23. **Hồ Chí Minh với nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng**, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Khoa học công nghệ và môi trường tỉnh Cao Bằng xuất bản, 1995, 110 trang.
24. **Kỷ yếu hội thảo khoa học 65 năm Xôviết Nghệ Tĩnh**, Sở Văn hóa thông tin, Bảo tàng Xôviết Nghệ Tĩnh xuất bản, 1996.

25. **Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng**, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam xuất bản, 1997, 217 trang.
26. **Kỷ niệm lần thứ 130 năm ngày sinh của Phan Bội Châu**, Huế, tháng 12-1997, 196 trang.
27. **Tổng tập văn học Việt Nam**, tập 33. Nxb. Khoa học xã hội, 1997, 684 trang.
28. **Từ điển bách khoa Việt Nam**, Tập 2, Nxb. Từ điển bách khoa, 2000, 1035 trang.
29. **Sơ lược lịch sử 50 năm báo Nhân Dân**, Nxb. Chính trị quốc gia, 2001, 322 trang (NT: Chương I, trang 7-38).
30. **Thời gian và nhân chứng**, tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, 2001, 685 trang (NT: trang 530-567).
31. **Nguyễn Văn Cừ, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam**, Nxb. Chính trị quốc gia, 2002, 703 trang. (NT: trang 513-527).
32. **Cách mạng Tân Hợi, 90 năm sau nhìn lại (1911-2001)**, Nxb. Khoa học xã hội, 2002, 302 trang (NT: trang 249-277).
33. **Phạm Tuấn Tài - Cuộc đời và tác phẩm**, Nxb. Chính trị quốc gia, 2002, 584 trang, (NT viết 21 trang, cung cấp tư liệu về Phạm Tuấn Tài và Nam Đồng thư xã 354 trang, tổng cộng là bằng 60% số trang).
34. **Từ điển bách khoa Việt Nam**, Tập 3, Nxb. Từ điển Bách khoa, 2003, 838 trang.
35. **Lịch sử văn hóa bảo tàng**, Nxb. Chính trị quốc gia, 2004, tháng 1-2004, 800 trang. (NT viết các trang 135-166).

36. **Mác-Ăngghen, Lênin, Hồ Chí Minh bàn về báo chí xuất bản**, Nxb. Chính trị quốc gia, 4-2004, 387 trang (NT biên soạn phần Mác - Ăngghen trang13-150).
37. **Họ Hà, các nhà khoa bảng, các nhân vật lịch sử, văn bia**. Nxb. Văn hóa dân tộc, tháng 11-2004, (NT viết trang 93-102).



MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản	5
Lời tác giả	7
Chương 1: Giới thiệu về châu Phi và công cuộc đấu tranh giải phóng châu Phi	
I. Đất nước, con người và lịch sử châu Phi	11
II. Chủ nghĩa thực dân xâm lược châu Phi và đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân	19
III. Mác, Ăngghen, Lênin với sự nghiệp đấu tranh giải phóng các nước châu Phi	39
Chương 2: Nguyễn Ái Quốc kịch liệt lên án tội ác của chủ nghĩa đế quốc ở châu Phi và đấu tranh vì công cuộc giải phóng các nước châu Phi	53
I. Đi tìm con đường giải phóng thuộc địa, giải phóng châu Phi	53
II. Kịch liệt lên án tội ác của chủ nghĩa đế quốc ở châu Phi	70
III. Với châu Phi thức tỉnh	121
IV. Đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng các thuộc địa ở châu Phi	131
Chương 3: Chủ tịch Hồ Chí Minh với châu Phi	
I. Thời kỳ đấu tranh bảo vệ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa non trẻ	145
II. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp	159
III. Thời kỳ sau giải phóng miền Bắc và tiếp tục đấu tranh giải phóng miền Nam	183
Kết luận	225

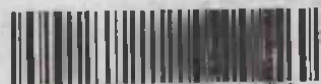
Bác Hồ với Châu Phi



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

bác hồ với châu phi



1201080001195

24,000 VNĐ

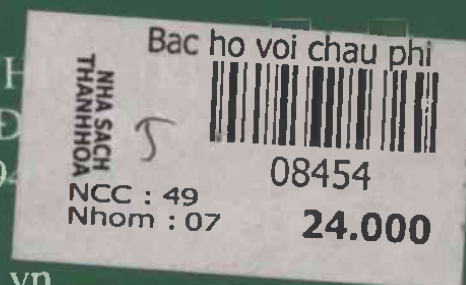
NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CH

ĐC: 56B Quốc Tử Giám - Đống Đ

ĐT: 04.7472542 - 747294

Fax: 04.7472544

Email: Nxblyluan@vnn.vn



Giá: 24.000Đ